

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn



- THIÊN-TƯỢNG
- GIÁN-MỘ
- TUYỂN TƯỚNG
- MỆNH TUỐNG
- TƯỚNG-ĐẠO
- GIẢN-LUYỆN
- QUÂN-LỄ
- THƯỜNG PHẠT
- MẠC-HẠ
- BINH-CỤ
- HIỆU-LỆNH

Lời nói đầu.

Việc binh là việc sống chết của nhân-dân, là việc còn mất của quốc-gia nên bất cứ triều-đình nào, chánh-phủ nào, cũng đều phải lưu tâm đến binh-học. Bởi lẽ ấy, các võ-quan thời xưa đều phải thi võ-thuật và chịu khảo-hạch về binh-thư.

Nhưng các binh-thư lại có rất nhiều thứ. Phần Nghệ-văn-Chí trong Hán- thư có chép rằng :
Nhiệm-hoành chia các binh-thư ra làm 4 loại :

- 1.Binh *Quyền Mưu*,
- 2.Binh *Hình-thế*.
- 3.Binh *Âm Dương*
- 4.Binh *Kỹ-xảo*.

Nếu điểm qua các binh-thư trứ danh của Trung-quốc trong các đời thì về đời Tam-hoàng có các sách:

Huỳnh Đế Binh Pháp

Ốc-Kỳ-Kinh của Phong-Hậu

Trong đời Chu được soạn các sách:

Thái-Công Binh-pháp của Lã-Vọng

Lục-Thao của Triều-đình Chu

Chu-Công Tư-Mã-Pháp

Tư-Mã Binh-pháp của Điền-Nhuơng-Tư (nước Tề)

Tôn-Tử Binh-pháp của triều-đình Ngô

Ngô-Tử Binh-pháp của triều-đình Ngụy

Uất-Liêu-Tử Binh-pháp của Uất-liêu (học trò của Quỷ Cốc Tử)

Trong đời Hán có:

Tổ-thư của Huỳnh-thạch-công

Tâm-thư của Khổng-minh

Vào đời Đường có:

Thái-Bạch Âm-Kinh của Lý Thuyên

Lý-Vệ-Công Văn-Đôi của triều-đình Đường,...

Nếu chỉ xét riêng các binh-thư còn thấy được ngày nay cũng có tới 53 nhà:

- 13 nhà về *Quyền Mưu*
- 11 nhà về *Hình Thế*
- 16 nhà về *Âm-dương*
- 13 nhà về *Kỹ Xảo*

Xem trên thì đủ hiểu rằng binh-học sâu rộng như rừng, như biển, làm sao các võ-quan có thể đọc hết các binh-thư được.

Bởi thế, các đời sau có soạn những bộ binh thư tổng-hợp thường được gọi là Võ Kinh.

Trong đời Tống có các bộ:

Võ Kinh Tổng-Yếu (40 quyển) của nhóm Tăng-Công-Lượng

Hổ Kiềm-Kinh (20 quyển) của Hứa Động

Bị-Luận (1 quyển) của Hà-Khứ-Phi

Mỹ-Cân-Thập-Luận (1 quyển) của Tân-Khí-Tật

Võ-Kinh Thất-Thư gồm có 7 sách tuyển-định là:

- 1.Thái-Công Binh-pháp
- 2.Lục-Thao
- 3.Tư-Mã pháp
- 4.Tôn-Tử
- 5.Ngô-Tử
- 6.Uất-Liêu-Tử
- 7.Lý-Vệ-Công Vấn-Đối

Trong đời Minh có các bộ :

Võ-Kinh Khai-Tông (14 quyển) của Huỳnh-Hiến-Thần

Võ-Kinh Tá-Nghị (7 quyển) ;

Võ Biên (12 quyển) của Đường-Thuận-Chí

Võ-Bị Chí (240 quyển) của Mao-Nguyên-Nghị

Võ-Bị Tâm-Lược (7 quyển) của Thi-Vinh-Đồ, vân vân.

Các binh thư soạn ra thực là nhiều, không kể xiết! Nhưng từ đời Minh trở về sau binh-học của Trung quốc có vẻ suy-đổi nên các binh-thư soạn ra về sau ít được người đời nhắc nhở.

Trong dĩ-vãng, nước Việt-nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh. Các triều đại lớn như Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn đều được xây-dựng và giữ-gìn bằng chiến-công nên không thể xao-lãng nghề võ. Vì chịu ảnh hưởng của văn-minh Trung-quốc, các võ tướng Việt Nam ắt phải đọc những binh thư của Trung-quốc điều ấy cũng hợp lẽ, vì các binh-thư ấy rất có giá-trị, không phải riêng đối với Á-Đông, mà còn đối với thế giới nữa. Thử hỏi các binh-gia Âu-tây ngày nay, ai mà không biết uy-danh của SUN TZE tức là Tôn-Tử?

Ngoài ra, các triều-đình Việt Nam cũng có san-định võ-kinh riêng để cho các tướng sĩ học tập. Nếu chỉ kể những bộ nổi tiếng nhất thì đời Trần có bộ Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền và bộ Binh-Thư Yếu-Lược của Hưng-Đạo Vương Trần-Quốc-Tuấn, đời Nguyễn có bộ Hồ-Trưởng Xu-cơ của Lộc-Khê Hầu Đào-Duy-Tử.

Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền là một binh-thư rất quý, thuộc loại âm-dương học, không thể phổ-thông ra ngoài dân chúng, vậy ta không thể bàn-luận điều gì. Nhân-Huệ-Vương Trần-khánh-Dur đề tựa sách ấy, viết như sau:

"Phàm dùng binh giỏi thì không cần bày trận, bày trận giỏi thì không cần đánh, đánh giỏi thì không thua, khéo thua thì không mất.

"...Ngài Quốc công của chúng ta (tức là Vương Hưng-Đạo) xem hoạ đồ của các nhà mà soạn thành một bộ sách, tuy chỉ chọn lấy các chỗ tinh-vi nhưng sao lục đầy-đủ các chỗ cốt-yếu, loại bỏ các chỗ vụn vặt, rút lấy các chỗ thực-dụng, đều lấy năm hành tương ứng chín cung thay nhau, phối-hợp cứng mềm, xoay-chuyển tuần-hoàn, lạ-lùng bất ngờ, về thần-sát thất-diệu (trời, trăng và 5 sao kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), hưng-thần ác-tướng, tam cát ngũ-hung đều chỉ bày rõ ràng..."

"Sách ấy dùng đã ba đời trăm đánh trăm thắng, cho nên đương thời có thể làm rúng-động quân Hung-nô (Mông-cổ) ở phía bắc, làm cho nước Lâm-Âp ở phía tây phải khiếp uy, nên sách này được biên-chép làm của gia~truyền không được phép tiết lộ ra ngoài.

"Có lời di-chức (của Vương Hưng-Đạo) dặn rằng : Về sau con cháu, bồi-thần học được bí thuật này phải thi hành cho sáng suốt không được bày trận ám-muội hồ đồ.

"Lại có di-văn (của Vương) dạy rằng : nếu không tuân lời dạy..thì sẽ chiêu vớ tai-ương hoạn-nạn cho tới con cháu, đó là bởi tiết lộ thiên-cơ vậy"
Xem lời dặn của Vương, ta đủ hiểu rằng Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền là sách thuộc loại âm-dương-học chỉ dành riêng cho các bậc quân-su để cha truyền con nối mà giữ nước. Thêm nữa, danh-tử Vạn-Kiếp Tông tỏ rõ ý-chí của Vương muốn lập một tông-phái võ học tại Vạn-kiếp và Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền chính là binh-phả biệt-truyền của môn-phái.

Trái với bộ sách bí truyền nói trên, bộ Binh-thư Yếu-Lược là một võ-kinh thông thường có thể phổ-biến trong giới tướng-sĩ. Trong bài hịch răn dạy các tỳ-tướng, Vương há chẳng nói *"Các người nếu chuyên tập sách này, nghe lời dạy bảo của ta, ắt đó là duyên thầy-trò kiếp xưa; còn nếu khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, ắt đó là mối cừu-thù kiếp trước!"* hay sao?

Tại sao các bộ Võ-kinh của triều Tống rất được thông-dụng mà Vương lại còn soạn ra bộ Binh-Thư Yếu-Lược?

Hoặc Vương thấy các võ-kinh của Trung-quốc không được đầy đủ nên Vương muốn thêm vào những kinh-nghiem của mình chẳng?

Hoặc Vương muốn người Việt phải có óc tự-lập, tự chủ nên Vương tự soạn ra một bộ binh-thư riêng biệt cho giới võ tướng Việt-nam chẳng?

Đầu sao, bộ Binh-Thư Yếu-Lược đánh dấu một giai-đoạn mới cho nền binh-học Việt-nam bắt đầu muốn giữ một bản-sắc độc lập

Một điều đáng để ý là bốn Binh-thư Yếu-lược còn lại ngày nay có chứa nhiều sự-kiện lịch-sử

liên-quan đến hai triều Lê, Nguyễn: điều ấy chứng tỏ rằng triều Nguyễn cũng dùng sách ấy và đã thêm vào nhiều đoạn mới. Vậy ta có thể kết-luận rằng :

•Binh-thư Yếu-Lược
là bộ võ-kinh đầu tiên của Việt Nam
được thông-dụng trong
các triều Trần, Lê, Nguyễn.

Về sau, xu-hướng tự-lập, tự-cường của nền binh-học Việt Nam càng được nhận thấy rõ ràng trong cuốn Hồ-Trưởng Xu-Cơ mà Lộc-Khê Hầu Đào-Duy-Từ" đã tự soạn ra cho triều Nguyễn khác hẳn các binh-thư xưa, sách này được chia ra 3 phần theo thuyết tam-tài : Thiên-tập, Địa-tập và Nhân-tập.
Sau đây xin trích dẫn một đoạn trong bài tựa của Hầu Tước Lộc-Khê ở đầu cuốn Hồ Trưởng Xu-cơ:

*"Người xưa có nói rằng :
- Nếu dùng chiến tranh để ngăn ngừa chiến tranh đầu phải đánh nhau, việc ấy cũng nên làm.
- Nếu giết người để yên người, đầu phải giết người, việc ấy cũng nên làm.*

"Nhưng trong việc chinh-chiến có rất nhiều phép tắc, sát phạt có nhiều phương-sách chứng giống nhau. Có trí thì dùng trí, không trí thì dùng sức.

"Việc đánh phá các chỗ vững bền, cầm bắt tinh-binh của địch, cỡi ngựa múa roi, bỏ công-lao ra sống vào chết, nuôi chí thịt nát xương tan, đó chẳng qua là làm kẻ võ dũng, đâu có thể địch lại muốn người? Đó gọi là không dùng trí thì dùng sức vậy!

"Nay tôi thà đầu trí hơn là đầu sức, do đó ngẩng mặt tuân theo diệu ý của thánh hiền đời trước, cúi xuống nhờ cậy vào tài năng khéo-léo của các bạn lành, kiểm hết các kinh sách lạ-lùng trong thiên-hạ, tìm xem các phép-tắc khác thường xưa nay, rửa nghiên thấm bút, cúi chép một sách đặt nhan đề là Hồ-Trưởng Xu-Cơ Trong sách ấy, bất cứ là hoả-công, thủy-chiến, trận răn, trận chim, chiến lược, mưu-kế, các việc cơ-mật của binh-gia không chỗ nào mà không hoàn bị. Nếu tướng sủy có cơ trí học được sách ấy thì có thể lập được công danh đứng trên muốn người đem lại thái bình trong mối hồi trống ! Vậy nên trân-trọng giữ-gìn sách ấy mà chỗ truyền thụ cho người ngoài vận-dụng."

Lý-do chính đã thúc giục Hầu-tước Lộc-Khê soạn ra bộ Hồ-Trưởng Xu-Cơ là các binh-thư của Trung-quốc quá rườm-rà và khó hiểu. Ta hãy xem một đoạn trích-dẫn từ bài tựa của ông Cao-Khuê Chiêu-Dương trong bốn chép tay vào đời Đồng-Khánh.

"Nếu có ai hỏi tôi rằng : Phàm việc còn mất của xã-tắc, việc mừng lo của nước của Vua đều tùy -thuộc vào một người tướng-sủy. Cho nên làm tướng mà học binh-pháp thì cốt phải tinh-thông chứ chẳng cần học nhiều, cần phải mạnh-dạn mà phải gom kiểm mưu-trí nhờ đó mà khi ra khỏi cửa thành, tướng-sủy có thể nắm vững then chốt phép cầm binh, là nơi treo giữ số-mệnh của ba quân. Nếu nghề võ chẳng được tinh-thông mà tướng-sủy lại thiếu mưu-trí thì trong khoảnh-khắc lật ngược bàn tay, giang-son phải chịu đổi dời, như thế chẳng đáng cần-thận hay sao?

"Và lại các sách đã soạn ra không phải là không hay nhưng lời-lẽ quá rườm rà, rắc rối, nhiều chỗ tinh thô chẳng giống nhau, khiến cho độc-giả như ngồi đày giếng nhìn lên trời cao, thả mắt con thuyền lênh-dềnh trên biển cả, mờ-mịt không biết nguồn cội ra sao, mênh-mông chẳng dò ra manh-mối, đành phải chịu như thế vậy !

"Cho đến triều ta, có ngài Lộc-khê có chí-khí ngang-nhiên khác thường cứ xem ngài phò-tá Vua Thánh-tổ nhà ta. Để danh tiếng nghĩa-đũng lại ngàn năm mang lại thái-bình trong một ngày như thế trong thâm tâm của ngài thực có chứa muôn ngàn giáp-binh vậy. Đến khi ngài trả ấn về hưu, vui cạnh núi vườn, cứ xem cái xu-hướng ấy cũng đã biết rằng ngài đứng ngang hàng với các bậc Y Doãn, Lữ-Vọng, Tử-phòng, Khổng-minh vậy.

"Đến khi năm trời sắp hết lại sợ tâm-thuật của ngài không được truyền lại. tài-trí thần-diệu phải bị chôn vùi nhưng may-mắn có ông Triệu-Điền lanh-lẹ hơn người được ngài đích-thân truyền dạy, rồi tới hai vị Bửu-Thúc, Cao-Lượng khám-phá các điều sở-học của ngài Lộc-Khê và của ông Triệu-Điền mà người đời chưa từng biết, đem ra truyền dạy cho nhau, thực là của báu của trời đất, há dễ ai mà thấu lượm hết được.

"Lại gặp bạn tôi là Hà-Hỗ cũng ham-thích môn học bí truyền, nên chẳng tiếc công-lao, rửa nghiên thấm bút, chép ra một pho chia thành ba cuộn gọi là Hồ-Trưởng Xu-Cơ, trong đó tỏ bày tất cả then mấy huyền-bí của trời-đất, gom hết tinh-hoa của vũ-trụ, nên tôi không thể nén lòng phấn-khởi, vui~-mừng mà cũng viết thêm ít lời như trên đây".

Ta xem trên thì đủ hiểu rằng, sau Binh-Thư Yếu-Lược, bộ Hồ-Trưởng Xu-Cơ là Võ Kinh mới nhất của Việt-nam vậy.

Như thế đã từ lâu, tổ-tiên của chúng ta muốn sáng-tạo một nền binh-học độc-lập. Óc tự-lập, tự -cường ấy không phải là không chính-đáng. Đọc lịch-sử, ta thấy rằng ngoài việc bình Chiêm, sáp-nhập Chân-lạp, đánh Xiêm, Lào để mở rộng bờ cõi, nước Việt-Nam nhỏ bé đã lập nhiều chiến-công hiển-hách để giữ-gìn non sông:

Đời Ngô phá Hán

Đời Lý đánh Tống
Đời Trần bình Nguyên
Đời Lê đuổi Minh
Đời Tây-sơn phá Thanh

Và trong khoảng 20 năm gần đây quân Việt mặc dầu ở phe-phái nào cũng đều chứng tỏ khả năng chiến-đấu khác thường khiến cho hoàn-cầu phải mỗi ngày chú ý đến chiến-cuộc ở Việt Nam.

Nếu những chiến-công kể trên chỉ là những thắng-lợi lẻ tẻ và tạm thời, do sự may-mắn đem lại thì ta không nên vội tự khen. Thực ra, những chiến thắng ấy chỉ là những đoá hoa tô-điểm cho những chiến-cuộc có thể kéo dài hàng chục năm trời.

Chính những chiến cuộc lâu dài này mới chứng tỏ sức chiến-đấu dẻo dai và sức sống mãnh liệt của người dân Việt.

Không cần phân-biệt kết-cuộc thành hay bại, ta hãy xét các sự kiện sau đây:

- Hai Bà Trưng-Trắc, Trưng-Nhị đánh quân Hán, hạ được 65 thành-trị, tự lập làm Vua, đánh nhau với danh-tướng Mã-Viên gần **3 năm** mới chịu tử-tiết.
- Bà Triệu-Thị-Chinh cầm đầu 1.000 thú-hạ đánh nhau với quân Hán trong **3 năm** mới chịu tử-tiết.
- Lý-Nam-Đế rồi tiếp theo là Triệu Việt Vương đánh nhau với quân nhà Lương trong **50 năm** mới chịu thua.
- Dương-Diên-Nghệ rồi tiếp theo là Ngô-Quyền phải đánh nhau với quân Nam-Hán trong **7 năm** mới giành độc-lập
- Lý-Thường-Kiệt đánh nhau với quân Tống gần **2 năm**.
- Trần-Hung-Đạo phải đánh nhau trong **5 năm** với hai đạo quân Mông-cổ mới đuổi chúng về nước.
- Lê-Thái-Tổ phải đánh nhau gần **10 năm** với quân Minh mới khôi phục giag-sơn.
- Nội-chiến Lê-Mạc **60 năm**
- Nội-chiến Trịnh-Nguyễn : **45 năm**
- Tây-sơn đuổi Nguyễn, Trịnh : **17 năm**
- Nguyễn đuổi Tây-Sơn : **24 năm**
- Chiến-cuộc Việt-Pháp-Mỹ : gần **20 năm**.

Xem thế, ta thấy rằng hình như Trời bắt-buộc nước Việt phải trải qua nhiều cuộc chiến-tranh lâu-dài để khiến cho dân Việt có *một truyền thống chiến-tranh* trong huyết-quản. Do đó, dân Việt có *một định mệnh khác thường* : **Người Việt phải là một nông dân và là một chiến sĩ.**

Sau bao cuộc chiến tranh tàn-phá, dân Việt lại sinh-sôi nảy-nở, bành-trướng thêm, lại càng làm cho thế-giới biết rõ mình hơn và sắp bước vào giai-đoạn xây-dựng một nền văn-minh lành-mạnh truyền-bá khắp thế giới.

Với một định-mệnh khác thường như thế, dân Việt phải rút sức mạnh tự mình, do đó phải có một nền võ-học tự-cường và một nền văn học tự chủ. Ngày nay trong lúc nhân-dân đang tranh-đấu để giang-sơn được độc-lập và thống-nhất, việc binh-học tỏ ra cần-thiết hơn bao giờ hết. Vậy đã đến lúc nên nghĩ tới việc san-định một võ-kinh hợp-thời cho quân-lực Việt-nam, thu-tóm mọi kiến-thức xưa nay. Để dọn đường cho các nhà binh-học tương-lai, tôi nghĩ rằng việc tham-khảo các binh-thư thời trước chưa hẳn là hoàn-toàn lỗi-thời và vô-ích.

Tôi vốn là người tằn học nhưng đứng trước sách cũ của tổ tiên, chẳng dám chê-bai và khinh thường bởi nghĩ rằng : Dầu hay xấu dở, đây là di-thư của tổ-tiên. Nhờ đó tổ-tiên của chúng ta đã dựng nước và giữ nước, và nhờ đó mới có chúng ta ngày nay.

Chúng ta nên trân trọng giữ nó như của báu quốc truyền vậy.

---oOo---

Đối với tôi việc phiên dịch sách Binh Thư Yếu Lược này của Vương Hưng-đạo chẳng những làm sống lại một thời dĩ-vãng xa-xăm, bấy giờ nhân-dân Việt-nam bị lôi-cuốn vào một cuộc tử chiến với quân Mông-cổ, mà còn nhắc lại cho chúng ta nhớ lại một đường lối tu-tập đã bị bỏ quên từ lâu: đó là Thánh đạo.

Bởi thế ở đầu sách tôi có viết bài tiểu sử và đức độ của Vương đề cụ-thể-hóa nền thánh-đạo của nho-học Á-đông . Về bài này, tôi không có may-mắn tham-khảo được nhiều sách mà chỉ đọc qua-loa vài đoạn trong ba bộ sách là bộ Đại-Việt Sử-Ký của Ngô-Sĩ-Liên, bộ Khâm Định Việt-Sử Thông Giám Cương Mục và bộ Lịch-Triều Hiến-Chương Loại-Chí (phần Nhân-Vật Chí) của Phan-Huy-Chú Nhưng về truyện của Vương, hai bộ sau không chép chi-tiết nào khác bộ trước, thành-thử rất cuộc tôi chỉ sử-dụng bộ thứ nhất mà thôi. Tôi thành-thực nhận rằng đó là một khuyết-diểm lớn và xin để dành việc thăm cứu cho các sử gia.

Để làm bài tựa cho bộ sách này, tôi có chép nguyên-văn bài hịch của Vương và đưa ra một bản dịch tuy không hay bằng các bản dịch văn-hoa đã biết nhưng sát nghĩa hơn để quý vị độc giả xem đối-chiếu với Hán-văn. Bộ sách dịch này sẽ không hoàn thành được nếu không có sự trợ-

lục của cựu Thiếu-tướng Mã Nguyên-Lương ở Long Hoa đã kiểm-điểm giùm bốn Hán-văn, và
Đặt-Sĩ Nguyễn-Phước-Hải ở Long-Khánh nhuận-đính giùm bản dịch. Vậy tôi xin ghi nơi đây lời
cảm-tạ đối với hai tiên-sinh, vừa là thầy hay vừa là bạn quý.

Tôi vốn là người tân-học không thuộc sử kinh, lại không thông binh lược, nên việc phiên-dịch
không thể tránh khỏi có nhiều sai-lầm. Vậy tôi xin nhận lỗi trước và thành-thực mong quý vị
độc giả bố-thí lời chỉ-giáo.

*Ấp Tây Nhi, Xã Phú Nhuận,
Quận Tân Bình, Tỉnh Gia Định,
Mười Sáu Tháng Giêng Kỷ Dậu.*

LÊ XUÂN MAI
kính đề

論諸裨將檄文

Dụ chư tỳ tướng hịch văn

余常聞之

Dư thường văn chi:

紀信以身代死而脫高帝

Kỷ Tín dĩ thân đại tử nhi thoát Cao Đế;

由于以背受戈而蔽招王

Do Vu dĩ bối thụ qua nhi tế Chiêu Vương.

蒯瞶吞炭而復主讎

Dự Nhược thôn thán nhi phục chủ thù;

申劓斷臂而赴國難

Thân Khoái đoạn tí nhi phó quốc nạn.

敬德一小生也身翼太宗而得免世充之

Kính Đức nhất tiểu sinh dã, thân dực Thái Tông nhi đắc miễn Thế Sung chi vi;

杲卿一遠臣也口罵祿山而不從逆賊之

Cảo Khanh nhất viễn thân dã, khẩu mạ Lộc Sơn nhi bất tòng nghịch tặc chi kế.

自古忠臣義士以身死國何代無之

Tự cổ trung thần nghĩa sĩ, dĩ thân tử quốc hà đại vô chi?

設使數子區區為兒女子之態

Thiết sử số tử khu khu vi nhi nữ tử chi thái,

徒死牖下烏能名垂竹白

Đồ tử ỹ hạ, ô năng danh thủy trúc bạch,

與天地相為不朽哉

Dữ thiên địa tương vi bất hủ tai!

汝等

Nhữ đẳng

世為將種不曉文義

Thế vi tướng chủng, bất hiểu văn nghĩa,

其聞其說疑信相半

Kỳ văn kỳ thuyết, nghi tín tương bán.

古先之事姑置勿論

Cổ tiên chi sự cô trí vật luận.

今余以宋韃之事言之

Kim dư dĩ Tống, Thát chi sự ngôn chi:

王公堅何人也

Vương Công Kiên hà nhân dã?

其裨將阮文立又何人也

Kỳ tỳ tướng Nguyễn Văn Lập hựu hà nhân dã?

以釣魚鎖鑰斗大之城

Dĩ Đieu Ngư tỏa tỏa đấu đại chi thành,

當蒙哥堂堂百萬之鋒

Đương Mông Kha đường đường bách vạn chi phong,

使宋之生靈至今受賜

Sử Tống chi sinh linh chí kim thụ tứ!

骨待兀郎何人也

Cốt Đãi Ngột Lang hà nhân dã?

其裨將赤脩思又何人也

Kỳ tỳ tướng Xích Tu Tư hựu hà nhân dã?

冒瘴厲於萬里之途
Mạo chướng lệ ư vạn lý chi đồ,

獮南詔於數旬之頃
Quê Nam Chiếu ư số tuần chi khoảnh,

使韃之君長至今留名
Sử Thát chi quân trưởng chí kim lưu danh!

沉余與汝等
Huống dư dữ nhữ đẳng,

生於擾攘之秋
Sinh ư nhiễu nhương chi thu;

長於艱難之勢
Trưởng ư gian nan chi thế.

竊見偽使往來道途旁午
Thiệt kiến ngụy sứ vãng lai, đạo đồ bàng ngọ.

掉騶烏之寸舌而陵辱朝廷
Trạo hào ô chi thốn thiết nhi lăng nhục triều đình;

委犬羊之尺軀而倨傲宰府
Ủy khuyển dương chi xích khu nhi cứ ngạo tể phụ.

托忽必列之令而索玉帛以事無已之誅
Thác Hốt Tất Liệt chi lệnh nhi sách ngọc bạch, dĩ
sự vô dĩ chi tru cầu;

假雲南王之號而攀金銀以竭有限之饒
Giả Vân Nam Vương chi hiệu nhi khu kim ngân, dĩ
kiệt hữu hạn chi thàng khố.

譬猶以肉投餒虎寧能免遭後患也哉
Thí do dĩ nhục đầu nễ hổ, ninh năng miễn di hậu
hoạn dã tai?

余常
Dư thường

臨餐忘食
Lâm xan vong thực,

中夜撫枕
Trung dạ phủ chẩm,

涕泗交痕
Thế tứ giao di,

心腹如搗
Tâm phúc như đảo.

常以未能食肉寢皮絮肝飲血為恨也
Thường dĩ vị năng thực nhục tẩm bì, nhứ can ẩm
huyết vi hận dã.

雖
Tuy

余之百身高於草野
Dư chi bách thân, cao ư thảo dã;

余之千屍裹於馬革
Dư chi thiên thi, khóa ư mã cách,

亦願為之
Diệc nguyện vi chi.

汝等
Nhữ đẳng

久居門下
Cửu cư môn hạ,

掌握兵權
Chương ác binh quyền.

無衣者則衣之以衣
Vô y giả tắc ý chi dĩ y;

無食者則食之以食
Vô thực giả tắc tự chi dĩ thực.

官卑者則遷其爵
Quan ti giả tắc thiên kỳ tước;

祿薄者則給其俸
Lộc bạc giả tắc cấp kỳ bổng.

水行給舟
Thủy hành cấp chu;

陸行給馬
Lục hành cấp mã.

委之以兵則生死同其所為
Ủy chi dĩ binh, tắc sinh tử đồng kỳ sở vi;

進之在寢則笑語同其所樂
Tiến chi tại tẩm, tắc tiếu ngữ đồng kỳ sở lạc.

其是
Kỳ thị

公堅之為偏裨
Công Kiên chi vi thiên tì,

兀郎之為副貳
Ngột Lang chi vi phó nhị,

亦未下爾
Diệc vị hạ nhĩ.

汝等
Nhữ đẳng

坐視主辱曾不為憂
Tọa thị chủ nhục, tăng bất vi ưu;

身當國恥曾不為愧
Thân đương quốc sỉ, tăng bất vi quý.

為邦國之將侍立夷宿而無忿心
Vi bang quốc chi tướng, thị lập dĩ tú nhi vô phẫn tâm;

聽太常之樂宴饗偽使而無怒色
Thính thái thường chi nhạc, yễn hưởng ngụy sứ nhi vô nộ sắc.

或鬥雞以為樂
Hoặc đấu kê dĩ vi lạc;

或賭博以為娛
Hoặc đổ bạc dĩ vi ngu.

或事田園以養其家
Hoặc sự điền viên dĩ dưỡng kỳ gia;

或戀妻子以私於己
Hoặc luyến thê tử dĩ tư ư kỷ.

修生產之業而忘軍國之務
Tu sinh sản chi nghiệp, nhi vong quân quốc chi vụ;

恣田獵之遊而怠攻守之習
Tứ điền liệp chi du, nhi đãi công thủ chi tập.

或甘美酒
Hoặc cam mỹ tửu;

或嗜淫聲
Hoặc thị dâm thanh.

脫有蒙韃之寇來
Thoát hữu Mông Thát chi khấu lai,

雄雞之距不足以穿膚甲
Hùng kê chi cự, bất túc dĩ xuyên lỗ giáp;

賭博之術不足以施軍謀
Đồ bạc chi thuật, bất túc dĩ thi quân mưu.

田園之富不足以贖千金之軀
Điền viên chi phú, bất túc dĩ thực thiên kim chi
khu;

妻孥之累不足以充軍國之用
Thê noa chi lụy, bất túc dĩ sung quân quốc chi
dụng.

生產之多不足以購膚首
Sinh sản chi đa, bất túc dĩ cầu lỗ thủ;

獵犬之力不足以驅賊眾
Liệp khuyển chi lực, bất túc dĩ khu tặc chúng.

美酒不足以沈虜軍
Mỹ tửu bất túc dĩ trầm lỗ quân;

淫聲不足以聳虜耳
Dâm thanh bất túc dĩ lung lỗ nhĩ.

當此之時
Đương thử chi thời,

我家臣主就縛
Ngã gia thần chủ tỳu phọc,

甚可痛哉
Thậm khả thông tai!

不唯余之采邑被削
Bất duy dư chi thái ấp bị tước,

而汝等之俸祿亦為他人之所有
Nhi nhữ đẳng chi bổng lộc diệc vi tha nhân chi sở
hữu;

不唯余之家小被驅
Bất duy dư chi gia tiểu bị khu,

而汝等之妻孥亦為他人之所虜
Nhi nhữ đẳng chi thê noa diệc vi tha nhân chi sở
lỗ;

不唯余之祖宗社稷為他人之所踐侵
Bất duy dư chi tổ tông xã tắc, vi tha nhân chi sở
tiến xâm,

而汝等之父母墳墓亦為他人之所發掘
Nhi nhữ đẳng chi phụ mẫu phần mộ, diệc vi tha
nhân chi sở phát quật;

不唯余之今生受辱雖百世之下臭名難
Bất duy dư chi kim sinh thụ nhục, tuy bách thế chi
hạ, xú danh nan tẩy, ác thủy trường tồn,

而汝等之家清亦不免名為敗將矣
Nhi nhữ đẳng chi gia thanh, diệc bất miễn danh vi
bại tướng hĩ!

當此之時
Đương thử chi thời,

汝等雖欲肆其娛樂
Nhữ đẳng tuy dục tứ kỳ ngu lạc,

得乎

Đắc hồ?

今余明告汝等

Kim dư minh cáo nhữ đẳng,

當以措火積薪為危

Đương dĩ thổ hỏa tích tân vi nguy;

當以懲羹吹藎為戒

Đương dĩ trừng canh xuy tê vi giới.

訓練士卒

Huân luyện sĩ tốt;

習爾弓矢

Tập nhĩ cung thi.

使

Sử

人人逢蒙

Nhân nhân Bàng Mông;

家家后羿

Gia gia Hậu Nghệ.

購必烈之頭於闕下

Cưu Tật Liệt chi đầu ư khuyết hạ;

朽雲南之肉於梟街

Hủ Vân Nam chi nhục ư cáo nhai.

不唯余之采邑永為青氈

Bất duy dư chi thái ấp vĩnh vi thanh chiêm,

而汝等之俸祿亦終身之受賜

Nhi nhữ đẳng chi bổng lộc diệc chung thân chi thụ tứ;

不唯余之家小安床褥

Bất duy dư chi gia tiểu đắc an sàng nhục,

而汝等之妻孥亦百年之佳老

Nhi nhữ đẳng chi thê noa diệc bách niên chi giai lão;

不唯余之宗廟萬世享祀

Bất duy dư chi tông miếu vạn thế hưởng tự,

而汝等之祖父亦春秋之血食

Nhi nhữ đẳng chi tổ phụ diệc xuân thu chi huyết thực;

不唯余之今生得志

Bất duy dư chi kim sinh đắc chí,

而汝等百世之下芳名不朽

Nhi nhữ đẳng bách thế chi hạ, phương danh bất hủ;

不唯余之美謚永垂

Bất duy dư chi mỹ thụy vĩnh thùy,

而汝等之姓名亦遺芳於青史矣

Nhi nhữ đẳng chi tính danh diệc di phương ư thanh sử hĩ.

當此之時

Đương thử chi thời,

汝等雖欲不為娛樂

Nhữ đẳng tuy dục bất vi ngu lạc,

今余

Đắc hồ!

今余歷選諸家兵法為一書名曰兵書要
Kim dư lịch tuyển chư gia binh pháp vi nhất thư,
đanh viết Binh thư yếu lược.

汝等
Nhữ đẳng

或能專習是書受余教誨是夙世之臣主
Hoặc năng chuyên tập thị thư, thụ dư giáo hời, thị
túc thể chi thần chủ dã;

或暴棄是書違余教誨是夙世之仇讎也
Hoặc bạo khí thị thư, vi dư giáo hời, thị túc thể chi
cửu thù dã.

何則
Hà tắc?

蒙韃乃不共戴天之讎
Mông Thát nãi bất cộng đái thiên chi thù,

汝等記恬然不以雪恥為念不以除凶為
Nhữ đẳng ký điềm nhiên, bất dĩ tuyệt si vi niệm,
bất dĩ trừ hung vi tâm,

而又不教士卒是倒戈迎降空拳受敵
Nhi hựu bất giáo sĩ tốt, thị đảo qua nghênh hàng,
không quyền thụ địch;

使平虜之後萬世遺羞
Sử bình lỗ chi hậu, vạn thế di tu,

上有何面目立於天地覆載之間耶
Thượng hữu hà diện mục lập ư thiên địa phú tái
chỉ gian đa?

故欲汝等明知余心
Cố dục nhữ đẳng minh tri dư tâm,

因筆以檄云
Nhân bút dĩ hịch vân

Việc binh là việc sống chết của nhân-dân, là việc còn mất của quốc gia nên bất cứ triều đại nào, chánh phủ nào, cũng đều phải lưu tâm đến binh - học. Bởi lẽ ấy, các võ quan thời xưa đều phải thi võ thuật và chịu khảo hạch về binh thư. Các binh thư soạn ra thực là nhiều, không kể xiết! Nhưng từ đời Minh trở về sau binh học của Trung quốc có vẻ suy đồi nên các binh thư soạn ra về sau ít được người đời nhắc nhở.

Trong dĩ vãng, nước Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh. Các triều đại lớn như Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn đều được xây dựng và giữ gìn bằng chiến công nên không thể xao lãng nghề võ. Vì chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Quốc, các võ tướng Việt Nam ắt phải đọc những binh thư của Trung-quốc điều ấy cũng hợp lẽ, vì các binh thư ấy rất có giá trị, không phải riêng đối với Á Đông, mà còn đối với thế giới nữa. Thử hỏi các binh gia phương Tây ngày nay, ai mà không biết uy danh của SUN TZE tức là Tôn Tử?

Ngoài ra, các triều-đình Việt Nam cũng có san-định võ-kinh riêng để cho các tướng sĩ học tập. Nếu chỉ kể những bộ nổi tiếng nhất thì đời Trần có bộ Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền và bộ Binh-Thư Yếu-Lược của Hưng-Đạo Vương Trần-Quốc-Tuân, đời Nguyễn có bộ Hồ-Trưởng Xu-cơ của Lộc-Khê Hầu Đào-Duy-Từ.

Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền là một binh-thư rất quý, thuộc loại âm-dương học, không thể phổ-thông ra ngoài dân chúng, vậy ta không thể bàn-luận điều gì. Nhân-Huệ-Vương Trần-khánh-Dur đề tựa sách ấy, viết như sau:

“Phàm giới dùng binh thì không cần bày trận, giỏi bày trận thì không cần đánh, giỏi đánh thì không để thua, giỏi thua thì không chịu bị mất...”

“...Ngài Quốc công của chúng ta (tức là Vương Hưng-Đạo) xem họa đồ của các nhà mà soạn thành một bộ sách, tuy chỉ chọn lấy các chỗ tinh-vị nhưng sao lục đầy-đủ các chỗ cốt-yếu, loại bỏ các chỗ vụn vặt, rút lấy các chỗ thực-dụng, đều lấy năm hành tương ứng chín cung thay nhau, phối-hợp cứng mềm, xoay-chuyển tuần-hoàn, lạ-lùng bất ngờ, về thân-sát thất-diệu {trời, trăng và 5 sao kim, mộc, thủy, hỏa, thổ}, hưng-thần ác-tướng, tam cát ngũ-hung đều chỉ bày rõ ràng...”

“Sách ấy dùng đã ba đời trăm đánh trăm thắng, cho nên đương thời có thể làm rung-động quân Hung-nô (Mông-cổ) ở phía bắc, làm cho nước Lâm-Âp ở phía tây phải khiếp uy, nên sách này được biên-chép làm của gia-truyền không được phép tiết lộ ra ngoài.

“Có lời di-chức (của Vương Hưng-Đạo) dặn rằng: Về sau con cháu, bồi-thần học được bí thuật này phải thi hành cho sáng suốt không được bày trận ám-muội hồ đồ.

“Lại có di-văn (của Vương) dạy rằng: nếu không tuân lời dạy... thì sẽ chiêu vờ tai-ương hoạn-nạn cho tới con cháu, đó là bởi tiết lộ thiên-cơ vậy”

Xem lời dặn của Vương, ta đủ hiểu rằng Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền là sách thuộc loại âm-dương-học chỉ dành riêng cho các bậc quân-sự để cha truyền con nối mà giữ nước. Thêm nữa, danh-từ Vạn-Kiếp Tông tỏ rõ ý-chí của Vương muốn lập một tông-phái võ học tại Vạn-kiếp và Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền chính là binh-phả biệt-truyền của môn-phái.

Trái với bộ sách bí truyền nói trên, bộ Binh-thư Yếu-Lược là một võ-kinh thông thường có thể phổ-biến trong giới tướng-sĩ. Trong bài hịch răn dạy các tỳ-tướng, Vương hă chẳng nói “Các người nếu chuyên tập sách này, nghe lời dạy bảo của ta, ắt đó là duyên thầy-trò kiếp xưa; còn nếu khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, ắt đó là mối cừu-thù kiếp trước!” hay sao?

Tại sao các bộ Võ-kinh của triều Tống rất được thông-dụng mà Vương lại còn soạn ra bộ Binh-Thư Yếu-Lược?

Hoặc Vương thấy các võ-kinh của Trung-quốc không được đầy đủ nên Vương muốn thêm vào những kinh-nghịem của mình chẳng?

Hoặc Vương muốn người Việt phải có óc tự-lập, tự chủ nên Vương tự soạn ra một bộ binh-thư riêng biệt cho giới võ tướng Việt-nam chẳng?

Dẫu sao, bộ Binh-Thư Yếu-Lược đánh dấu một giai-đoạn mới cho nền binh-học Việt-nam bắt đầu muốn giữ một bản-sắc độc lập

Một điều đáng để ý là bản Binh-thư Yếu-lược còn lại ngày nay có chứa nhiều sự-kiện lịch-sử liên-quan đến hai triều Lê, Nguyễn: điều ấy chứng tỏ rằng triều Nguyễn cũng dùng sách ấy và đã thêm vào nhiều đoạn mới. Vậy ta có thể kết-luận rằng:

•Binh-thư Yếu-Lược là bộ võ-kinh đầu tiên của Việt Nam được thông-dụng trong các triều Trần, Lê, Nguyễn.

Về sau, xu-hướng tự-lập, tự-cường của nền binh-học Việt Nam càng được nhận thấy rõ ràng trong cuốn Hồ-Trưởng Xu-Cơ mà Lộc-Khê Hầu Đào-Duy-Từ” đã tự soạn ra cho triều Nguyễn khác hẳn các binh-thư xưa, sách này được chia ra 3 phần theo thuyết tam-tài: Thiên-tập, Địa-tập và Nhân-tập.

Sau đây xin trích dẫn một đoạn trong bài tựa của Hầu Tước Lộc-Khê ở đầu cuốn Hồ Trưởng Xu-cơ:

“Người xưa có nói rằng:

- Nếu dùng chiến tranh để ngăn ngừa chiến tranh đầu phải đánh nhau, việc ấy cũng nên làm.
- Nếu giết người để yên người, đầu phải giết người, việc ấy cũng nên làm.

“Nhưng trong việc chinh-chiến có rất nhiều phép tắc, sát phạt có nhiều phương-sách chứng giống nhau. Có trí thì dùng trí, không trí thì dùng sức.

“Việc đánh phá các chỗ vững bền, cầm bắt tinh-binh của địch, cỡi ngựa múa roi, bỏ công-lao ra sông vào chết, nuôi chỉ thịt nát xương tan, đó chẳng qua là làm kẻ vô dùng, đâu có thể địch lại muôn người? Đó gọi là không dùng trí thì dùng sức vậy!

“Nay tôi thà đầu trí hơn là đầu sức, do đó ngừng mặt tuân theo điều ý của thánh hiền đời trước, cúi xuống nhờ cậy vào tài năng khéo-léo của các bạn lành, kiểm hết các kinh sách lạ-lùng trong thiên-hạ, tìm xem các phép-tắc khác thường xưa nay, rửa nghiên thăm bút, cúi chép một sách đặt nhan đề là Hồ-Trưởng Xu-Cơ Trong sách ấy, bất cứ là hoà-công, thủy-chiến, trận rần, trận chìm, chiến lược, mưu-kế, các việc cơ-mật của binh-gia không chỗ nào mà không hoàn bị. Nếu tướng sủy có cơ trí học được sách ấy thì có thể lập được công danh đứng trên muôn người đem lại thái bình trong mới hội trống ! Vậy nên trân-trọng giữ-gìn sách ấy mà chớ truyền thụ cho người ngoài vận-dụng.”

Lý-do chính đã thúc giục Hầu-tước Lộc-Khê soạn ra bộ Hồ-Trưởng Xu-Cơ là các binh-thư của Trung-quốc quá rườm-rà và khó hiểu. Ta hãy xem một đoạn trích-dẫn từ bài tựa của ông Cao-Khuê Chiêu-Dương trong bốn chép tay vào đời Đồng-Khánh.

“Nếu có ai hỏi tôi rằng: Phàm việc còn mất của xã-tắc, việc mừng lo của nước của Vua đều tùy-thuộc vào một người tướng-sủy. Cho nên làm tướng mà học binh-pháp thì cốt phải tinh-thông chớ chẳng cần học nhiều, cần phải mạnh-dạn mà phải gom kiêm mưu-trí nhờ đó mà khi ra khỏi cửa thành, tướng-sủy có thể nắm vững then chốt phép cầm binh, là nơi treo giữ số-mệnh của ba quân. Nếu nghề võ chẳng được tinh-thông mà tướng-sủy lại thiếu mưu-trí thì trong khoảnh-khắc lật ngược bàn tay, giang-sơn phải chịu đổi dời, như thể chẳng đáng cân-thận hay sao?

“Và lại các sách đã soạn ra không phải là không hay nhưng lời-lẽ quá rườm-rà, rắc rối, nhiều chỗ tinh thô chẳng giống nhau, khiến cho độc-giả như ngồi đáy giếng nhìn lên trời cao, thà một con thuyền lênh-dềnh trên biển cả, mờ-mịt không biết nguồn cội ra sao, mênh-mông chẳng dò ra manh-mối, đành phải chịu như thế vậy!

“Cho đến triều ta, có ngài Lộc-khê có chí-khi ngang-nhiên khác thường cứ xem ngài phò-tá Vua Thánh-tổ nhà ta. Đề danh tiếng nghĩa-đựng lại ngàn năm mang lại thái-bình trong một ngày như thế trong thâm tâm của ngài thực có chứa muôn ngàn giáp-binh vậy. Đến khi ngài trả ân về hưu, vui cạnh núi vườn, cứ xem cái xu-hướng ấy cũng đã biết rằng ngài đứng ngang hàng với các bậc Y Doãn, Lữ-Vọng, Tử phòng, Khổng-minh vậy.

“Đến khi năm trời sắp hết lại sợ tâm-thuật của ngài không được truyền lại. tài-trí thần-diệu phải bị chôn vùi nhưng may-mắn có ông Triệu-Điền lanh-lợi hơn người được ngài đích-thân truyền dạy, rồi tới hai vị Bửu-Thúc, Cao-Lượng khám-phá các điều sớ-học của ngài Lộc-Khê và của ông Triệu-Điền mà người đời chưa từng biết, đem ra truyền dạy cho nhau, thực là của báu của trời đất, há để ai mà giấu lợm hết được.

“Lại gặp bạn tôi là Hà-Hồ cũng ham-thích môn học bí truyền, nên chẳng tiếc công-lao, rửa nghiên thăm bút, chép ra một pho chia thành ba cuộn gọi là Hồ-Trưởng Xu-Cơ, trong đó tỏ bày tất cả then máy huyền-bí của trời-đất, gom hết tinh-hoa của vũ-trụ, nên tôi không thể nén lòng phấn-khởi, vui~mừng mà cũng viết thêm ít lời như trên đây”.

Ta xem trên thì đủ hiểu rằng, sau Binh-Thư Yếu-Lược, bộ Hồ-Trưởng Xu-Cơ là Vô Kinh mới nhất của Việt-nam vậy.

Như thế đã từ lâu, tổ-tiên của chúng ta muốn sáng-tạo một nền binh-học độc-lập. Óc tự-lập, tự-cường ấy không phải là không chính-đáng. Đọc lịch-sử, ta thấy rằng ngoài việc bình Chiêm, sáp-nhập Chân-lạp, đánh Xiêm, Lào để mở rộng bờ cõi, nước Việt-Nam nhỏ bé đã lập nhiều chiến-công hiển-hách để giữ-gìn non sông:

Đời Ngô phá Hán, đời Lý đánh Tống, đời Trần bình Nguyên, đời Lê đuổi Minh, đời Tây-sơn phá Thanh.

Và trong khoảng 20 năm gần đây quân Việt mặc dầu ở phe-phái nào cũng đều chứng tỏ khả năng chiến-đầu khác thường khiến cho hoàn-cầu phải mỗi ngày chú ý đến chiến-cuộc ở Việt Nam.

Nếu những chiến-công kể trên chỉ là những thắng-lợi lẻ tẻ và tạm thời, do sự may-mắn đem lại thì ta không nên vội tự khen. Thực ra, những chiến thắng ấy chỉ là những đoá hoa tô-diễm cho những chiến-cuộc có thể kéo dài hàng chục năm trời.

Chính những chiến cuộc lâu dài này mới chứng tỏ sức chiến-đấu dẻo dai và sức sống mãnh liệt của người dân Việt.

Không cần phân-biệt kết-cuộc thành hay bại, ta hãy xét các sự kiện sau đây:

- Hai Bà Trưng-Trắc, Trưng-Nhị đánh quân Hán, hạ được 65 thành-trị, tự lập làm Vua, đánh nhau với danh-tướng Mã-Viên gần 3 năm mới chịu từ-tiết.
- Bà Triệu-Thị-Trinh cầm đầu 1.000 thù-hạ đánh nhau với quân Hán trong 3 năm mới chịu từ-tiết.
- Lý-Nam-Đế rồi tiếp theo là Triệu Việt Vương đánh nhau với quân nhà Lương trong 50 năm mới chịu thua.
- Dương-Diên-Nghệ rồi tiếp theo là Ngô-Quyền phải đánh nhau với quân Nam-Hán trong 7 năm mới giành độc-lập
- Lý-Thường-Kiệt đánh nhau với quân Tống gần 2 năm.
- Trần-Hung-Đạo phải đánh nhau trong 5 năm với hai đạo quân Mông-cổ mới đuổi chúng về nước.
- Lê-Thái-Tổ phải đánh nhau gần 10 năm với quân Minh mới khôi phục giag-son.
- Nội-chiến Lê-Mạc 60 năm
- Nội-chiến Trịnh-Nguyễn: 45 năm
- Tây-son đuổi Nguyễn, Trịnh: 17 năm
- Nguyễn đuổi Tây-Son: 24 năm
- Chiến-cuộc Việt-Pháp-Mỹ: gần 20 năm.

Xem thế, ta thấy rằng hình như Trời bắt-buộc nước Việt phải trải qua nhiều cuộc chiến-tranh lâu-dài để khiến cho dân Việt có một truyền thống chiến-tranh trong huyết-quản. Do đó, dân Việt có một định mệnh khác thường: Người Việt phải là một nông dân và là một chiến sĩ...

Sau bao cuộc chiến tranh tàn-phá, dân Việt lại càng phát triển mạnh hơn, lại càng làm cho thế-giới biết rõ mình hơn và sắp bước vào giai-đoạn xây-dựng một nền văn-minh lành-mạnh truyền-bá khắp thế giới.

Với một định-mệnh khác thường như thế, dân Việt phải rút sức mạnh tự mình, do đó phải có một nền võ-học tự-cường và một nền văn học tự chủ.

Ngày nay trong lúc nhân-dân đang tranh-đấu để giag-son được độc-lập và thống-nhất, việc binh-học tỏ ra cần-thiết hơn bao giờ hết. Vậy đã đến lúc nên nghĩ tới việc san-định một võ-kinh hợp-thời cho quân-lực Việt-nam, thâu tóm mọi kiến-thức xưa nay. Để dọn đường cho các nhà binh-học tương-lai, tôi nghĩ rằng việc tham-khảo các binh-thư thời trước chưa hẳn là hoàn-toàn lỗi-thời và vô-ích.

Tôi vốn là người tân học nhưng đứng trước sách cũ của tổ tiên, chẳng dám chê-bai và khinh thường bởi nghĩ rằng: Dù hay dù dở, đây là di-thư của tổ-tiên. Nhờ đó tổ-tiên của chúng ta đã dựng nước và giữ nước, và nhờ đó mới có chúng ta ngày nay.

Chúng ta nên trân trọng gìn giữ nó như của báu quốc truyền vậy.

QUYỀN THỨ NHẤT

TƯỢNG TRỜI

1. PHÉP BÍ-MẬT XEM SẮC TRỜI VÀ SẮC MÂY TRONG TIẾT NGUYÊN ĐÁN

Tiết Nguyên-đán, đúng tháng giêng, ngày mồng một, giờ tý lên lầu bí mật xem bốn phương.

Nếu thấy khi mây màu vàng thì năm ấy thóc lúa trúng mùa lớn.

Nếu thấy khi mây màu trắng thì có việc binh-biến xảy ra, nếu chỉ có một vầng mây hiện ra một mình ở hướng nào thì ở hướng ấy có nạn đao-binh.

Nếu nhìn bốn phương không thấy mây mà chỉ thấy hai màu đỏ trắng liền nhau, thì màu đỏ tượng trưng cho máu, màu trắng tượng-trưng cho chất kim (gươm, đao) hai màu ấy hiện ra ở hướng nào thì ở hướng ấy sẽ xảy loạn.

Màu xanh là điềm có nạn gió bão, màu đen là điềm có nạn mưa lụt; nước nào có điềm ấy thì phải phòng-bị

2. PHÉP XEM KHÍ HẬU BỐN MÙA

NGÀY LẬP-XUÂN: Vào giờ dần, giờ mao, nếu ở hướng đông có mây trắng hiện ra như là trời thông binh-khí xuống, xứ nào có điềm ấy thì sẽ sinh loạn lớn.

Nếu mây có hình-dạng như thanh kiếm treo ngược, đầu trên bằng, đầu dưới nhọn, thì xứ ấy sẽ chết hết, đó là điềm xấu. Mây ấy ở cao thì nạn còn chậm, mây ấy ở thấp thì nạn chết mau đến. Trong mọi trường-hợp đều phải lấy trăm phép toán thêm vào để biết chính-xác hơn.

NGÀY LẬP-HA: Vào giờ tỵ, giờ ngọ, nếu thấy ở hướng nam có mây đỏ như là binh trời bày việc chiến-tranh, hoặc giống như chìa giáo, có hình dạng như khăn tay màu hồng thì ở hướng ấy có việc đao-binh xảy ra trong năm ấy, không đợi tới năm sau.

NGÀY LẬP THU: Vào giờ thân, giờ dậu, nếu thấy ở hướng tây có mây trắng mọc thẳng ngay lên, nếu ở tiết lập-thu thì trong năm ấy về hướng tây có binh xảy loạn. Nếu vào giờ ngọ mà có mây trắng chắn ngang giữa trời như là tiền binh lập trận thì sẽ có binh xảy loạn.

3. PHÉP XEM MÂY BAY ĐỂ ĐOÁN THỜI TRỜI

Mây là khí núi nhân vì gặp đá mà bốc lên, nên gọi là mây. Sách Cấm-thư nói rằng: Ngày Nguyên-đán vào giờ tốt bậc chủ-tướng nên đi lên lầu xem-xét.

Bốn phương trong sáng mà chỉ có một đám mây xanh hiện ra giữa. trời thì thiên-hạ sẽ đối kém mất mùa.

Nếu là mây trắng, sẽ có quốc-tang.

Nếu là mây đỏ sẽ có đồ máu, thiên-hạ đều xảy binh, các giống mọi rợ ở hướng đông và ở hướng bắc sẽ xâm-phạm biên-giới.

Nếu là mây đen, sẽ có mưa lụt.

Nếu là mây vàng đỏ là điềm lành.

Nếu ở bốn phương trời có gió bụi màu đỏ bay đầy núi sông thì sẽ có mưa.

4. PHÉP NGHE SẦM SÉT ĐỂ ĐOÁN THỜI TRỜI

Sấm là trống của trời, nổ ra thì làm cho người ta sợ-hãi tới muôn dặm.

Nếu tiếng sấm phát ra hòa nhã khác thường thì trong năm ấy ở hướng có tiếng sấm sẽ được an-ôn.

Nếu sấm dội kinh-khủng thì bên chủ nên chuẩn-bị việc binh vì sẽ có giặc gây loạn lớn.

Nếu sấm động ở hướng chấn (đông), sẽ thấy cây-cối tốt-tươi, năm lạnh, nhiều sương.

Nếu sấm động ở hướng ly (nam), sẽ có đại-hạn (nắng lâu không mưa).

Nếu sấm động ở hướng khôn (tây-nam), sẽ có tai-nạn lớn.

Nếu sấm động ở hướng đoài (tây), sẽ trở nên quý-báu, nạn đao binh sẽ xảy ra.

Nếu sấm động ở hướng càn (tây-bắc), đó là điềm xấu.

Nếu sấm động ở hướng cần (đông-bắc), sẽ có nhiều bệnh và nạn đao-binh.

Nếu sấm động ở hướng khâm (bắc), năm ấy sẽ mưa nhiều.

Tại nơi đang hành-binh, nếu quân đang sợ-hãi thì lúc nghe sấm sẽ thua lớn; nếu nghe sấm trước rồi mới sợ hãi sau, quân sẽ bị chấn-động và kiểm chỗ ẩn-nấp.

5. PHÉP NGHE SẤM NGÀY NGUYỄN ĐÀN

Tiếng sấm hòa-nhã thì thiên hạ an-ổn và được mùa.

Nếu ánh chớp chói mắt, sấm nổ điếc tai thì thiên-hạ sẽ rối-loạn, nên lo gấp việc binh-bị, thấy điều ấy chẳng khả khinh-thường.

Sấm-sét là do âm-dương biến-chuyển và cảm-ứng nhau mà sinh ra.

Tướng đang hành binh, nếu sấm nổ đằng sau lưng thì binh sẽ gặp nhiều điều tốt lợi; nếu sấm nổ ở trước mặt thì binh sẽ gặp điều xấu lắm.

Nếu sấm nổ trước rồi mới thấy sét đánh thì tiểu nhân thịnh mà quân-tử suy; nếu thấy sét đánh trước rồi mới nghe sấm thì quân tử thịnh mà tiểu-nhơn suy.

Sấm thuộc âm, sét thuộc dương.

Tháng giữa xuân (tháng hai) sấm bèn phát, tháng giữa thu (tháng tám) sấm bèn ẩn, nếu nghịch thời sẽ có việc đao binh nổi lên.

6. PHÉP XEM HƯỚNG GIÓ THỔI LÊN TRỜI HAY XUỐNG ĐẤT

Gió từ hướng khâm (bắc) – thổi lại gọi là hắc-tuyền-phong (gió suối đen): năm ấy không có nạn đao-binh, nhân dân bị bệnh-tật và giữa năm chết về bệnh ôn dịch.

Gió từ hướng cần (đông-bắc) thổi lại gọi là huỳnh-tuyền-phong (gió suối vàng): năm ấy không có việc binh, cạp beo xuống đồng nội làm tổn hại nhân dân.

Gió từ hướng chấn (đông) thổi lại gọi là vọng-nữ-phong (gió gái trông chồng): năm ấy không có việc binh, sinh-mạng của nhân dân bị nguy-khốn.

Gió từ hướng đoài (tây) thổi lại gọi là kim-liên-phong (gió sen vàng): năm ấy không có việc binh, gái phạm vào tâm tư của trai, dân-chúng bị chết về bệnh ngặt.

Gió từ hướng ly (nam) thổi lại gọi là hỏa-huyết-phong (gió máu lửa): năm ấy nắng lâu không mưa, có nạn đao-binh.

Gió từ hướng khôn (tây-nam) thổi lại gọi là thai-bệnh-phong (gió bệnh thai nghén): năm ấy không có việc binh, dân-bà nhiều người chết vì sinh-đẻ.

Gió từ hướng càn (tây bắc) thổi lại gọi là tang-phục-phong (gió tang-phục): năm ấy người người chết gấp, có dân nổi loạn.

Nếu hành-quân tới trận, gặp năm tuổi của tướng-sứ, gió từ hướng sao Thái-tuế thổi lại gọi là đại sát phong (gió giết nhiều) thì tai-họa đang đến gấp.

7. PHÉP BÍ MẬT ĐẠY CÁCH XEM GIÓ TẮM HƯỚNG

* Thứ nhứt: Gió dữ sắc đỏ: Nếu trong nước có hiền thần bị tù-tội, thì người ấy thành-linh thấy sắc đỏ hiện lên khắp mặt.
Bồng dựng trời đất biến ra hồng
Hiền-sĩ bắt ngờ vương ngực gông
Kỳ-hạn không ngoài trăm ngày tới
Nước chia hai xứ quyết tranh hùng

* Thứ hai: Gió bắc sắc vàng: nhìn không thấy người, ắt có trung-thần bị tội chết: gió từ hướng bắc thành-linh thổi tới làm cát bụi sắc vàng tung bay là đó vậy:
Bồng dựng trời đất biến ra vàng,
Tất có trung thần phải chết oan,
Hạn tới không ngoài ba tuần nhật,
Bốn phương yêu quái khỏi làm can.

* Thứ ba: Gió sắc đen: Hoặc ban đêm hoặc ban ngày, trời quang tạnh mà mặt trời, mặt trăng và các sao vẫn không sáng, gió ấy bỗng thổi đến làm cho trời đất u ám; trong vòng 300 ngày (10 tháng) sẽ có mọi-rợ miền nam và miền đông xâm-lấn biên giới.
Gió đen bỗng thổi giữa trời quang
Trời đất sao trăng phải tối-tăm
Trăm ngày chưa tới là kỳ-hạn
Man ai ắt khởi cuộc xâm lăng !

* Thứ tư: Gió giết giặc: (sát tặc phong): Hoặc tại bản-dinh hoặc ở giữa trận, gió làm cho nhánh reo, cây gãy, chốc chốc lại thổi, phảng kè ngày đêm, mỗi ngày đi được ba mươi dặm.
Giữa trận tùy thời ta hay theo
Nhánh rụng cây gãy, gió kêu gào
Ba quân gấp tiến theo chiều gió,

Gặp thời giao-chiến, lập công nhiều!

* Thứ năm: Gió dữ thừa lệnh quý-thần (thần lệnh ác-phong): Bỗng thấy gió ấy uyển-chuyển
thời tới luôn cả ngày đêm.
Giữa ngày bỗng nổi gió thần-phong,
Nhỏ trại, cầm thương tất gấp hung,
Trước đường không quá mười dặm đất,
Phải phòng bên địch phục binh-hùng!

* Thứ sáu: Gió làm bại binh: (Bại binh-phong): Hoặc mau hoặc chậm, thời ngược tới trước
mặt ta, chốc chốc lại thổi, trận này khó định:
Dân binh bỗng thay gió bại binh,
Rất mặt bụi mù gió lớn kinh.
Ba quân truyền lệnh lui binh-mã
Giao-chiến thời này ắt hại mình!

* Thứ bảy: Gió nóng ác hại (ác-noãn-phong): Gió nóng như lửa xuyên qua người, đang yên-
ôn bỗng nổi lên, về mùa đông cũng chảy mồ-hôi, trong bụng hơi nóng trong vòng trăm ngày
thiên-hạ sẽ đổ máu.
Bỗng trận cuồng-phong thổi nướng người
Nóng ran sẽ tốt đầm mồ hôi
Trăm ngày chưa tới, phòng đánh lớn
Máu đỏ xương rơi ắt loạn rồi!

* Thứ tám: Gió mưa ác hại (Thủy-ác-phong): Gió phá-hoại tới ruột xương người đang yên-
lặng bỗng gió thổi tới vùn vụt, lạnh buốt như sương tuyết, sĩ-tốt không mở mắt ra được Binh-
mã phải giải-tán, chắc-chắn sẽ thua.
Lạnh thấu ruột xương, ấy thủy-phong,
Thuyền, cầu thủy trận cũng toi công,
Ba quân truyền lệnh không nhìn rõ
Binh phục bên đường. phải khá phòng.
8. PHÉP XEM GIÓ LẠNH

Khi có gió lạnh (báo điềm lạnh) thì ngày trong sáng, hơi gió hòa-nhã; theo phần ngày nào,
phần tháng nào, phần giờ nào, hoặc theo phương sinh-khí nào mà tới thì lòng người vui đẹp,
nước được điều tốt lành.

Về ngày, âm dương là điều bí-yếu: các ngày giáp, binh, mậu, canh, nhâm thuộc về hướng
phân dương; các ngày ất, binh, kỷ tân, quý thuộc về hướng phân âm. Hướng quý là hướng
dương.

9. PHÉP XEM GIÓ DỮ

Khi có gió báo nạn dữ thổi tới, thì ngày đó nặng nề u-ám, khí trời tối-tăm, bế-tắc, tiếng gió
gào thét như là giận-dữ, cát bay lá rụng, gió theo phương dữ mà thổi đến. Nên gấp lo việc
binh-bị để giữ kỷ, thế nào cũng có giặc tới.
10. PHÉP BÍ MẬT XEM CHÍN THỨC MÂY

* Thứ nhất: Trời có sắc xanh biển: Trời mờ-mịt, hỗn-độn, xanh thắm, thấy mặt người cũng có
màu xanh ắt là giặc tây nhung xâm-phạm biên-giới, nước trung-ương chẳng được yên-ôn:

Thứ nhứt, trời xanh thắm lạ-lùng
Đế Vương lên điện hỏi Chu-Công,
Hiện ra điềm ấy chừnggh nửa tháng,
Biên-cương ắt phạm giặc Tây-Nhung.

* Thứ nhì: Trời có sắc hồng: Điềm này chủ về việc đại-tướng, hiền-thần bị tù hãm, đang yên-
ôn mà bỗng dựng sinh ra như vậy Khi sắc hồng ấy hiện ra thì trung-thần bị chết oan.

Tự-nhiên trời đất biến ra hồng,
Hiền-sĩ không ngờ vướng ngục gông,
Vị bằng chẳng có cuồng-phong khởi
Trăm ngày hai nước cũng giao-phong

* Thứ ba: Trời có sắc vàng: Trung-thần, mưu-sĩ bị chết oan. Nếu dùng chín người để xem-xét
sắc trời ấy thì mọi người đều nhận ngay là màu vàng.

Đang yên, trời đất biến ra vàng,
Ắt có trung-thần phải chết oan,
Máu lan đầy đất trong mười tháng,
Yên, Tần, yêu-quái khởi làm can.

* Thứ tư: Trời có sắc đen: Điềm này chủ về việc trong vòng ba trăm ngày sắp tới sẽ có kẻ âm-
mưu làm loạn. Bấy giờ sắc trời u-ám.
Đang yên, trời đất biến đen sì
Ắt có kẻ náo mưu loạn chi
Một tháng mà thôi, cơn loạn lạc
Tự -nhiên dập tắt chớ hồ nghi.

* Thứ năm: Trời làm sợ hãi vô cớ (sợ huyệt): Trời phát ra tiếng nổ như sấm, bay ra vang dội tới ngàn dặm. Tự-nhiên trời đang quang-đăng mà sinh ra như vậy.

Cây cỏ điều hòa lặng-lẽ bao
Tiếng vang như sấm tự trời cao
Kính-hoảng không quá ba tuần nhật
Bốn phương cùng khởi việc binh-đao.

* Thứ sáu: Trời mở cửa: Nghe tiếng động lan ra giống như tiếng trời mở cửa. Bậc đế-vương đăng đàn bái tướng, trong một trăm ngày lệnh chúa hưng vượng, bèn trước hết đẩy binh dẹp loạn. Nếu trong một tuần nhật, cửa trời mở về phương Ngọc-nữ thì có tiếng nổ như sấm nhưng không phải sấm.

Một tuần vang dội tiếng nghiêm thanh,
Ngọc-nữ phương trời cửa mở nhanh
Tiếng vọng xuống trần nghe ngổ sấm.
Trăm ngày chưa tới ắt ra binh,
Bỗng dưng phá giặc ngoài biên-cảnh,
Hưng lệnh trời ban xuống nước mình,
Đề khiến ba quân tùy tướng lệnh,
Vua bèn bái tướng mới xuất-chinh.

* Thứ bảy: Trời thông binh khí: Khí mây thông xuống ở chân trời, như là dao cưa. Nên gấp tiến binh, đánh thì thắng lớn.

Mây trời hình:dạng giống cưa dao,
Thông xuống chân trời, giặc bại mau
Hướng ấy tướng binh cùng quyết chiến,
Bốn phương tám số tắt hàng đầu.

* Thứ tám: Khí trời không điều hòa: Bốn mùa đều trái thời-tiết:

Hè làm tiết đông, bắc-phiên phản,
Đông làm tiết hè, ắt chinh nam,
Thu làm tiết xuân, giặc đông dậy,
Xuân làm tiết rhu, giặc tây tràn.

* Thứ chín: Trời sinh biến ở hướng càn: Chủ về việc hiền-thần khó trách luận đề nhà Vua nghe theo. Mặt trời và mặt trăng khi sắp lặn còn cao một trượng thì có sắc đỏ.

Nhật nguyệt máu hươm, biến sắc đây
Âm dương có biến, chủ không hay
Tự-thiên rõ việc, bản sai quấy,
Ngoài cuộc nói vào xét chẳng sai.

11. PHÉP XEM HAI MẶT TRỜI MỘC KÈ NHAU

Hai mặt trời cùng mộc thì thiên-hạ sẽ động binh, kẻ vô-đạo bị tiêu diệt, hai quân đánh nhau có sức mạnh ngang nhau.

Hai mặt trời cùng mộc thì sẽ có đánh lớn, thành-trị bị phá-hoại, đồng nội chia ra nhiều phần mà đánh nhau.

Hai mặt trời mộc kè nhau ở nước nào thì nước ấy gặp loạn lớn, nạn dữ .

Chất tinh trắng của mặt trời rơi xuống đất xứ nào thì ở xứ ấy bên chủ (quốc-vương, chánh-phủ) phải thất-bại.

Dưới mặt trời có ánh-sáng giống như chân chim thì xứ bên phe chủ bị tai-ương, việc binh thất-bại, quân-đội tiêu-diệt.

Trong mặt trời có vết đen thì vua tôi chống đối nhau, trăm họ gặp việc xấu.

12. PHÉP XEM CÁC LOẠI NHẬT-THỰC

Dùng phép Hà-Đồ mà xem mặt trời.

Các trường hợp nhật thực đều do ở ngày hồi (cuối tháng) và ngày sóc (đầu tháng) mà sinh ra nhật thực ; âm dương xâm lấn nhau, đi lạc đường tới ôm nhau, đó gọi là nhật-thực.

Nếu ở nơi có nhật-thực, có quan đại-thần âm-mưu làm hại nhà Vua, ắt là mặt trăng đi ngược án trước mặt trời: thiên-hạ sẽ dấy loạn.

Mặt trời mới mọc hai sào rồi bỗng dưng không sáng nữa đó gọi là mặt trời bệnh. Mặt trời sắp lặn ở phương tây, còn cao hai sào, bỗng dưng không sáng nữa, đó gọi là mặt trời chết. Trong địa phận nước ấy, bậc vương hầu gặp nạn lớn, các gian-thần đều nổi lên khuấy rối.

Nếu mặt trời đỏ như máu thì thiên-hạ sẽ có loạn lớn.

Mặt trời mới mọc mà bị ăn thì sẽ thua binh, mất thành.

Từ giờ ngọ trở về sau mà mặt trời bị ăn thì binh-gia nghỉ việc giao chiến.

Vào tháng tám mùa thu mà có nhật thực thì. có việc đao-binh xảy ra và phe khách được thắng.

Vào tháng mười hai mà có nhật-thực, điều ấy chủ về việc có binh dấy loạn.

Khi nhật-thực mà mặt trời bị ăn hết thì rợ man (phía nam) và rợ di (phía đông) nổi loạn, nên gấp lo việc binh-bị

Nguyệt thực xảy ra vào những ngày giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ thì sẽ có việc đao-binh.

Nguyệt-thực xảy ra vào những ngày canh, tân, nhâm, quý thì không nên tính tới việc binh.

13. BÀI THƠ MẶT TRĂNG LẠC ĐUỜNG

Trăng lạc giữa trời, chúa chẳng hay
Hậu-cung say đắm may năng phi,
Ba tuần chưa tới binh liền dấy
Âm dương sai lạc khiến vong nguy.

14. PHÉP BÍ-MẶT XEM TRĂNG

Mặt trăng mới mọc mà đi về hướng bắc đó gọi là “cung giương” thì có kẻ âm-muru vào thành khuấy rối.

Nếu mặt trăng mới mọc mà có đám mây đen chắn ngang như chữ nhất thì trong ngày ấy có mưa.

Mặt trăng mới mọc mà có đám mây đen ở giữa có dạng như cầm thú thì:

- nếu vào ngày giáp ất sẽ có hại về hướng đông;
- nếu vào ngày bính đinh sẽ có hại về hướng nam;
- nếu vào ngày mậu kỷ sẽ có hại về nước trung-ương;
- nếu vào ngày canh tân sẽ có hại về hướng tây;
- nếu vào ngày nhâm quý sẽ có hại về hướng bắc.

Trong mặt trăng có sao lọt vào sẽ thua quân, chết tướng.

Có mây trắng như rắn rít xuyên qua mặt trăng thì sẽ có tướng chết, quân thua.

15. PHÉP BÍ-MẶT XEM TRĂNG TRÒN KHUYẾT

Mặt trăng giống như tròn nhưng chẳng phải tròn, giống như khuyết nhưng chẳng phải khuyết, lặn mà chẳng lặn, ất có gian-thần muru phản.

Mặt trăng giống như tròn mà chẳng phải tròn, bờ trên và bờ dưới đều bị khuyết, mọc tại Phù-tang, lặn tại Phù-tang, đó là điềm loạn-thần làm cho nước nhà bại-vong.

16. PHÉP XEM CÁC LOẠI NGUYỆT-THỰC

Binh chưa đánh mà đã gặp nguyệt-thực thì đến khi đánh, binh ấy sẽ được thắng lớn.

Binh đang ở trong mà đã gặp nguyệt thực, điều ấy chủ về việc có tai ương.

Mặt trăng đang tròn đầy mà bị ăn, điều ấy chủ về việc binh sẽ bị chết ở đồng nội.

Mặt trăng bị ăn một bên thì tướng súy và bề tôi không còn giữ đạo.

Mặt trăng bị ăn ở phía dưới thì công việc cửa tướng-quân mất phép-tắc, lễ-lối.

Nguyệt-thực mà có màu xanh thì ngũ-cốc trở nên quý-báu, hiếm-hoi, thiên-hạ đói kém.

Nguyệt-thực mà có màu đỏ thì lúc khởi đầu lợi cho phe khách.

Nguyệt-thực mà có màu vàng thì có việc lập chư-hầu thành vương-quốc.

Mặt trăng bị ăn hết thì sẽ có quân thua tướng chết.

Hai mặt trăng cùng mọc thì thiên-hạ có loạn lớn.

Mùa xuân bị ăn về phía đông, mùa hè bị ăn về phía nam, mùa thu bị ăn về phía tây, mùa đông bị ăn về phía bắc thì xứ gặp nguyệt-thực sẽ có điều lo buồn về việc binh.

Mặt trăng đang bị ăn mà mọc lên thì chỗ đóng quân bị tổn hại, lại thêm nữa có sự mất mát đồ-dạc, tướng chết, binh tan.

17. PHÉP XEM MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG ĂN NHAU

Nguyệt-thực xảy ra vào ngày dần, ngày mảo, thì lúa rẻ, nhân dân chịu thiệt-hại, nên khởi binh trước, lợi chủ mà hại khách.

Nguyệt-thực xảy ra vào ngày ngọ, ngày mùi, điều ấy chủ về việc có trâu ngựa chết, binh đầy loạn tại phía tây đánh về phía đông.

Nguyệt-thực xảy ra vào ngày thân, ngày dậu, trong năm này có khí độc gây ra nhiều bệnh.

Nguyệt-thực xảy ra trong ngày hợi, điều ấy chủ về việc thiếu-thốn ngũ-cốc.

Nguyệt-thực xảy ra vào ngày tỵ, ngày sửu, điều ấy chủ về việc đói-kém, loạn-lạc.

18. PHÉP BÍ MẶT XEM ÂM DƯƠNG XÂM PHẠM NHAU

Đường mặt trăng mọc lên và đi theo là:

- thanh-đạo về mùa xuân;
- bạch-đạo về mùa thu;
- xích-đạo về mùa hạ;
- hắc-đạo về mùa đông ;
- huỳnh-đạo trong bốn tháng 3, 6, 9, 12.

Nếu đế-vương trái đạo thì mặt trời và mặt trăng chạy trái đường, lẩn âm, ôm dương, nên gọi là âm dương lẩn nhau, thiên-hạ sẽ có loạn lớn.

Nếu mặt trăng và mặt trời cùng đi ngang nhau, thì có quan đại-thần âm-muru nổi loạn.

Nếu hai mặt trăng chọi nhau, điều ấy chủ về việc có hai vua tranh thiên hạ.

Nếu mặt trời và mặt trăng chọi nhau điều ấy chủ về việc trong nước có đổ máu, thiên-hạ có loạn lớn.

19. PHÉP BÍ-MẶT XEM ÂM DƯƠNG BỐN MÙA

Mặt trời có sắc trắng thì trong vòng chín ngày có rợ tây nhung xâm-phạm biên-giới.

Mặt trăng có sắc trắng thì hiền-thần bị lao tù. Mặt trời có sắc đỏ thì có âm-muru đầy loạn trong nước.

Mặt trăng có sắc đỏ thì loạn âm.

Đây là cách xem nhật nguyệt, âm-dương chạy loạn:

Mặt trời hè không theo nam-đạo, mặt trời đông không theo bắc-đạo thì trong vòng trăm ngày rợ man (phía nam), rợ di (phía đông) sẽ xâm-phạm biên-giới.

Mặt trăng đi về hướng bắc gọi là mặt trăng trương cung, thì có kẻ âm-muru vào thành đầy loạn, bên ngoài giặc phiến. sẽ đầy binh xâm-đoạt nước trung-ương.

20. PHÉP BÍ-MẶT XEM SAO THÁI-BẠCH, THẦN-TINH

Sao mai gọi là Thần-tinh, sao hôm gọi là Thái-Bạch đều là một sao.

Sao Thái-Bạch bị vàng sáng mặt trăng che khuất, điều ấy chủ về việc tướng sủng phải chết.

Sao Thái Bạch được mặt trăng chỡ ở trên, thì trong năm ngày sẽ có đầy binh.

Tháng tám ngày mồng ba, sao Thái Bạch đi sai đường về phía bắc thì sẽ có binh đánh nhau.

Sao Thái-Bạch đi về phía bắc thì nước nhỏ rối loạn.

Sao Thái-Bạch đi về phía nam thì nước lớn rối loạn.

Sao Thái Bạch ở trong mặt trăng cũng được gọi là nguyệt-thực.

Sao Thái Bạch là điềm xấu của nhà Vua.

Sao Thái-Bạch mọc bên trái mặt trăng thì nước âm rối loạn, mọc bên phải mặt trăng thì nước dương rối loạn.

Sao Thái-Bạch dính liền với mặt trăng thì trong ba năm có việc đao-binh, mất đất.

Sao Thái-Bạch chạy vào mặt trăng thì tướng – quân phải chết.

Sao Thái-Bạch bảy ngày không mọc thì sẽ có nạn đao-binh dữ-dội..

Nếu sao Thái-Bạch lên giữa trời mà sáng ra thì ba quân tan-vỡ, loạn-lạc.

Nếu trên có một đế-tinh và dưới có một cá-tinh thẳng hàng với nhau thì các quan phản Vua.

Nếu sao Thái-Bạch xuất hiện không đúng lúc thì vua tôi cùng khởi binh.

Sao Thái-Bạch mờ tối thì chủ-tướng gặp việc xấu.

Sách Cấm-Thư chép rằng: Thái-Bạch Thần-Tinh cùng một ngày mọc lên ở hướng đông, ắt có đầy binh ở hướng đông; nếu cùng mọc lên ở hướng tây, ắt có binh đầy lên ở hướng tây.

Nếu cùng mọc ở hướng đông mà không gần nhau, từ hai mươi tới ba mươi ngày không lặn vào hướng đông-nam thì có điều binh nhưng không đánh; đến mùa xuân, mùa hạ sẽ có đầy binh.

Thần-Tinh và Thái-bạch mọc ở hướng đông, gần nhau trong khoảng ba bốn thước thì từ hai mươi tới ba mươi ngày có binh đánh lớn.

Thần-Tinh đi theo Thái-Bạch ở hướng đông thì có đầy binh ở khắp nơi, từ đó đến sáu mươi ngày sẽ có đầy binh ở-ất.

Thái-Bạch từ Thần-Tinh đi ra thì lợi chủ.

Nếu mọc ở hướng đông thì lợi cho việc đánh hướng tây, binh ở phía đông được thắng lớn; nếu mọc ở hướng tây thì lợi cho việc đánh hướng đông, binh ở phía tây được thắng lớn.

Thái-Bạch và Thần-Tinh cùng mọc ở hướng đông; Thái-Bạch mọc trước, Thần-Tinh theo sau rồi vượt qua Thái-Bạch mà đi trước thì xứ ở dưới có binh làm phản, không tới một năm sẽ thấy ứng-nghiem.

Thần-tinh mọc ra như tờ giấy mà Thái-Bạch chưa mọc thì tướng-quân phải chết; thấy mọc ở nơi nào thì ở nơi ấy có quân tan, tướng chết.

Thái-Bạch mọc ở hướng đông, Thần-Tinh ở phía trước mà không mọc thì trong vòng năm mươi ngày có âm-binh đầy loạn trong nước.

Thái-Bạch có vàng sáng thì trong thiên-hạ có ân-xá cho kẻ phạm tội.

Thần-Tinh có vàng sáng thì sẽ có đầy binh và mưa lụt.

Vàng sáng của Thái Bạch và Thần-Tinh mà có ánh sáng màu vàng che khuất thì sẽ có quân tan, tướng chết.

22. PHÉP BÍ MẶT XEM SAO LÀNH

Sao Cảnh Tinh là sao đức-tính. Sao ấy lớn có hình-dạng như nửa mặt trăng hiện ra vào ngày ba mươi, tròn một. Nước nào thấy được sao ấy thì gặp nhiều điều tốt lành.

Sao Chu Tinh có sắc vàng, ánh sáng rực rỡ, nước nào thấy được thì gặp điều tốt lành, ai thấy được thì người ấy gặp điều tốt lành.

Sao Hàm-Dự sáng như sao Tuệ, nước nào thấy được thì gặp điều vui mừng, rợ man phía nam vào cống-hiến.

23. PHÉP BÍ MẶT XEM SAO BẮC-ĐẦU

Bắc-đầu có sao nhỏ thì thiên-hạ không yên, mọi việc chiến tranh cùng đầy lên.

Bắc đầu có khí đỏ xâm- nhập, điều ấy chủ về việc quân phải thua lớn, nếu cứ binh g~p thì có hại.

Nếu có mây trắng xâm-nhập, điều ấy chỉ về việc đổ máu nhiều.

Nếu có mây như xà-mâu ăn vào, điều ấy chủ về việc có loạn lớn, nên ra ngoài.

Nếu có mây hình-dạng giống như con heo, điều ấy chủ về việc binh sợ-sệt vô cơ.

Nếu có khí vàng tán-mác ở đông, tây thì không nên đầy binh động chúng.

Nếu có vết đỏ, đầu lụt, đuôi đậm, điều thấy chủ về việc quân được thắng lớn.

Nếu có màu đỏ lạt thì đại thần làm loạn.

Nếu có mây ở phía đông và tây thì phe chủ cử đại-binh, phe khách nên lui về mà giữ.

Nếu có mây đỏ xây thành bốn phía, điều ấy chủ về việc đầy binh lớn.

Nếu hiện ra ban ngày thì xã-tắc không yên, bậc vương giả gặp tai-biến.

Nếu đang xoay trận mà đêm sau xem lại, thấy sao Bắc-đầu có mây xuyên vào thì ba mươi ngày sau lại bị một lần lửa.

Nếu đêm tròn một đầu năm có sắc hồng bọc quanh sao Bắc-đầu, thì hai mươi ngày sau sẽ có

tướng chết quân bại.

24.- PHÉP BÍ MẬT XEM SAO KHÁCH

Các sách Thiên-văn đều nói: Chẳng phải thường được thấy mà tinh-cờ mới thấy được sao ấy trên trời, thì đó là sứ-giã của Thiên- Tinh Đại-đế: sao ấy là then chốt của bí thuật xem điềm tốt xấu.

Hoặc mọc ở hướng tây, hoặc nằm ở hướng đông. Nếu thấy sao ấy trong nhiều ngày thì có việc to tát xảy ra mà lại có họa lớn; nếu chỉ thấy sao ấy trong ít ngày thì có việc xảy ra nhưng không quan-trọng lắm mà tai-họa chỉ nhỏ nhẹ mà thôi.

Hoặc hình-dạng biến ra sừng nhọn ắt là có âm-mưu gây loạn; nếu sắc của nó mờ nhạt, ắt là có binh nổi loạn.

Nếu có sao (nhỏ) mà thấy nó có sắc trắng thì sẽ có việc binh-đao xảy ra trong địa-phận của nó ; nếu sao ấy có ánh-sáng như gai nhọn thì xứ ở đỉnh bị quân tan, tướng chết, bị giặc lấn đất, đoạt ấp, thiên-hạ loạn lớn.

Hễ hằng ngày thấy sao ấy trên trời, không đúng vào giờ khắc nào cả, thì sao ấy gọi là sao khách.

25. PHÉP BÍ MẬT XEM SAO CHỖI

Ngày xưa kinh của họ Sở nói rằng: Sao Tuế gọi là sao chổi, hoặc dài vài thước, hoặc dài một trăm thước, sao ấy hiện ra ắt có dấy binh.

Khi nhà Vua sắp gặp tai-họa mà sao chổi hiện ra, nếu sao ấy chỉ về hướng nào thì đánh thắng về hướng ấy, chỉ vào ta thì ta gặp điềm xấu, chỉ vào người thì người chịu thất-bại, đều phải phân-biệt địa-phận mà đoán.

Sao chổi dài ba trượng thì việc xấu kéo dài một năm, dài bốn trượng trở lên thì việc xấu kéo dài ba năm, dài một trăm năm mươi trượng trở lên thì việc xấu kéo dài bảy năm.

Sao chổi hiện ra ắt là nước địch chịu việc binh-biến. Sao chổi lớn thì tai-họa lớn, sao chổi nhỏ thì tai-họa nhỏ , đuôi sao chổi mà cong giống như lá cờ thì nhà Vua đẹp giấc binh-định bốn phương.

26. – PHÉP XEM CHUNG NĂM SAO

1) Sao Tuế Tinh có ý nghĩa là hướng đông, là mùa xuân, là hành mộc, là đức nhân trong năm đức thường của con người (nhân, nghĩa, lễ trí, tín), là về mặt trong năm việc (mạo, ngôn, thị, thính, tư). Đức nhân mà thiếu sót, về mặt mà hư hỏng, thời tiết mùa xuân mà bị trái ngược, khí mộc mà bị tổn thương, ắt sẽ thấy sự trừng phạt.

Sao Tuế-Tinh là chủ đầu tiên của phúc may.

Về mùa xuân, được gọi là Nhiếp-Đề;

Về mùa hạ, được gọi là Trùng-Hoa;

Về mùa thu, được gọi là Ứng-Tinh;

Về mùa đông, được gọi là Kỳ-Tinh.

Sao Tuế-Tinh tượng trưng cho bậc có đức, muốn được thấm nhuần sự sáng suốt của người ấy. Bậc Vua của loài người mà có đức ắt là Tuế-Tinh tới lui cùng thời với nhà Vua, nước ấy được phúc may, không thể đánh nước ấy được. Bậc chúa loài người mà không có đức, ham thích việc chiến tranh, thì Tuế tinh cũng theo đó mà mờ tối, đổi màu làm cho tước vị bị tù hãm thất thường; nếu nhân đó tai ương xảy ra thì nước nhà sẽ gặp việc xấu ... (*), điều ấy chủ về trong năm ấy, ngũ cốc và người sinh ra nhiều, nhà Vua sẽ trông nom đạo làm người ở khắp các nước chư hầu trong thiên hạ.

Tuế Tinh ở vào nước nào, thì nước ấy được đức đầy, ngũ cốc tươi tốt, bậc chúa loài người sống lâu và gặp điều tốt lành.

Nếu phúc may xung khắc với Tuế Tinh thì có tai họa.

Tuế Tinh ở yên ở các trung độ thì tốt lành; nếu mờ tỏ không chừng thì nước ấy có việc lo buồn, không thể bày việc và dùng binh.

2) Sao Oanh-Cầm-Tinh có ý nghĩa là hướng nam, là mùa hạ, là hành hỏa, là đức lễ (trong ngũ thường), là sự thấy, Lễ nghi và sự thấy mà thiếu sót, thời tiết mùa hạ mà bị trái ngược, khí hỏa mà bị thương tổn, ắt là sẽ thấy sự trừng phạt.

Sao ấy khiến cho công việc sai phép tắc, đi ra thì mất lửa, đi vào thì binh tàn, tan rã ở đất khách, nước nhà phải rối loạn. Sao ấy gây ra giặc giã, bệnh tật, chết chóc, đói kém, sao ấy ở đâu thì ở đó phải chịu tai ương. Nếu vành bọc quanh sao dao động, đổi màu và làm trở lại như thế, khi thì ở trước ở sau, khi thì bên trái bên phải, nước ấy càng chịu tai ương nhiều hơn.

(*) Không nhận ra chữ nên không dịch được.

3) Sao Trấn Tinh có ý nghĩa là trung-ương, là bốn tháng 3, 6, 9, 12, là hành thổ, là đức tín. Bốn đức nhân, nghĩa, lễ, trí đều lấy đức tín làm chủ. Về mặt, lời nói, sự thấy, sự nghe đều lấy tư duy làm chủ. Bốn vị sao kia (Tuế-Tinh, Oanh-Cầm-Tinh, Thái-Bạch, Thần-Tinh) đều mất đức tín nên báo điềm nước sẽ biến động, ắt bậc vương hầu không bình yên.

Sao Trấn-Tinh mà lu mờ, ắt là việc binh bất lợi.

Sao Ấy ở nước nào thì ở nước Ấy được điều tốt lành.

Sao Ấy nằm vào được chỗ tốt thì đàn bà con gái được phước may, không thể đánh nước Ấy được. Sao Ấy không nằm được chỗ tốt thì đàn bà, con gái có điều lo buồn.

Sao Ấy ở yên không dời chỗ thì nước Ấy có việc lo buồn.

4) Sao Thái Bạch có ý nghĩa là hướng tây, là mùa thu, là hành kim, là đức nghĩa, là lời nói. Trong năm việc (mạo, ngôn, thi, thỉnh, tư), lời nói mà bị sai lầm, thời tiết mùa thu mà bị trái ngược, khí kim mà bị tổn thương, ắt là sẽ thấy sự trừng phạt.

Nhìn cách sao Thái-Bạch lui tới để xem về việc binh; sao ở cao hay thấp, đi chậm hay mau, yên tĩnh hay rối loạn, mọc hay lặn đều tượng trưng cho phép dùng binh.

Nếu nói về điềm xấu, khi sao Ấy mọc ở hướng tây mà đi sai lạc thì rợ di (phía đông) và rợ địch (phía bắc) sẽ bị thất bại; nếu mọc ở hướng đông mà đi sai lạc thì nước trung ương sẽ bị thất bại; nếu chạy dọc trên trời (theo phương nam-bắc), đó gọi là rối loạn kỷ cương thì bậc vua chúa loài người phải chịu lưu vong; nếu ban ngày thấy sao Ấy tranh sáng với mặt trời thì nước nhỏ mạnh, nước lớn yếu.

5) Sao Thần-Tinh có ý nghĩa là hướng bắc, là mùa đông, là hành thủy, là đức trí, là sự nghe. Đức trí và sự nghe mà thiếu sót, thời tiết mùa đông mà bị trái ngược, khí thủy mà bị tổn thương, ắt là sẽ thấy sự trừng phạt.

Sao Thần-Tinh chủ về sự giết chóc, là khí sát phạt, là sao tượng trưng cho sự chiến đấu, quân đội ắt là bị hãm ở đồng nội.

Sao Thần-Tinh tượng trưng cho sự phòng bị của tướng sủng; tướng tay không chẳng có quân lữ, đó là hình phạt dành cho tướng sủng.

27.- PHÉP BÍ MẬT XEM SAO BĂNG

Sao băng là sứ giả của Trời, từ trên rơi xuống gọi là lưu-tinh, từ dưới chạy lên gọi là phi-tinh, sao lớn gọi là bốn-tinh, tất cả cũng đều là lưu tinh cả.

Sao lớn thì có sứ mạng lớn, sao nhỏ thì có sứ mạng nhỏ. Nếu có nghe tiếng kêu, đó là tượng trưng cho sự giận dữ. Nếu chạy mau thì kỳ hạn đến gấp rút, nếu đi chậm thì kỳ hạn còn lâu.

Nếu sao lớn mà không sáng, đó là việc của dân chúng; sao nhỏ mà sáng đó là việc của người tôn quý. Nếu sao khi ẩn khi hiện đó là công việc có thành có bại. Nếu sao trước lớn mà sau nhỏ thì có điều lo sợ; nếu sao trước nhỏ sau lớn thì có việc vui mừng.

Nếu sao chạy ngung ng้าง như con rắn thì có kẻ âm mưu làm việc gian tà. Nếu sao chạy băng qua mau, băng qua mà không kịp tới (rớt), đường băng dài thì việc lâu dài và quan trọng; đường băng ngắn thì việc mau chóng và không quan trọng. Sao băng rơi xuống nơi nào thì dưới nơi ấy có việc binh đao. Sao băng di chuyển mà bị ngăn trở thì có mưu sự xảy ra.

Về sao băng, hãy xét ngày giờ, xem sao ở địa phận nào để mà luận :

- Màu xanh tượng trưng việc lo buồn, đói kém.
- Màu đỏ tượng trưng việc đao binh, khô hạn.
- Màu vàng tượng trưng việc vui mừng, việc sửa sang đất nước.
- Màu trắng tượng trưng việc đao binh, hình phạt.
- Màu đen tượng trưng bệnh tật, bệnh dịch, chết chóc, hỏa tai.

Khi sao băng có ánh sáng giống như tấm vải, nếu là màu xanh thì có sự các nước tới viếng, nếu là màu đỏ thì có việc đao binh, nếu là màu đen thì có việc chết chóc.

Nếu sao băng rất lớn, ánh sáng chiếu xuống đất, màu xanh và màu đỏ tủa ra bốn bên thì ngũ cốc mất mùa.

Sao băng phạm vào mặt trăng hay triền mặt trăng mà ánh sáng đỏ hướng về phía mặt trăng thì thiên hạ không yên ổn.

Khi gặp lưu tinh và bốn tinh, nếu dấy binh sẽ thắng trận.

28.- PHÉP BÍ MẬT XEM SAO YẾU QUÁI

1) Sao Thiên-Ngô: Cũng có tên là Giác-Tinh, vốn thuộc về sao Tuệ-tinh (sao chổi) nhọn dài bốn thước. Nếu mọc ở hướng đông-bắc, thì chủ về việc tranh đoạt. Nếu sao tuệ (chổi) mọc ở hướng đông thì có tên là Thiên-Cách thì nước Ấy không thể cử sự, nếu dùng binh thì phải mất thành. Sao Thiên-Ngô dài hơn bốn thước thì chủ về việc yêu quái nổi lên khuấy phá.

2) Sao Xi-Vưu-Kỳ (giống cờ giác Xi-Vưu đời vua Huỳnh Đế). Giống loại sao Tuệ (chổi) nhưng có đuôi cong như hình lá cờ. Hoặc hiện ra một mình giống như một đám mây đỏ, sắc của nó trên đỏ dưới trắng, sao Ấy hiện ra ở hướng nào thì ở hướng ấy có binh dấy loạn. Sao Xi-Vưu-Kỳ mọc ra, chủ về việc đánh dẹp bốn phương. Lại có nói sao Xi-Vưu-Kỳ thuộc loại

sao Oanh-Cầm, nhờ có khí đỏ bồi đắp mà trở nên to lớn, sắc của nó chiếu ánh sáng xuống đất, tên của nó là cờ Xi-Vưu, chủ về việc binh dữ đầy loạn, rợ man (nam) và rợ di (đông) xâm phạm biên giới.

3) Sao Nguyệt-Hoàng: Hình nó lớn và có sắc đỏ, ở cách mặt đất chừng ba trượng giống như bó đuốc, chủ về việc bên trong có giặc giã, tai nạn, nơi nào thấy sao ấy thì có đầy binh, trong và ngoài đều gặp nạn đao binh.

4) Sao Chiêu-Minh: Hình lớn mà không có sừng nhọn, khi thì lên cao khi thì xuống thấp, nước nào thấy sao ấy hiện ra thì chịu nạn đao binh. Sao Chiêu-Minh có hình dài 3 thước, lại có thêm 3 sao ở trên, đó là loại sao Oanh-Cầm.

5) Sao Tư-Nguy: Có hình dạng như sao Thái-Bạch, có 2 mũi nhọn như hai cái đuôi, mọc ở hướng tây, cách xa mặt đất sáu thước và có sắc trắng, đó gọi là sao Tư-Nguy. Sao mọc ở hướng nào thì ở nơi ấy việc hành binh của phe chủ không được thuận lợi.

6) Sao Thiên-Sâm: Mọc ở hướng tây, giống như một cây kiếm dài bốn, năm trượng, có tên là Thiên-Sâm. Sao ấy mọc ở nơi nào thì ở nơi ấy có đầy binh, nước nào thấy sao ấy thì có loạn lớn.

7) Sao Ngũ-Tàn: Mọc ra ở hướng đông, cách mặt đất chừng ba đến bảy thước, giống như mũi thương chĩa ra nên gọi là tàn, như có mũi nhọn dài ló ra. Ngũ-Tàn có nghĩa là chia ra năm phần. Nơi nào có sao ấy thì phải chịu nạn hủy hoại, bại vong. Lại có nói sao ấy giống như lửa có màu đỏ hoặc màu xanh. Sao Ngũ-Tàn xuất hiện ở nơi nào thì ở nơi ấy có nạn binh đao, nhà tan nước mất.

8) Sao Trường-Canh: Giống như tấm vải dính vào da trời, nơi nào thấy sao ấy thì có đầy binh gây loạn.

9) Sao Thiên-Tặc: Mọc ra ở hướng nam, so ấy lên cách mặt đất sáu thước và có màu đỏ, dao động mà chiếu sáng, đó gọi là sao Thiên-Tặc. Nó mọc ở hướng nào thì dưới hướng ấy có đầy binh gây loạn, đất ấy phải bại vong.

10) Sao Cuồng-Thi: Giống như sao băng có hình mũi tên, màu xanh đen, đi như con rắn, trông như có sừng, dài chừng vài thước. Thấy nó ắt là có binh mưu phản nhân con loạn mà gây loạn. Lại có nói rằng khi gặp sao Cuồng-Thi thì quân sĩ sinh ra nhát sợ, binh Tàn phải thua, Hạng Vũ chấp chánh. Nơi nào thấy sao Cuồng-Thi xẹt xuống hướng tây thì đó làm điềm diệt vong.

11) Sao Thiên-Cầu: Hình dạng của nó giống như chó chạy, có sắc đen vàng và có tiếng kêu, phía trên giống như con chó. Sao ấy rơi vào xứ nào thì xứ ấy trông như có ánh lửa rực rỡ xông lên trời, trên nhọn, dưới tròn mà nghiêng về một bên, giống như sao Diên-Tĩnh mà có lông, một bên có sao chổi ngắn, phía dưới có sao Cầu-Tĩnh mọc ra có ánh sáng màu đỏ, trắng, tức đó là sao Thiên-Cầu. Lại có nói rằng sao băng có ánh sáng, thấy rơi xuống mà phát ra tiếng kêu, có chân (*) màu trắng, ở giữa màu vàng giống như hình con chó, chủ về việc có đầy binh, giặc tới phá quân giết tướng, đỏ máu ngàn dặm. Nó có một tên thứ nhất là Lư-Tĩnh, một tên thứ hai là Doanh-Đầu-Tĩnh, đó cũng là sao Thiên-Cầu.

29.- PHÉP BÍ MẬT LUẬN VỀ TÁM SAO YÊU QUÁI

Sách Binh-Pháp nói rằng: Thần nhân ban cho sách lạ về sao yêu quái, thế gian thường chẳng được thấy. Nếu lại sao ấy hiện ra thì không thể không xem xét; nước nào có sao ấy hiện ra thì quan Tư Thiên Giám phải quan sát kỹ. Theo phép này nếu sao đeo theo mây mà xuất hiện thì rất khó mà đo lường.

- Thứ nhất: Mao-Đầu-Tĩnh: Hình của nó dài như măng tre.
Giữa ngày so hiện giống đầu lông,
Nước chủ đang yên bỗng bận lòng
Sao hiện không đầy ba tuần nhật,
Nước sinh tại biển phải long đong!

- Thứ hai: Đới-Tĩnh: Sao ấy dài thẳng một đường, trên dài ba phân, dưới dài một phân.
Treo kiếm bên trời, ấy tướng quân,
Đới ra nhất định đầy đao binh,
Ban ngày sao hiện, binh nên tiến,
Thấy ở nơi nào, ấy giặc sanh!

- Thứ ba: Thương-Ngân-Tĩnh: Khi của nó hợp thành một đường đâm xuyên qua mình nó và chui qua thẳng.
Sao cặp một đường ngo giống thương,
Xuyên hần qua sao thật lạ thường,
Hiện ra không quá ba tuần nhật,
Binh đầy đồng thời khắp bốn phương.

- Thứ tư: Trương-Cung-Tĩnh: Nó dài một đường như hình cung giương.
Hình sao trông giống chiếc cung giương
Chủ tướng tới lui phải hiểu thông
Sao hiện trước nhà binh đầy động,
Hung binh đánh trước mới thành công!

- Thứ năm: Thần-Xoa-Tinh: Trên có ba đường, dưới có một đường.
Thấy được Thần-Xoa thật ít khi,
Gặp thời sao hiện, chủ thiên đi,
Hiện ra không quá trăm ngày chẵn,
Máu chảy tràn trề, nước loạn ly!

- Thứ sáu: Trường-Canh-Tinh: Có hình như sợi tơ thông xuống, có khí trắng.
Một lần khí trắng giống đường thương,
Sao hiện nơi nào, đầy nhiều nhưong,
Giữa ngày sao hiện như mây lụa,
Nước phải kinh hoàng chịu họa ương.

- Thứ bảy: Phao-Giáng-Tinh: Có đám mây giống như đầu người.
Hình mây trông chẳng khác đầu lâu,
Sao hiện nơi nào chứa phải sầu,
Hiện ra chẳng đợi qua hai tháng,
Ma quỷ hại người, đồ máu nhiều.

- Thứ tám: Đạm-Kỳ-Tinh: Giống như mây, dài như lá cờ trương ra.
Sao yêu xuất hiện trái cờ ra,
Biên ải man di quấy nhiễu ta,
Hiện ra chẳng quá ba tuần nhật,
Thây chết đầy đồng, người thối tha.
30.- PHÉP XEM SAO YÊU QUÁI HIỆN RA BAN NGÀY

Sao hiện ra ban ngày, hình giống như cây cối, chủ về việc có đao binh và đổ máu.
Nếu ban ngày có hai sao hiện ra thì thiên hạ sẽ đổi đời.
Nếu ba sao hiện ra thì rợ di (phía đông) và rợ địch (phía bắc) xâm phạm biên giới.
Bốn sao hiện ra thì vua tôi âm mưu dấy loạn.
Năm sao hiện ra thì nước ngoài xâm đoạt nước trung ương.

Một sao hiện ra vào tháng tám ban ngày thì nên phòng ngừa kẻ gian tà mưu sự. Nếu sao xẹt một bên thì chủ về việc có đánh lớn, đổ máu. Nếu sao quay đuôi lại, xẹt xuống một bên thì chủ về việc mất nước.

31. – PHÉP XEM TƯỢNG TRỜI KHI HÀNH QUÂN

A. Một là khi gặp trời đất tối tăm, sương mù mờ mịt, gió tung cát bụi, cờ xí không thấy rõ, chiêm trống nghe không được, thì không thể xuất binh. Nếu có giặc thừa lúc tối tăm ấy kéo kỵ binh kiêu dũng, dời quân đến đánh ta thì ta ắt phải dấn dò đôi ba phen, ước thúc ba quân, giữ kỷ dinh trại, không cho loạn động, chỉ dùng các vật ngăn chặn, bia, phen để đón đỡ tên và đá bắn tới, dùng cung mạnh nỏ cứng ngồi nấp mà bắn giặc. Ta chờ đến khi giặc giải đãi thì thừa dịp bên địch tối tăm hỗn loạn, ta xua sĩ tốt mạnh dạn lên đi ra mặt sau quân địch để chặn ngang đường rút lui cùng các chỗ hiểm yếu, bấy giờ ta đánh thì có thể bắt được chúng.

B. Một là khi gặp trời đất mưa gió tối tăm... sương mù mờ mịt tất cả bốn phía, thì không thể tiến binh, cũng không thể dời trại, vậy nên giữ kỷ dinh trại, để phòng ngừa sĩ tốt biến loạn hoặc giặc ở ngoài tới đánh.

C. Một là khi gặp gió to, mưa lớn, lạnh nhiều, nắng gắt, không thể ra binh đánh dẹp, vậy nên vỗ về giúp đỡ quân sĩ, giữ vững dinh trại, tất nhiên giặc cũng không thể ra binh. Nếu binh ta đi đường mà thành linh gặp giặc thì nên lập gấp dinh trại để chờ khi trời tối và chờ lúc thể giặc suy giảm. Bấy giờ ta gắng tìm phương sách hay, xét thời trời, thăm dò chỗ sơ hở của địch.

D. Một là gặp khi tuyết đổ mờ mịt, trong vòng trăm bước không thấy người ngựa, trong trường hợp ấy thường thường giặc đặt kỳ binh nấp ở nơi hiểm ải để chờ đánh ta vào lúc vô ý. Nếu ta ra quân đối ứng với giặc thì chúng sẽ giả vờ thua chạy mong rằng ta đuổi theo để dẫn dụ ta vào chỗ chúng đang phục binh. Theo cách tự nhiên, ta trước hết nên chọn năm bảy ty tướng, vài mươi đội tinh kỵ, chờ khi giặc tới bốn phía tả hữu trước sau, cho quân đến dẫn dụ ta, hoặc dùng quân tinh kỵ bày trận thể xông vào đánh ta, tức thời từ đằng sau quân ta, ta khiến hai viên tướng đi ra, góp kể di chuyển và ứng biến với nhau, đem người ngựa đi vòng quanh, tìm đường về của ngựa giặc, rồi dò xem có phục binh hay không tại các nơi hiểm ải trên đường về ấy. Nếu ta có tức thời chia binh ra hai ba nhóm, thay phiên nhau mà đánh thì giặc phải thua chạy.

Nếu giặc đến đánh ta trước, bên ta đầu đuôi chẳng thấy nhau, như thế quân ta phải rời khỏi chỗ mà giặc đặt phục binh, rồi đem nhuệ binh quay ngược lại đánh ngang vào hông giặc. Bấy giờ đám giặc đến đánh ta không biết rằng bên kia phục binh đã thua chạy, ta bèn sai một toán tinh kỵ, vừa đánh vừa lui, thay phiên nhau bọc đánh địch, chờ giặc đi vào chỗ ta phục binh, ta liền đem đầu đuôi giáp lại thì có thể cầm bắt toàn thể quân địch. Đó là chỉ giảng sơ lược về trường hợp toàn quân đang giao thông, phải biết tùy lúc gấp hay hoãn mà ứng đối.

Đ. Gặp cơn tuyết lớn bay mù như vậy, nếu ta có cung cứng, ngựa hay, người mạnh thì việc xây ra tầm thường không quan-trọng. Khi đi săn bắn chơi, còn phải xem trời mây hướng hồ là hai toán quân tranh nhau thắng bại, muốn thu lợi lớn về phía mình.

E. Sau cơn tuyết lớn, khi biết là bộ binh của ta khó tiến, quân giặc bèn lập mưu lạ đem nhiều tinh kỵ tới bốn phía chung quanh dinh lũy của ta, khiêu chiến để dẫn dụ quân ta, hoặc dùng tinh kỵ chạy qua chạy lại xung phong vào quân ta. Nếu ta đem binh ra, tức thì giặc phản binh tứ tán, đầu đuôi hiệp lại để tới đánh ta, một là đánh dinh trại của ta, một là chặn đường lương thảo của ta, ngăn cho hai đầu đuôi của ta không cứu ứng nhau được. Nếu đúng như thế, quân ta ngăn rào cho kỹ mà đừng đi ra, chờ giặc đem binh mạnh tới đánh, ta bèn dùng cung nỏ cứng, loại nỏ sàng tử, cái thì bắn ở trên, cái thì bắn ở dưới. Khi thế giặc đã yếu, không còn chỉ chiến đấu nữa, ta có thể đem toàn quân ra bắt giặc.

G. Một là ngày mới ra quân, nếu có mưa nhỏ gọi là mưa nhuận binh, ắt sẽ có thắng lớn. Nếu có mưa lớn gọi là mưa mộc thì (thây gỗ) thì phải chọn ngày khác để tiến binh. Việc tuy gấp rút cũng không thể tiến binh được bởi vì thời trời chưa thuận, chỉ tổn hại nhân mạng và khí cụ mà sĩ tốt lại không đẹp lòng.

H. Một là gặp cơn gió lớn thổi tung cát bụi thì không thể tiến binh đánh dẹp. Nếu binh đang đi đường thì nên tìm ngay tại đó có chỗ nào tiện lợi để lập dinh trại, chỉnh đốn binh mã. Nếu phía trước bỗng gặp phục binh đánh cắt đứt quân ta, hoặc có đánh lớn, đó là điềm cho biết ý trời không thuận cho sự ra binh. Nếu đóng dinh trại ở đồng ruộng thì nên dẫn dò quân sĩ hai ba lần hãy giữ vững dinh trại để phòng ngừa giặc theo chiều gió đến la ó mà đánh dinh trại của ta. Nếu ta lập trận đã xong mà có gió ấy thì cũng không đánh mà nên giữ vững.

I. Một là gặp mặt trời và mặt trăng hơi bị ăn, thì không nên tiến binh đánh dẹp, mà chỉ ra lệnh cho ba quân giữ gìn chắc chắn để phòng ngừa giặc đến đánh.

K. Một là quân đang đi đường, gặp nhiều ngọn gió lớn xáp nhau, đập vào nhau, khi thì thổi khi thì nghỉ, bấy giờ phải sợ giữa đường có phục binh đánh, vậy nên đề phòng.

L. Một là gió đập vào mặt người thì không nên tấn binh. Nếu khi phát binh đi trên đường thì gặp gió thuận thổi, khi đi được nửa đường hoặc trở về thì gặp gió nghịch thổi, bấy giờ nên lập dinh trại ngay tại đó. Nếu cứ tiến binh, ắt sẽ gặp phục binh. Nếu gặp giặc phải đánh, mà có gió nghịch không phân lớn nhỏ thì không nên giao chiến mà nên giữ vững. Vì đạo trời chưa thuận nên phải thế.

M. Một là khi mới phát binh, gió mưa chẳng có, đi được nửa đường, bỗng có đánh lớn, và có mưa to gió lớn, thì nên chọn gấp chỗ lập dinh trại để giữ vững mà chớ nên tiến binh. Nếu cứ

đi tới ắt có huyết chiến.

N. Một là quân đang đi trên đường hay đang đóng dinh trại ở đồng nội, mà gặp mưa to gió lớn, tuyết rơi sương mù, tối tăm mờ mịt thì không nên tiến binh dẹp giặc. Nên vỗ về sĩ tốt để giữ vững là hơn hết.

O. Một là quân đang đóng dinh trại tại đồng nội, chỉ có điểm trời là sắc mây, móng trời, sao băng sa xuống, đất cát thay đổi, chim bay, thú chạy, có giống vật lạ chạy vào dinh trận cần quân lính, thì nên bói để tìm hiểu.

32.- PHÉP XEM SƯƠNG RƠI ĐỂ ĐOÁN THỜI TRỜI

Hễ về tháng ba mùa hạ, dương-khí tới mà bỗng nhiên sương rơi xuống lộp độp làm cho đầu cành cây ẩm ướt, ắt sẽ có binh dấy lên từ phương bắc, đến lấy nước, phá thành. Chủ nên phòng bị vực binh. Ngày xưa, hiền thần Trâu Diễn nước Yên bị giam trong ngục, trời bèn giáng sương vào tháng ba thì không tới một tuần, có binh dấy ở phương bắc.

33.- PHÉP XEM MƯA TUYẾT

Tuyết là tinh túy của mưa móc không phải do trời mà khởi, không phải do đất mà sanh, mà chính do việc binh của nước mà ứng. Mùa đông sinh tuyết thì thuận, mùa hè sinh tuyết thì nghịch. Vào tiết hạ chí mà tuyết bay ngàn dặm thì có dấy binh ở biên giới phía bắc. Chủ nên phòng bị.

34.- PHÉP XEM MỐC RƠI ĐỂ ĐOÁN THỜI TRỜI

Mốc là do âm khí kết lại mà thành, nó đông lại như mỡ, trông đẹp đẽ như kẹo. Nếu được như vậy, thì thuận lòng trời, binh sẽ gặp điều tốt lành.

Nếu lạnh như xương, tẻ da, ắt sẽ nghịch lòng trời, hành quân sẽ đại bại.

Mốc cũng có tên là “rượu của trời”. Ngày xưa, người ta tin rằng Vua Hán Võ Đế được thần tiên dùng tay hứng cho mà uống, chắc phải có lợi gì.

35.- PHÉP XEM MƯA GIÓ NGÀY MÔNG MỘT

Ngày mông một tháng giêng mưa to, gió lờ, thổi cát bụi bay lên, làm tróc nóc nhà, chủ về việc tơ lụa hiếm hoi, nghề tầm thất bại, lúa mất mùa.

Ngày mông một tháng hai có mưa thì tơ xấu, mất mùa lúa. Ngày ba mươi mà mưa thì dân gặp nhiều tật bệnh, chết chóc nhiều và gặp việc dữ.

Ngày mông một tháng ba có mưa gió thì có nhiều bệnh, có sâu lúa sinh ra, hai thứ lúa mì lớn nhỏ đều không chín, nhân dân chịu sâu khổ.

Ngày mông một tháng tư có mưa gió thì lúa mì xấu, gạo trở nên đắt đỏ. Ngày ba mươi có mưa lớn thì có bão cáo (sâu keo) gieo nạn dữ.

Ngày mông một tháng năm có mưa gió thì trâu bò trở nên đắt đỏ. Trong năm ấy nhân dân sẽ đói kém, trở nên sầu oán và sẽ có dấy binh.

Ngày mông một tháng sáu có mưa gió thì lúa gạo trở nên hiếm hoi đắt đỏ.

Ngày mông một tháng bảy có mưa gió thì lúa gạo trở nên đắt đỏ, nhân dân không yên ổn, thiên hạ loạn lớn.

Ngày mông một tháng tám có mưa gió thì đất ẩm có nhiều vãi và lúa mì, khan hiếm gạo và dầu mè.

Ngày mông một tháng chín có gió mưa thì hột mè khan hiếm cho đến xuân hạ năm sau.

Ngày mông một tháng mười có gió mưa là chủ về việc có khô hạn, hột mè khan hiếm.

Ngày mông một tháng mười một có gió mưa thì việc binh gặp nhiều tai nạn.

Ngày mông một tháng chạp có gió mưa thì mùa xuân bị khô hạn, mùa hè bị lụt lội, gạo lúa trở nên đắt đỏ.

NGÀY LẬP ĐÔNG: Vào giờ tỵ, giờ sửu, nếu ở hướng bắc có mây trắng hình dạng như chim thì ở dưới hướng ấy trong năm tới, vào tháng tư sẽ có việc đao-binh.

Nếu mây trắng có hình-dạng giống như Hồ-binh bày trận tiến binh thì năm tới vào tháng bảy xứ ấy sẽ nổi loạn. Hễ nghe có loạn thì phải chuẩn-bị gấp rút việc binh-mã.

MỘ BINH

36.- TUYỂN MỘ

Đặt ra ba bậc để tuyển mộ tráng sĩ. Từ quan lại trở xuống, đều phải cử người mà mình biết rõ.

Những kẻ giặc cướp thì để vào bậc trên, những kẻ đã thương hoặc trộm cắp cho vào bậc thứ

hai, những kẻ không lo việc nhà thì cho vào bậc dưới.

Khiến nhóm hợp các tướng và để 300 cỗ xe ngựa cho họ dùng, rồi tuyển mộ quân cảm tử để hầu hạ họ: nếu không phá được địch, cũng không đến nỗi mất mặt nhục khi.

37.- BINH MẠNH

Trong phép chiến thắng có 5 việc cốt yếu:

- 1) Sắp sẵn bảo giáp, binh khí.
- 2) Lo kiếm người, ngựa, xe cho đủ.
- 3) Chứa trữ nhiều.
- 4) Huấn luyện sĩ tốt.
- 5) Chọn tướng giỏi.

Năm việc trên đã chuẩn bị xong rồi mới có quân đội mạnh mẽ được.

38.- CHỌN BINH ĐỂ TẬP LUYỆN

Binh cần tinh nhuệ chứ không cần nhiều.

Nên chọn những kẻ khoẻ mạnh mà dùng chứ chọn những kẻ ốm yếu để khoe số đông.

Những hạng có thể thâm nạp để huấn luyện là những kẻ:

- 1) Có nhiều anh em.
- 2) Không cha mẹ.
- 3) Tuy đơn độc nhưng có con nối dõi,
- 4) Nhà tuy nghèo nhưng có tài sức mạnh khoẻ.

CHỌN TƯỚNG

39.- XÉT TƯỚNG

Muốn biết người nên xét tám chứng cứ sau này:

- 1) Thứ nhất là hỏi họ, buộc họ phải trả lời để dò xem kiến thức tường tận của họ.
- 2) Thứ hai là lấy lời gạn hỏi họ để xem tài ứng biến của họ.
- 3) Thứ ba là dùng gián điệp dò xét họ để xem lòng thành thực của họ.
- 4) Thứ tư là buộc họ giảng giải rõ ràng để xem đức độ của họ.
- 5) Thứ năm là dùng tiền của mà sai khiến họ để xem tánh liêm khiết của họ.
- 6) Thứ sáu là dùng sắc đẹp mà thử họ để xem lòng trinh chính của họ.
- 7) Thứ bảy là đem việc khó mà bảo họ để xem lòng dũng cảm của họ.
- 8) Thứ tám là cho họ uống rượu say để xem thái độ của họ.

40.- DÙNG TƯỚNG

Hỏi: Nếu có một viên tướng mạnh dạn, một viên tướng cơ trí phải dùng họ như thế nào mới được?

Đáp: Tướng mạnh dạn thì có tài đánh phá chỗ kiên cố của địch, vây hãm trận địch, có tướng mạnh thì có thể gây nên thế mạnh. Về việc lo liệu đối phó với quân địch, sắp đặt kế hay, tùy cơ ứng biến, nếu không có tướng cơ trí thì không thể làm được.

Nếu tướng chỉ cậy dũng cảm mà thôi thì phải thua mưu trí vậy. Cho nên ngày xưa, xây đàn, lên đài, dây trục xe (*), ắt phải tìm mời tướng sủng có cơ trí để làm chỗ trông cậy cho người tướng mạnh dạn. Do đó người làm chủ tướng không cần phải biết phép thuật, đánh gươm cưỡi ngựa, bắn cung, mà cần phải hiểu biết thông suốt các việc xưa nay.

Vậy phải giao trách nhiệm chỉ huy cho ai? Muốn biết một viên tướng là tài giỏi hay ngu tối, ta phải thử thách họ để coi họ động lòng hay không.

41.- CÁCH ĐỐI PHÓ VỚI TƯỚNG NGU TỐI CỦA ĐỊCH QUÂN

Thử thách mà động lòng đó là hạng tướng ngu tối. Tướng ngu tối thấy lợi thì động lòng, khinh thường quân địch nên động lòng. Về phương pháp đối phó, ta nên dùng hai cách phỉnh gạt sau này để bắt tướng ấy:

- Đối với tướng tham lợi, ta dùng mồi nhử để bắt họ.
- Đối với tướng coi thường đối phương, ta giả vờ khiếp nhược để câu nhử thì có thể bắt được họ.

42.- CÁCH ĐỐI PHÓ VỚI TƯỚNG GIỎI CỦA ĐỊCH QUÂN

Thử thách mà không động lòng, đó là hạng tướng tài giỏi. Tướng tài giỏi, có mưu trí đầy đủ nên không động lòng, có pháp thuật đầy đủ nên không động lòng. Về phương pháp đối phó, ta nên dùng hai cách giúp thêm sau này để chống chọi.

- Khi hai bên dùng trí đấu nhau, mưu-trí của ta không hơn được mưu trí của địch, thì ta dùng pháp thuật giúp thêm vào, để che giấu chỗ sơ hở khi địch nhân lúc ta thua trí mà đánh vào.

- Khi hai bên dụng phép thuật để đánh nhau, mà phép thuật của ta không hơn được phép thuật của địch, thì ta dùng mưu trí giúp thêm vào, để ngăn ngừa sự biến loạn, khi địch thừa dịp ta sơ hở về phép thuật mà đánh vào.

43.- CHIẾN LƯỢC

Đây là mưu đánh. Khi giao binh, nếu muốn biết tình trạng hư thực của địch, ta hãy làm cho người lộ hình tích mà giữ cho ta vô hình. Ta làm cho người bộc lộ tình trạng hư thực, đánh vào chỗ sơ hở của họ mà thành ra đánh được chỗ vững bền của họ.

Nếu ta đánh vào chỗ vững mạnh của địch, ắt là ta sai lầm, nếu ta đánh mạnh vào chỗ sơ hở của địch thì ta được vững mạnh, sai lầm ở trên là bởi lẽ đó. Sâu kín đến nỗi trở nên vô hình, giấu kỹ ở trong chính, giấu chính ở trong kỳ, lấy kỳ làm chính, lấy chính làm kỳ.

Phép đánh là dùng chính để hợp, dùng kỳ để thắng, phép chiến thắng không ra ngoài kỳ chính, cách biến hóa của kỳ chính không bao giờ hết được. Kỳ và chính sinh ra nhau như vòng tròn không có đầu mút. Xét hư thực, hiểu rõ đâu là vững chắc đâu là sơ hở, khéo dùng phép kỳ chính, đó là ba vật báu của binh pháp.

Biết mình biết người, trăm đánh trăm thắng. Nuôi khí lực của dân, định tâm chí của quân, đó gọi là biết mình. Xét tình hình quân địch, đó gọi là biết người. Việc ấy có ba điều trọng yếu, phát xuất từ ba căn bản, tại sao thế?

Theo phép cầm binh thì “dụng” bên ngoài khoan nghiêm không chừng, nhưng “thể” bên trong phải nghiêm, cho nên binh gia và pháp gia phụ giúp cho nhau; hình trạng bên ngoài thì động tĩnh vô thường nhưng phải lấy tĩnh làm chủ, cho nên binh gia và âm phù gia (pháp sư) phải nhờ cậy nhau. Việc hình pháp không cần phải thêm việc binh, nhưng trái lại việc binh chưa bao giờ khỏi thêm việc hình pháp; pháp thuật không cần dùng binh mã, nhưng binh gia chưa bao giờ khỏi dùng pháp thuật. Cho nên mới nói rằng: ba điều trọng yếu do ba căn bản. Dùng sở trường của các nhà rồi suy tính lợi hại, như thế mưu lược sẽ được hoàn bị.

44.- CÁCH DÙNG TƯỚNG

Hỏi: Phép dùng tướng như thế nào?

Đáp: Tại một việc cơ quyền mà thôi. Tướng nói có thể dùng dân thì phải dùng, tướng nói không thể dùng dân thì không dùng. Tướng nói có thể dùng binh thì phải dùng, tướng nói không thể dùng binh thì chớ dùng. Tướng nói có thể đuổi đánh quân địch thì phải đuổi đánh, tướng nói không thể đuổi đánh thì chớ đuổi đánh. Như thế quân pháp không rối loạn, cơ quyền không bị cản trở.

Nhưng muốn biết dùng tướng, trước hết phải biết chọn tướng. Muốn biết chọn tướng, trước hết phải biết xét tướng. Ba việc hiểu biết ấy đem lại quyền năng thần diệu cho tướng sủy, cho nên không thể không xem xét cẩn thận. Phép khiến tướng, dùng binh như thế đây đủ rồi sao?

Tuy nhiên theo Tôn Ngộ thì phải lo đánh thành, còn theo lời Mạnh Tử, Tuân Tử thì chưa được. Vì sao nói thế? Đáp rằng: Kế hoạch căn bản đã mất nên mới dùng Tôn Ngộ, đó chỉ là búa rìu dùng để đẽo gọt nước nhà. Bên ngoài dữ ác, bên trong đẽo gọt thì cơ mất nước chỉ còn kiếng chân mà mong chờ.

45.- CHIẾN LƯỢC

Việc cốt yếu trong khi đánh giặc là trước hết xem xét tài năng của tướng địch, tùy theo hình thế mà dùng cơ quyền, ắt là không một nhọc mà được thành công.

Tướng địch ngu ngốc mà lại tin người thì ta có thể hứa hẹn để dẫn dụ.
Tướng địch tham lam mà không cầu danh thì ta có thể dùng tiền mà hối lộ.
Nếu tướng địch nhẹ dạ vô mưu, thì ta có thể làm cho phải vất vả, khổ đốn.

Bên địch trên giàu mà kiêu căng, dưới nghèo mà oán hận thì ta dùng mẹo ly gián.
Bên địch tới lui ngờ vực, dân chúng không biết trông cậy vào đâu, thì ta làm cho chúng rung động rồi đuổi đánh chúng.
Bên địch sĩ tốt khinh tướng sủy mà có bụng muốn trở về, thì ta ngăn chặn lối đi dễ, mở thông lối đi khó rồi đón đánh thì cầm bắt được.
Bên địch đường tới dễ đường lui khó thì ta với chúng đến mà đánh, bên địch đường tới khó đường lui dễ, thì ta đến gần chúng mà đánh.
Địch đóng quân ở chỗ ẩm thấp, nước không có chỗ chảy thông, trời mưa dầm lâu ngày thì ta có thể khơi nước chảy vào để chúng bị chết đuối.
Địch đóng quân ở chốn đồng hoang, lau cỏ um tùm, khi có gió mạnh ta dùng lửa để đốt chúng chết cháy.
Địch đóng quân lâu ngày ở một chỗ, tướng sĩ biếng nhác, quân ấy không phòng bị, ta có thể ập nấp mà đánh úp.

46.- CÁC HẠNG TƯỚNG SỦY

Tướng sủy có nhiều hạng:

- Có tướng nho nhã
- Có tướng mạnh dạn
- Có tướng khôn lanh

- Có tướng tài giỏi.

Tướng nho nhã thì có mưu trí
Tướng mạnh dạn thì đánh mạnh
Tướng khôn lanh thì biết ứng biến
Tướng tài giỏi thì có nhiều khả năng.

Nếu tướng gồm kiêm được hết thì không việc gì mà không thần diệu, nếu tướng biết phòng bị thì không có việc nào bất lợi.

47.- HÒA MỤC

Hòa mục là giềng mối chính của sự trị an. Trong nước hòa mục thì việc binh tốt đẹp. Lĩnh đồn thú ngoài biên cảnh hòa mục thì không có việc kinh sợ. Nếu bắt đắc dĩ mới đặt giới cấm thì sự hòa mục càng được quý trọng. Vua tôi hòa mục sau mới chuyển dùng. Tướng văn tướng võ hòa mục sau mới thành công. Tướng sĩ hoà mục sau mới nhắc nhở công lao của nhau mà tướng thưởng, khi gặp nguy nan mới cứu viện nhau. Vậy sự hòa mục là đường lối tốt đẹp bắt đi bất dịch của phép trị quốc hành binh.

48.- TRỌNG THƯỜNG TƯỚNG SÚY

Tướng súy đánh trống, phát cờ, khi gặp nạn thì quyết tử chiến, xông pha gươm đao, chống chọi nổi với địch thì được thưởng công, nêu danh, thua địch thì binh chết nước mất. Như thế vấn đề còn, mất, yên, nguy chi tùy thuộc vào một mây tơ hào, do đó không thể không trọng thường tướng súy.

49.- TÀI ĐỨC CỦA TƯỚNG SÚY

Tài đức của tướng súy kẻ ít người nhiều chẳng giống nhau.

- Che giấu điều gian tà, chứa trữ tai họa, chẳng biết dân chúng hờn oán, đó là tướng coi 10 người.

- Siêng năng cần mẫn, nói năng kín đáo rõ ràng, đó là tướng coi 100 người.

- Ngay thẳng mà biết lo âu, mạnh dạn mà biết chiến đấu, đó là tướng coi 1000 người.

- Ngoài mặt mạnh mẽ, trong lòng hăng hái, hiểu rõ điều lao khổ của người, thương xót cảnh đời rét của người, đó là tướng coi muôn người.

- Cẩn thận, cử tài, được một ngày thì cẩn thận một ngày, thành tín, rộng lượng, sửa trị việc rối loạn mà vẫn thanh nhàn, đó là tướng coi 100 ngàn người.

- Nhân ái đối với người dưới, dùng tín nghĩa để hàng phục nước láng giềng, trên hiểu thiên văn, dưới thông địa lý, giữa rõ nhân sự, coi người trong bốn biển như trong một nhà, đó là tướng-súy của tất cả thiên-hạ, không ai có thể đối địch lại được.

49.- THỜI TIẾT

Việc điều binh khiển tướng là việc lo sợ của binh gia vậy nên cần chờ mặt trời, mặt trăng (ngày, tháng thuận lợi) để được thành công.

50.- PHÉP LẬP ĐÀN

Lập đàn 3 tầng cao 3 trượng để tượng trưng tam tài, rộng 24 trượng để tượng trưng 24 khí.

Giữa đàn có 25 người đứng, mặc áo vàng, tay cầm cờ vàng, đuôi báo, trấn giữ ở giữa cung mậu, kỷ, thổ để tượng trưng việc chỉ huy trận hình.

Phía đông đàn có 25 người, mặc áo xanh. tay cầm cờ xanh, trấn giữ hướng đông, giáp, ất, mộc để tượng trưng thanh long (rồng xanh).

Phía tây đàn có 25 người, mặc áo trắng, tay cầm cờ trắng, trấn giữ hướng tây, canh, tân, kim để tượng trưng bạch hổ (cọp trắng).

Phía nam đàn có 25 người, mặc áo đỏ, tay cầm cờ đỏ, trấn giữ hướng nam, bính, đinh, hỏa để tượng trưng chu tước (phượng đỏ).

Phía bắc đàn có 25 người, mặc áo đen, tay cầm cờ đen, trấn giữ hướng bắc, nhâm, quý, thủy để tượng trưng huyền vũ (rùa đen).

Chung quanh đàn có 365 người cầm cờ đủ màu để tượng trưng vòng trời 365 độ Như thế là đầy đủ.

Đại tướng theo phương sinh khí, lên đàn bái tướng tể trời đất, đóng giữ sáu nhung(?), sắp đặt mà dùng.

Bên trái và bên phải có các quan văn võ đứng hầu, nếu có ai làm huyền não hoặc đứng sai hàng lối thì sẽ có quân pháp trừng phạt.

51- TRAO MỆNH CHO TƯỚNG SÚY

Việc yên nguy của xã tắc đều tùy thuộc vào một người chủ tướng nên mới khiến quan Thái Sử giữ trai giới ba ngày, đến Thái Miếu bói ở mu rùa để chọn ngày tốt trao riu búa.

Vua đi vào cửa miếu, quay mặt về hướng tây mà đứng, tướng quay mặt về hướng bắc mà đứng.

Vua tự cầm đầu riu đưa cán cho tướng mà nói rằng: Từ đây cho tới trời, tướng quân hãy lo chề ngự.

Rồi cầm cán búa đưa lưỡi búa cho tướng mà nói rằng: Từ đây cho tới vực thẳm, tướng quân hãy lo chề ngự.

Tướng nhận búa riu lay tạ mà trả lời Vua: Hạ thần nghe rằng việc nước không thể theo ngoài, trị quân không thể theo trong. Hai lòng không thể thờ vua, chí khí chia lìa không thể ứng phó với địch quân. Thần đã chịu mệnh, cầm riu búa, không dám sống mà trở về. Mong Vua ban cho thần một lời nói trao mệnh, nếu Vua không chịu thần không dám làm tướng.

Làm như thế thì trên không có trời, dưới không có đất, ở trước mặt không có địch, ở sau lưng không có Vua.

52.- DỪNG TƯỚNG

Đời sau dùng người không được như thế. Nghị bàn một người mà phân thi hành về một người khác. Như thế người nghị bàn không biết sự khó khăn của người thi hành mà chỉ nói lý thuyết cao siêu. Người thi hành muốn tuân thụ ý của người nghị bàn nhưng không hợp với thời cơ. Thậm chí có khi một người thi hành mà có tới mấy chục người nghị bàn. Ở giữa kẻ hiền và người gian lẫn lộn, kẻ thương và người ghét đều theo ý riêng của mình mà nói. Kẻ thương tuy ít mưu nhưng cũng phụ hội mong cho thành. Kẻ ghét tuy mưu hay nhưng tìm nhiều cánh để khuấy rối. Không biết liệu lường địch yếu hay mạnh như thế nào mà cứ cho rằng đánh ít thì thắng ít, đánh nhiều thì thắng lớn. Không hỏi thời thế khó dễ như thế nào mà thấy quân nghị ngại thì buộc tội trì hoãn, thấy quân giữ vững thì buộc tội biếng nhác. Kẻ thi hành liếc trái, nhìn phải, muốn đánh hay giữ, tới hay lui, đều không tự chủ được.

Đến khi có mười cỗ xe nguyên nhưng chưa kịp đi mà quan trên đã ban lệnh rồi rít, mệnh lệnh trong quân đã định mà bọn áo giáp ngồi cao đã tới làm rộn, việc đem sĩ tốt ra mà đánh hay đem tướng ra mà đánh đều do bọn nghị bàn đề xướng tất cả. Các đời Đường, Tống, Minh đều thất bại vì nạn nói trên, đời Tống vấp nặng mà đời Minh lại càng nặng hơn nữa.

Kẻ luận việc đời Tống nói rằng: Nếu chỉ bàn suông mà thành công, thì ai bàn ít mà rõ việc, đó là kẻ sáng suốt trong thiên hạ. Không chết vì tay giặc cướp mà chết vì tay người nhà, không chết ở nơi biên cương mà chết vì kẻ can gián ngồi cao, điều tệ hại ấy sinh ra do những người chỉ lo làm mà không chịu luận bàn. Trái lại đối với những kẻ chỉ bàn suông mà không làm thì họ cứ bàn luận phân vân như tơ vò không thể gỡ rối. Xét lại việc xưa nay, Hán Tuyên Đế sử dụng Triệu Sung Quốc, là biết phép dùng tướng vậy.

ĐẠO LÀM TƯỚNG

53.- CÁN MẶT

Biến động là nguồn gốc của kỳ chính, gặp việc chẳng hé môi, dùng binh chẳng nói năng. Cho nên khi có việc, không gì hơn được trước, khi động không gì hơn kín lặng, khi dùng không gì hơn bất ngờ, khi lập mưu không gì bằng dùng cho ai biết.

54.- HƯ THỰC

Kẻ thắng trước thì trước hết tỏ ra mình yếu hơn địch cho nên sĩ số chỉ bằng nửa mà sức đánh gấp bội địch.

Cho nên chưa thấy thắng mà đã đánh, đầu đông quân cũng sẽ thất bại. Kẻ đánh giỏi ở yên thì không lớn xôn, thấy thắng được thì dấy binh đánh, thấy không thắng được thì dừng lại.

Ngày xưa kẻ giỏi dùng binh trong lòng muốn như thế nhưng tỏ ra ngoài rằng mình không muốn như thế, khiến cho địch ngờ rằng mình không muốn như thế, để thi hành ý muốn của mình đúng như thế, đó là phép vi diệu, để phá quân, bắt tướng, hàng thành, phục ập. Bây giờ nếu ý muốn chẳng phải thế, thì làm ra vẻ muốn như thế, khiến cho địch ngờ rằng mình muốn như thế, để mà thi hành ý muốn riêng của mình, đó là phép vi diệu để phá quân, bắt tướng, hàng thành, phục ập. Cho nên việc bày ra ngoài là ảnh. Cho nên làm ra cho người thấy, nhưng không có ý ấy, thì trong ảnh lại có ảnh hiện ra. Hai gương cùng treo soi nhau, đã sâu kín lại càng sâu kín.

Địch sắp đặt mưu kế mà ta phá hoại được, địch toan đoạt lợi ta mà ta ngăn chặn được, ắt là cơ trí của địch phải thất bại. Chúng giả vờ khêu chọc ta để đánh úp ta, ta phá được. Chúng giả phô trương, ta phá được. Chúng giả đánh, ta phá lực lượng của chúng. Chúng dẫn dụ lừa dối ta, ta phá hòng mưu mô của chúng. Hoặc ta dùng cách giả trá để phá chúng, hoặc ta dùng cách tin thực để phá chúng. Hư thì không thực, giả trá thì không tạo công. Thực thì không hư, thành việc thì được kết quả. Vận hành ở đất không có, lay chuyển ở mỗi đầu đứng yên. Sâu kín tối tăm. Địch muốn làm nhưng chẳng lo toan được. Địch muốn mưu đồ nhưng chẳng có tâm trí để làm việc ấy, đó là sự thần diệu của cách biến hóa hư không vậy.

55.- XỬ THẾ

Bỏ mình để báo ơn Chúa mà không khiến được sĩ tốt đồng lòng cùng chết, như thế chẳng phải là tướng giỏi thành công. Cùng sĩ tốt ăn uống mà về sau quên lúc đói khát trên ngựa. Cùng sĩ tốt hưởng bổng lộc mà về sau quên việc xông pha nguy hiểm. Cùng sĩ tốt thức ngủ nhưng về sau quên việc đánh dẹp gian lao. Lo điều lo của sĩ tốt, cùng chịu điều khổ của sĩ tốt, những về sau quên vết thương tên bắn. Việc đã xong thì tình phải tròn. Cho nên chiến đấu là điều trọng yếu, chịu thương tích chết chóc là phận sự, xông pha guơm đao, tranh đi trước người là nhiệm vụ, nhưng nếu không biết đường lối thì đó là việc nguy hiểm. Kẻ quên mình ở hoàn cảnh nguy hiểm mà lại vui vẻ được, kẻ ấy sẽ ăn vật độc như ăn kẹo.

56.- CHIẾN LƯỢC

Đem binh uy hiếp chỗ mà thiên hạ không biết, chế ngự chỗ mà thiên hạ không dám cự, đánh vào chỗ mà thiên hạ không thể giữ, trấn giữ chỗ mà thiên hạ không dám đánh, chạy vào chỗ mà thiên hạ không thể chống cự, rồi bỏ chỗ mà thiên hạ sẽ không đến. Ta trấn nhiếp chỗ nào thì thị uy ở chỗ ấy khiến cho địch chưa dùng binh mà đã sợ ta. Đến khi dùng binh mà địch không chống nổi ta thì bởi chúng đã một lần sợ ta rồi nên ngàn năm chúng cũng sẽ sợ tài của ta.

57.- THẾ CHỦ ĐỘNG

Tới lui đánh giữ đều do nơi ta, đó là có cơ đánh thắng. Do ta thì ta chế ngự được địch, do địch thì bị địch chế ngự. Ta muốn chế ngự địch mà đầu địch không muốn cũng không cưỡng lại được, đó là do ta sắp đặt khiến cho phải được như thế.

58.- TÁNH TỰ NHIÊN

Tự tánh thì chẳng có gì mà chẳng chứa đựng. Quen làm một việc lâu ngày ắt là đem dùng được tự nhiên. Cho nên kẻ giỏi dùng binh thì chẳng thấy gì ngoài việc binh, chẳng luận đàm gì ngoài mưu lược, chẳng trị chỗ nào mà không biến hóa xen trộn. Đó là khi thấy việc biến xảy tới thì chẳng cần chờ an bài bèn tính toán so đo để trong mọi việc kinh dinh chẳng có điều gì mà không hoà hợp, ổn thỏa. Trời tự nhiên mà vận hành, đất tự nhiên mà ngưng tụ. Việc binh thì hành tự nhiên cho nên chẳng bao giờ mà không thắng.

59.- THÁNH ĐẠO

Dùng mưu trí để hàng phục thiên hạ mà thiên hạ chịu khuất phục mưu trí của mình thì mưu trí ấy cũng chưa phải là tối thắng. Dáng hình pháp để chế ngự thiên hạ, mà thiên-hạ chịu theo hình pháp thì hình pháp ấy cũng chẳng có gì hay. Dưới mưu trí hay hình pháp đều chẳng phải là điều hay nhất trong những điều hay. Ngày xưa Thánh Võ giữ thế mà chẳng vây thành, chẳng đánh lũy chẳng bày trận, đó là nhờ nương náu ở chỗ hư không và dựa vào chỗ ít ỏi. Un đúc trong thế không tranh mà được vậy. Sâu xa trong sạch, tang tĩnh tang...

60.- TIẾT CHẾ

Ngày xưa, Vua Đường Thái Tôn hỏi Lý Tịnh rằng:

- Hiện nay, về tướng sủng chi có Lý Tích, Đạo Tông và Tiết Vạn Triệt. Nhưng trừ Đạo Tông là chỗ thân thuộc để riêng ra ngoài, thì ai có thể kham được việc lớn?

Lý Tịnh đáp:

- Bệ hạ thường nói Lý Tích và Đạo Tông dùng binh không thắng lớn mà cũng không thua to. Còn Vạn Triệt nếu không thắng lớn thì phải thua to. Nhân nghe thánh ngôn của Bệ Hạ, thần cạn nghĩ rằng: Không cần thắng lớn mà cũng không thua to đó là binh có tiết chế. Nếu chỉ một là thắng lớn, hoặc một là thua lớn, thì đó chỉ là may mắn mà được thành công. Cho nên Tôn Võ nói rằng: Tướng đánh giỏi luôn luôn đứng vào thế không thua nhưng không bỏ lỡ cơ hội đánh bại quân địch. Đó là nhờ sự tiết chế ở nơi ta vậy.

61.- CÁC ĐIỀU CHỦ YẾU TRONG BINH PHÁP

Vua Đường Thái Tông hỏi Lý Tĩnh rằng:

- Trong binh pháp, những điều thâm yếu nhất là gì?

Lý Tĩnh đáp:

- Thần thường chia ra ba bậc để cho học giả nghiên cứu dần dần.

Thứ nhất là đạo

Thứ hai là trời đất

Thứ ba là tướng pháp

Lý thuyết về đạo rất là tinh vi. Điều mà dịch học gọi là thông minh, duệ trí, thần võ nhưng không cần phải giết người, chính là cái ấy.

Lý thuyết của trời là âm dương, lý thuyết của đất là khó dễ. Kẻ dùng binh có thể lấy âm, đoạt dương, lấy khó đánh dễ. Mạnh Tử gọi thiên thời, địa lợi, chính là việc ấy.

Lý thuyết của tướng pháp là dùng người, dùng vật cho có hiệu quả. Sách Tam Lược nói được kẻ sĩ là tốt, Quân Trọng nói đồ sắc bén, bền bỉ, chính là cái ấy.

62.- SÁCH LƯỢC

Vua Đường Thái Tông nói: Tuy nhiên, ta cho rằng không đánh mà khuất phục được binh của người, đó là thượng sách. Trăm đánh trăm thắng là trung sách. Đào hào sâu, đắp lũy cao để tự phòng thủ là hạ sách. Lấy ba bậc ấy cũng có thể so sánh với ba bậc trong sách của Tôn Võ.

Lý Tĩnh đáp: Xem văn và xét việc cũng thấy có chỗ sai biệt. Trương Lương, Phạm Lãi, Tôn Võ bỗng nhiên đi biệt tích, không biết là đi đâu, nếu không phải là hạng người biết đạo, thì sao có thể làm được như thế? Như Nhạc Nghị, Quân Trọng, Gia Cát Lượng đánh thì thắng, giữ thì vững, nếu không biết xét thiên thời, địa lợi thì sao có thể làm được như thế? Sau nữa Vương Mãnh giữ nhà Tần, Tạ An giữ nhà Tần, nếu không biết dùng tướng sủy, chọn nhân tài để giữ gìn hoàn bị, sao có thể làm được như thế? Cho nên người học tập về binh pháp, trước hết đi từ bậc dưới, đề tiến lên bậc giữa, rồi từ bậc giữa tiến lên bậc trên, ắt là dần dần có thể đi tới chỗ sâu xa. Nếu không làm như thế thì chỉ là nói suông, đâu có chép và đọc tụng cũng vô ích, không thể dùng được vậy.

Vua Thái Tông nói: Các đạo gia rất kỳ việc ba đời làm tướng, nên không dám truyền bừa bãi mà cũng không dám truyền, Khanh nên cẩn thận về chỗ ấy.

Lý Tĩnh lay tạ mà lui về, truyền hết sách binh pháp cho Lý Tích.

63.- ĐỨC TÍNH

Bình ở chốn chiến trường, đứng vào nơi chết chóc, quyết chết thì được sống, cầu sống thì phải chết. Người tướng giỏi giống như đứng trên thuyền thủng đáy, nằm dưới nhà đang cháy, hoàn cảnh ấy khiến cho kẻ có cơ trí cũng không kịp mưu tính được gì, kẻ đông cầm cũng không kịp nổi giận, như thế mới có thể chống cự với quân địch. Cho nên trong các điều hại của sự dụng binh, sự do dự là lớn nhất, tai nạn của ba qua sinh ra do sự hồ nghi.

Cho nên năm điều hay giới của tướng sủy là:

Thứ nhất: sửa trị

Thứ hai: phòng bị

Thứ ba: quả cảm

Thứ tư: kỷ luật (giới cấm)

Thứ năm: giản ước.

Biết trị yên thì có thể trị nhiều người giống như trị ít người.

Biết phòng bị thì đi ra cửa giống như đi gặp địch.

Có tính quả cảm thì khi gặp địch, chẳng còn cầu sống.

Biết khép vào kỷ luật thì khi gặp nguy nan, cũng giống như lúc bắt đầu đánh.

Có tính giản ước thì ban pháp lệnh rõ ràng mà không phiền phức.

Khi chịu mệnh rồi, người tướng không kịp từ giã gia đình, phá địch xong rồi mới nói chuyện trở về, đó là lễ nghi của tướng sủy.

Cho nên ngày ra binh, chỉ mong chết vinh mà không cầu sống nhục.

64.- THAM MƯU

Việc binh có bốn quân cơ:

Thứ nhất: khí cơ

Thứ nhì: địa cơ

Thứ ba: sự cơ

Thứ tư: lực cơ

Quân đầu có ba cánh, đông tới trăm vạn, mọi việc sắp bày to hay nhỏ đều do ở một người: đó là khí cơ.

Đường sá chật hẹp, hiểm trở, núi cao bíт nghẽn, một người trấn giữ có thể ngăn chặn một ngàn người không qua được, đó là địa cơ.

Khéo sắp đặt việc gián điệp khiến binh lính tới phân tán khắp nơi, khiến cho vua tôi oán nhau, trên dưới đổ lỗi cho nhau, đó gọi là sự cơ.

Biết rõ bốn điều ấy, có thể làm tướng sùу được.

65.- NGHIÊM CHỈNH

Chiềng trống phải làm cho tai khiếp uy
Cờ xí phải làm cho mắt khiếp uy
Cấm lệnh, hình phạt phải làm cho tâm khiếp uy

Âm thanh làm cho tai khiếp uy thì không thể không trong trẻo.
Màu sắc làm cho mắt khiếp uy thì không thể không sáng.
Hình pháp làm cho lòng khiếp uy thì không thể không nghiêm.

Ba điều ấy mà không hẳn hoi đúng đắn thì dầu được nước cũng sẽ bị địch đánh bại.
Cho nên mới nói rằng: Tướng vẫy tay về phía nào, thì không thể không đi theo phía ấy, tướng chỉ tay vào nơi nào thì không thể không tới nơi ấy mà chết.

66.- UY QUYỀN VÀ TÀI ĐỨC

Kẻ làm tướng, trời không chế ngự được, đất không chế ngự được, người không chế ngự được, không thể chộc giận, không thể dùng của cải mua chuộc. Lòng nóng giận, tai điếc mắt mù, lấy ba cái ấy để dẫn dắt người, điều ấy thực là khó.

67.- XỬ THỂ

Các điều gian lao của quân đội, tướng sùу phải ném trái trước đã. Trời nắng không che lọng, trời lạnh không mặc áo cầu dày, gặp chỗ đường khó thì xuống đi chum; giếng nước trong quân đào xong, tướng mới được uống nước; cơm của lính nấu chín rồi, tướng mới được ăn; lũy trong quân xây xong rồi tướng mới được nghỉ; khi cực nhọc hoặc khi nhân hạ, tướng phải cùng sống với quân lính: Như thế tuy dùng binh lâu ngày mà quân đội vẫn mạnh mẽ, hăng hái.

68.- KHINH VÀ SỢ

Dân không thể có hai ý. Sợ ta thì khinh địch, sợ địch thì khinh ta. Thấy bị khinh thì bại, giữ được uy thì thắng. Nếu một tướng sùу hiểu rõ nguyên tắc ấy thì các lại sĩ sợ tướng ấy lắm. Lại sĩ sợ tướng, thì sĩ tốt sợ lại sĩ và quân địch sẽ sợ sĩ tốt của ta.

Cho nên muốn biết phép thắng bại thì trước hết phải biết cân nhắc hai việc khinh sợ.

69.- UY NGHIÊM VÀ ÂN HUỆ

Nếu lòng người chẳng vui thuận thì ta không thể sai khiến họ, nếu lòng người chẳng uy nghiêm thì ta không thể thành công. Dưới thương yêu thì thuận, trên uy nghiêm thì ngay thẳng. Thương yêu thì không ngay thẳng, uy nghiêm thì không xúc phạm. Cho nên bậc tướng giỏi chỉ lo hai việc thương yêu mà lập uy mà thôi.

Uy nghiêm nhờ không đổi,
Ân huệ bởi kịp thời
Cơ trí nhờ ứng biến
Đánh được nhờ trị khí
Công hãm nhờ ý bày
Giữ kỷ nhờ sắp ngoài
Không làm nhờ tính số
Không nguy nhờ dự bị
Cẩn thận do sợ nhỏ
Trí dũng nhờ coi lớn
Trừ hại do dám giết
Được người nhờ người dưới
Khinh nhờn bởi dùng ngờ
Ác nghiệt tại hay giết
Thiên lệch bởi lo riêng
Chẳng lành vì nghe ác
Quá độ vì lấy hết của dân
Không sáng vì nghe can gián
Không đủ vì dầy bù
Cạn hẹp vì xa hiền
Mang họa bởi tham lợi
Mang hại vì gần người thấp
Mất vì không có chỗ giữ
Nguy khốn bởi không hiệu lệnh.

70.- NHÂN NGHĨA

Khi dùng binh, không được đánh thành không lỗi, không được giết người vô tội. Giết cha mẹ, anh em của người, bắt con cái của người làm tội tởm hủi, đó là cướp bóc. Cho nên việc binh chỉ là trừ bạo dẹp loạn, ngăn chặn điều bất nghĩa. Tại nơi dùng binh, nhà nông không bỏ ruộng, kẻ mua bán không rời chợ, kẻ sĩ đại phu không rời nơi quan phủ. Sở dĩ các điều ấy được thực hiện, đó là nhờ việc điều binh chỉ do tay một người. Nhờ đó dùng binh không đổ máu mà lại được thiên hạ thương yêu.

71.- GIẾT VÀ THƯỞNG

Giết là để làm sáng tỏ vô đức. Giết một người mà làm ba quân chấn động, giết một người để muôn người làm điều lành thì nên giết.

Khi giết nên giết người lớn, khi thưởng nên thưởng người nhỏ, nếu đáng giết đầu là người cao quý cũng giết, đó là phép tra xét người trên của hình pháp. Thưởng cho đến kẻ chân trâu cắt cỏ, đó là cách thưởng kẻ hạ lưu. Có thể tra xét người trên, thưởng kẻ dưới, đó là vô đức của tướng sỹ, cho nên bậc chúa loài người thường trọng tướng.

72.- UY QUYỀN

Kẻ làm tướng, trên chẳng bị ngăn bởi trời, dưới chẳng bị ngăn bởi đất, giữa chẳng bị ngăn bởi người. Cho nên việc binh là việc dữ, kẻ nào tranh giành thì hại đức. Tướng là hạng quen giết người cho nên bắt đầu dĩ dùng tướng.

Trên chẳng có trời, dưới chẳng có đất, sau lưng chẳng có vua, trước mặt chẳng có địch. Binh của một người như cọp như sói, âm thầm, rung chuyển, thiên hạ đều phải sợ sệt.

73.- BIẾN HÓA

Binh thắng giống như nước. Nước là vật rất mềm yếu, nhưng ở trên chỗ gò núi hóa thành băng đá chẳng khác khi chuyên nhất thì sắc bén như gươm Mạc Tà, cứng nhọn như sừng tê. Hình tượng của ba quân nếu biết biến hóa theo phép kỷ chính thì thiên hạ không thể chống cự lại.

74.- NHÂN HÒA

Cho nên mới nói rằng: Dùng kẻ hiền thì không cần chọn ngày giờ mà chỉ cần lợi ích. Pháp luật sáng suốt, hiệu lệnh dẫn dắt thì không cần bói toán, công việc cũng sẽ tốt lành. Biết quý trọng công lao thì không cần cầu đảo cũng được phước may.

Lại có nói: Thời trời chẳng bằng đất lợi, đất lợi chẳng bằng người hòa. Các thánh xưa chỉ biết thận trọng nhân sự mà thôi.

75.- TỔ QUỐC TRÊN HẾT

Ngày chịu mệnh tướng liền quên nhà, kéo quân đóng trại thì quên người thân, cầm dùi đánh trống thì quên mình.

76.- PHÒNG NGŨA

Khi Ngô Khởi ra trận, hai bên tá hữu dâng kiếm. Khởi nói rằng: Tướng chỉ trông coi cờ trống, gặp nguy nan thì quyết đánh, lo điều khiến ba quân, đó là việc của tướng. Chỉ cầm một thanh kiếm, đầu phải là việc của tướng.

Cho nên kẻ biết đạo ắt trước hết phải lo liệu, chẳng chịu thất bại về sự không biết ngăn ngừa. Điều xấu là ở chỗ kẻ có công nhẹ dạ tiến lên cầu đánh. Quân địch lo liệu ngăn ngừa ta, ta tới thì bị địch chế ngự. Cho nên binh pháp nói rằng: Cầu có mà theo, thấy có thì giúp vào nên chủ nhân chẳng dám chống cự, nếu xúc phạm thì bị đánh tan.

77.- MUỖ TRÍ

Lời nói bừa bãi, không cẩn thận thì sự phạm thượng không thể ngăn ngừa. Nước lụt, sấm sét có thể làm cho ba quân loạn lạc. Bấy giờ phải dùng mưu trí để trị yên, dẹp loạn. Thảo luận tại miếu đường để tìm kế hay. Luận việc trao mệnh để thêm long trọng. Luận cách khắc phục gian nan để thêm sắc bén. Như thế có thể đánh thắng nước địch và hàng phục họ.

78.- CHÂM NGÔN

Việc binh có năm điều cần nhớ:

- Làm tướng thì quên nhà
- Xông pha nguy hiểm thì quên người thân
- Đánh địch thì quên mình
- Quyết chết thì được sống
- Thắng gấp là hạ sách

Trăm người mang đủ khí giới có thể hãm trận;
Ngàn người mang đủ khí giới có thể bắt địch giết tướng;
Muôn người mang đủ khí giới có thể hoành hành giữa thiên hạ.

Chuyên nhất ắt thắng;
Ly tán ắt bại;
Trận dày kín thì vững chắc;
Tiền phong thưa thì thông suốt;
Lính sợ địch hơn sợ tướng mình thì bại.

Sở dĩ biết thắng bại là nhờ so sánh tướng nhà với quân địch. Tướng nhà và quân địch cũng giống như cân và quả cân vậy.

Yên tĩnh thì trị.
Dĩ gấp thì loạn.
79.- SÁU ĐỨC

Người xưa đuổi giặc không quá trăm bước, treo cờ xí không quá hai xá (*), đó là bày tỏ đức lễ. Không dồn kẻ yếu vào thế cùng và thương xót người kẻ bị thương tích và bệnh tật, đó là bày tỏ đức nhân. Thành thực tỏ bày ra, đó là làm sáng tỏ đức tín. Giành nhau điều nghĩa mà chẳng giành nhau điều lợi, đó là bày tỏ đức nghĩa. Lại có thể cởi áo ra, đó là bày tỏ lòng dũng cảm. Biết đầu biết đuôi, đó là bày tỏ trí tuệ. Đem sáu đức ra mà khuyên dạy cho hợp thời để làm gương mẫu cho dân chúng, đó là phép chánh trị của người xưa.

(*) Xá: ba mươi dặm.

80.- TRIỀU ĐÌNH VÀ QUÂN NGŨ

Thời xưa những kẻ dung túng trong triều đình không được vào quân ngũ, những kẻ dung túng trong quân ngũ không được vào triều đình. Những kẻ dung túng trong quân ngũ được vào triều đình thì đức hạnh của nhân dân bị hư hoại. Nếu những kẻ dung túng trong triều đình được vào quân ngũ thì quân ngũ sẽ yếu ớt.

Cho nên trong nước, ngôn ngữ văn nhã và ôn hòa, tại triều mọi người đều cung kính khiêm tốn, lo sửa mình để đối xử với mọi người. Mọi người không được triệu thì không tới, không được hỏi thì không nói, khó tới dễ lui.

Trong quân lữ kháng chiến vững vàng, trong hàng ngũ thi đua hăng hái. Mặc quân phục, mang giáp trụ thì không lay, ngồi trên binh xa thì không làm lễ, canh giữ ở trên thành thì không bỏ chạy, gặp cảnh nguy nan thì không tỏ ra yếu hèn.

Cho nên nghi lễ và quân pháp là bề ngoài và bề trong, văn và võ là tay mặt và tay trái.
81.- LÒNG NGƯỜI, SỨC MẠNH, TẬP LUYỆN, CHIẾN ĐẤU

Lòng của tướng và lòng của quân sĩ là lòng của ta. Lính, xe, trâu, ngựa khỏe khoắn no đủ đó là sức mạnh. Việc răn dạy cốt là dự phòng, việc chiến đấu cốt là tiết độ. Tướng quân là thân mình, sĩ tốt là tay chân, hàng ngũ là các ngón.

82.- THỜI TRỜI, TÀI SẢN, TÀI NĂNG

Muốn chiến đấu phải được thời trời, phải có tài sản, phải thực khéo giỏi.
Ngày giờ chẳng sai lệch, bởi được quẻ tốt và hành động kín nhem, đó là được thời trời.
Dân chúng có đủ, nhờ có đủ mà làm điều tốt lành, đó là có tài sản.
Người được luyện tập, trận bày sắc bén, sắp đặt các việc hết mức để dự bị, đó là khéo giỏi.

83.- GÁI TƠ VÀ THỎ

Lúc đầu quân binh giống như gái tơ, nhưng về sau khi địch mở cửa thì chạy lẹ như thỏ, địch không kịp chống cự.

84.- TINH THẦN

Người người đều ngay thẳng, lời lời đều nóng bỏng như lửa.

85.- PHƯƠNG CHÂM DỪNG BINH

Chiến xa lấy sự dày kín làm kiên cố, lính bộ lấy sự ngồi giữ làm vững chắc; giáp trụ lấy sự nặng nề làm bền bỉ; binh lấy sự nhẹ nhàng làm ưu thắng.

Gửi thư từ để kết thân giao hay tuyệt giao, đó gọi là lo tính đến cùng cực (dứt lo nghĩ); chọn binh tốt hay xấu, đó gọi là làm người thêm mạnh; bỏ hay dùng, cho ăn hay bắt nhện, đó gọi là dò ý người; đó là phép chánh trị của thời xưa.

86.- NĂM ĐIỀU KIẾN

Phép dùng binh buộc năm điều kiện: nhân ái, tín thực, trí mưu, dũng cảm, uy nghiêm, thiếu một điều cũng không thể được.

87.- BA THỂ

Việc hành binh có ba thể lớn: một là trời, hai là đất, ba là người.

Thế trời là trời trắng trong sáng, năm sao đúng độ, sao chổi không sinh, thời tiết điều hòa.

Thế đất thuận lợi là thành cao, bờ dốc, nước rộng ngàn dặm, cửa đá, động hẹp, đường đi khúc khuỷu như ruột dê.

Thế người là chúa thánh, tướng hiền, ba quân giữ lễ, sĩ tốt tuân mệnh, lương thực và giáp trụ đầy đủ, chắc chắn.

Tướng giỏi thì nhân thời trời, dùng thế đất, dựa vào lợi người, cho nên hướng vào nơi nào địch cũng không đánh lại được, đó là nhờ hoàn toàn vậy.

88.- NĂM TÀI VÀ MƯỜI LỖI

Tướng có năm tài và mười lỗi.

- Năm tài ấy là dũng, trí, nhân, tín, trung.

Dũng thì không để cho ai xúc phạm mình.

Trí thì không rối loạn.

Nhân thì thương dân.

Tín thì không lừa dối.

Trung thì không hai lòng.

- Mười lỗi là:

Đồng cảm mà khinh chết.

Làm gấp rút mà lòng nôn nóng.

Tham lam mà mong lợi.

Nhân ái mà bắt nạt.

Có mưu trí nhưng lòng khiếp sợ.

Tín thực nhưng hay tin người.

Có tánh liêm khiết nhưng chẳng thương người.

Có mưu trí nhưng lòng trễ biếng.

Có tánh cương nghị nhưng cậy mình.

Có tánh nhu nhược mà thích dùng người.

Đồng cảm mà khinh chết thì có trở nên hung dữ.

Làm gấp mà lòng nôn nóng thì có thể bị làm chậm trễ.

Tham lam mà mong lợi thì có thể hối lộ (đút lót).

Nhân ái mà bắt nạt thì có thể khuấy nhọc.

Có mưu trí nhưng lòng khiếp sợ thì có thể dón vào chỗ cùng quẫn.

Tín thực mà hay tin người thì có thể bị lừa dối.

Liêm khiết mà không thương người thì có thể bị khinh lờn.

Có mưu trí nhưng lòng trễ biếng thì có thể bị đánh úp.

Cương nghị nhưng cậy mình thì có thể thờ người.

Nhu nhược mà thích dùng người thì có thể bị lấn hiếp.

89.- DÙNG NGƯỜI

Phải biết sử dụng những kẻ có mưu trí, những kẻ đồng cảm, những kẻ tham lam, những kẻ ngu ngốc.

Những kẻ mưu trí thì thích lập công.

Những kẻ đồng cảm thích thực hành chí hướng của mình.

Những kẻ tham lam thích chạy theo lợi lộc.

Những kẻ ngu ngốc không nhìn thấy cái chết.

Tùy theo tánh tình của mỗi người mà dùng họ, đó là phép dùng người vi diệu của quân lữ.

90.- TÁM ĐIỀU TỆ HẠI

Trong nghề làm tướng có tám điều tệ hại:

Thứ nhất: Tham lam cầu mong không biết chán

Thứ hai: Ghen ghét kẻ hiền tài

Thứ ba: Tin kẻ dèm pha, ưa kẻ nịnh hót

Thứ tư: Liều lượng về người mà chẳng liệu lượng về mình

Thứ năm: Do dự mà không quyết định được

Thứ sáu: Mê say rượu ngon, sắc đẹp

Thứ bảy: Thích việc dối trá nhưng lòng hãi sợ

Thứ tám: Nói năng bừa bãi mà chẳng giữ lễ nghi.

91.- PHẠM CÁCH CỦA TƯỚNG SÚY:

Người tướng có nhiệm vụ nguy hiểm, bởi vì nhiệm vụ quan trọng ắt phải nguy hiểm. Cho nên người tướng giỏi không ý mạnh, không cậy thế, được thương yêu mà không mừng, bị lảng nhục mà không sợ hãi, thấy lợi mà không ham, thấy rượu ngon sắc đẹp mà không mê say, một lòng liều thân vì nước mà thôi.

92.- ĐIỀU MONG ƯỚC:

Bốn điều mong ước là:

- Đánh thì mong dùng được kẻ lạ.
- Mưu đồ thì mong được kín nhem.
- Quân lính thì mong được yên tĩnh.
- Lòng người thì mong được chuyên nhất.

93.- TƯỚNG GIỎI:

Đức tánh của người tướng giỏi là: cứng rắn mà không bị bẻ gãy, mềm mỏng mà không bị vầy vò. Cho nên có thể dùng yếu để chống mạnh, dùng mềm để chống cứng. Mềm mãi, yếu mãi thì sẽ bị tước đoạt. Cứng mãi mạnh mãi thì sẽ bị thất bại. Không cứng, không mềm, đó là lẽ thường của đạo.

94.- HAI TÁNH XẤU: KIÊU CĂNG VÀ BIỂNG NHÁC:

Người tướng không thể kiêu căng. Kiêu căng thì thất lễ. Thất lễ bị người rời bỏ. Bị người rời bỏ thì quân lính sẽ phân loạn.

Người tướng không thể biểng nhác, nếu biểng nhác thì việc tướng thường không được thi hành chu đáo, sĩ tốt sẽ không hết lòng vâng mệnh, quân đội sẽ không lập công, nước nhà sẽ bị hư hại, giặc cướp sẽ dậy rầy.

Khổng Tử nói: Nếu có người tài giỏi như ông Chu Công, nhưng kiêu căng và biểng lạn thì kẻ ấy không dùng được, không cần xét tới các đức tánh khác.

95.- NĂM ĐỨC TÍNH:

- Cao quý, trong sạch để khuyên đời
- Hiếu kính để nêu danh
- Tín nghĩa để giao du với bạn bè
- Nhân ái để dung người
- Hết sức để lập công.

Đó là năm đức tính của người tướng.

96.- TÁM VIỆC XẤU:

- Có mưu trí mà không phân biệt được phải trái.
- Biết lễ nghi mà không dùng được bậc hiền lương.
- Làm chính trị mà không chinh đồn được hình pháp.
- Giàu mà không cứu giúp được kẻ nghèo.
- Có trí thức mà chẳng có thể chuẩn bị khi việc chưa thành hình.
- Lo toan mà không phòng bị được việc nhỏ kín.
- Khi thành đạt mà không thể tiến cử kẻ mà mình biết khả năng.
- Thua mà không thể tự mình ngăn mình đừng huy báng.

Đó là tám việc xấu.

97.- KHINH NGƯỜI:

Kinh thư nói rằng: Khinh lờn người quân tử thì không thể được lòng hết mọi người, khinh lờn kẻ tiểu nhân thì không thể dùng hết người.

98.- PHÉP DÙNG BINH:

Điều cốt yếu trong việc dùng binh là: cầm nắm lòng dạ của mọi anh hùng, thi hành nghiêm chỉnh việc thưởng phạt, bao gồm nghề văn nghiệp võ, kiêm cả hai thuật cứng mềm, xem hết các thuyết lễ nghĩa, trước dùng đức rồi sau mới dùng võ lực, yên tĩnh như cá lặn, di chuyển mau lẹ như con rái cá, phá tan chỗ kín liền của giặc, bẻ gãy chỗ mạnh của giặc, dùng cờ xí rực rỡ, ban hiệu lệnh bằng chiến trống, lui như núi dời, tiến như gió mưa, đẩy binh như xuống dốc, đánh mạnh như cọp dữ, bức bách nhưng dung nạp địch, lấy lợi để dụ địch, dùng lễ để giữ địch, tự hạ mình để địch sinh kiêu căng, kết thân để ly gián địch, làm cho ta thêm mạnh, mà trái lại làm cho địch suy yếu.

99.- CHÁNH TRỊ CỦA TƯỚNG SÚY:

Ái bị nguy khốn thì làm cho họ yên ổn, ai sợ sệt thì làm cho họ vui lòng, ai phản nghịch thì đem họ trở về, ai bị oan ức thì giải cứu họ, ai cường thắng thì đè nén họ, ai yếu đuối thì nâng đỡ họ, ai nhiều mưu kế thì gần gũi họ, ai dèm pha thì lật tẩy họ, ai được của cải thì cho họ,

không ý sức mạnh mà khinh địch, không cậy giàu có để tỏ vẻ kiêu ngạo đối với người, không cậy được yêu mến để thị uy, tính toán trước rồi sau mới dấy binh, biết chắc thắng rồi sau mới đánh, được ngọc lụa không được dùng làm của riêng, được con trai, con gái không được tự sai dùng. Như thế, khi sửa trị và ban bố mệnh lệnh mọi người đều tinh nguyện chiến đấu, dùng binh không đổ máu nhiều mà địch tự thất bại vậy.

100.- TAY CHÂN CỦA TƯỚNG SÚY:

Bậc tướng súi ắt phải có kẻ tay chân làm tim bụng, có kẻ tay chân làm tai mắt, có kẻ tay chân làm móng răng. Nếu không có người làm tim bụng thì cũng giống như người đi đêm không đuốc, không có người làm tai mắt cũng giống như ở chỗ tối tăm không biết cách vận động, không có người làm móng răng cũng giống như người đói ăn vật độc không thể nào khỏi chết. Cho nên người tướng giỏi phải có những kẻ nghe rộng, nhiều mưu trí làm tim bụng, phải có những kẻ trầm lặng, dò xét kỹ càng, cẩn thận, kín đáo làm tai mắt, phải có những kẻ gan dạ, mạnh dạn làm móng răng.

101.- TRÍ VÀ NGU:

Dùng ngu để chống trí là nghịch, dùng trí để chống ngu là thuận, dùng trí để chống trí là có cơ mưu.

102.- BA CƠ HỘI:

Có ba đường lối:

- Thứ nhất là công việc;
- Thứ hai là thể lực;
- Thứ ba là tình cảm.

Cơ hội của công việc đã xảy tới mà không ứng biến được, là không có trí thức.
Cơ hội của thể lực đã chuyển tới mà không mưu đồ được là không có tài năng.
Cơ hội của tình cảm đã phát sinh mà không thi hành được là không mạnh dạn.

Người tướng giỏi ắt nhân cơ hội mà xếp đặt để thắng trận.

103.- LỀ LỜI:

Khi ra quân, phải có lễ lời. Mất lễ lời thì phải gặp việc bất lợi. Lễ lời có 15 thứ là:

- Thứ nhất: Biết lo liệu, nghĩa là rành rẽ về việc gián điệp
- Thứ hai: Biết nói, nghĩa là giữ gìn lời nói
- Thứ ba: Mạnh dạn, nghĩa là đánh với số đông mà không nhiều loạn
- Thứ tư: Liêm khiết, nghĩa là thấy lợi mà vẫn nghĩ đến điều nghĩa
- Thứ năm: Công bằng, nghĩa là thưởng phạt đều nhau
- Thứ sáu: Nhẫn nại, nghĩa là giỏi chịu điều xấu
- Thứ bảy: Khoan hồng, nghĩa là dung nạp người
- Thứ tám: Tín thực, nghĩa là nhận lời một cách khó khăn
- Thứ chín: Cung kính, nghĩa là giữ lễ đối với các bậc hiền tài
- Thứ mười: Sáng suốt, nghĩa là không dung nạp các điều sai lầm
- Thứ mười một: Cẩn thận, nghĩa là không làm điều trái lẽ
- Thứ mười hai: Nhân ái, nghĩa là giỏi nuôi dưỡng sĩ tốt
- Thứ mười ba: Trung nghĩa, nghĩa là liều thân vì nước
- Thứ mười bốn: Giữ phận, nghĩa là biết dừng, biết đủ
- Thứ mười lăm: Có mưu trí, nghĩa là tự lo cho mình rồi sau lo cho người

104.- TƯỚNG LẦY GỐC:

Và lại nước lấy binh làm gốc, binh lấy tướng là gốc, sĩ tốt lấy tướng làm chủ. Bởi thế muốn có binh mạnh để đánh thắng hoặc giữ vững thì trước hết phải biết dùng tướng, tìm được người phò tá rồi sau mới có thể thị uy giữa thiên hạ, làm cho mọi rợ bốn phương phải tới hàng phục, đó là gốc lớn của kẻ được nước.

105.- PHÒNG THỦ VÀ TẤN CÔNG:

Tướng chỉ biết dùng phép chính mà không dùng phép kỳ, đó là tướng phòng thủ.

Tướng chỉ biết dùng phép kỳ mà không dùng phép chính, đó là tướng chuyên về chiến đấu (tấn công).

Tướng chuyên về kỳ hay chuyên về chính đều có thể giúp nước được cả.

106.- QUAN SÁT:

Khi dấy binh, lập dinh, đánh trận, hãy xem cờ xí lay động thế nào, lắng nghe tiếng chiêng trống, tính toán ngày giờ để xem điềm tốt xấu, tùy theo cách chuyển vận của năm hành, tùy theo sự ra vào của thân vị, để tùy cơ ứng biến mà dùng binh.

107.- THIÊN TƯỚNG:

Nếu có bậc thiên tướng thì quân địch không biết quân ta từ đâu mà tới, thực giống như thần linh dùng binh. Quân ta không biết tướng ấy làm gì. Tướng ấy động hay tĩnh đều có tiết độ phương hướng, nắm sự thắng bại trong tay, thấy trước lòng dạ của trời đất quý thần nên có thể làm cho binh sĩ yên lòng.

108.- TƯỚNG CẦM NẮM HẾT THẤY:

Trong biên giới, việc của trăm họ đều giao cho tướng.
Ngoài biên giới, việc của nước ngoài cũng giao cho tướng.

109.- KHÔNG CẦN DỪNG BINH:

Ngạn ngữ nói rằng:
Tướng văn, tướng võ hiểu rành việc nước thì không cần dùng binh.

110.- ĐẠI TƯỚNG:

Biết mềm, biết cứng; tài hoa mà mạnh dạn; dũng cảm mà mưu cao; tròn nên có thể vận chuyển; quay về mà ngay thẳng; thông hiểu khắp muôn loài mà lòng muốn giúp thiên hạ; người thông thạo các điều trên có thể gọi là bậc đại tướng.

111.- NƯỚC MẠNH HAY YẾU TÚY THUỘC VÀO TƯỚNG SÚY:

Cho nên nói rằng: tướng sủy là người giúp nước, giúp chu đáo thì nước mạnh, giúp sơ hở thì nước yếu. Dùng tướng ắt phải xem đáng mạo, xét thần khí để biết lòng dạ như thế nào.

Đặt làm vua cũng do nơi tướng, chọn người hiền tài để trao quyền bính, cất nhắc mà chẳng nghi ngờ, tướng sủy ắt bên trong phải ứng biến cho ngay thẳng, bên ngoài phải xử sự phải thuận mệnh. Ứng biến ngay thẳng thì quân kỷ nghiêm minh, xử sự thuận mệnh thì bề tôi giữ tròn trình tiết, dấy binh chống địch há chẳng là nạn chết chóc hay sao?

112.- TÀI NĂNG CỦA TƯỚNG SÚY:

Việc thành bại của quân lữ đều có thể trông thấy ở người tướng, há là hành vi của người tướng hay sao? Hành vi của người tướng là việc dùng. Trí ngang với muôn người mà nếu không dùng được muôn người thì cũng giống như kẻ ngu. Vô dùng hơn ba quân thì cũng giống như kẻ yếu đuối. Kẻ giỏi làm tướng thì đường đường chính chính nhưng cũng biết biến hóa, cứng cỏi nhưng biết thương người, nhân từ nhưng có thể chém giết, mạnh dạn nhưng hiểu biết rành rẽ, có đầy đủ kẻ sách để chế ngự bọn lại sĩ, có thể lay chuyển mọi trở lực, lập được công lao to tát để trừ họa, dẹp loạn.

113.- CHỌN TƯỚNG:

Quốc gia dùng binh, ban bố luật pháp, quyền sinh sát đều ở trong tay đại tướng. Người tâm phúc của nước nắm giữ vận mệnh của ba quân, đâu có thể tuyển dụng bừa bãi được?

Nếu muốn trao mệnh cho tướng thì phải xem trước thử người tướng có được chân thành hay không. Muốn biết có được hay không, phải quan sát bốn điều:

Thứ nhất là vẻ mặt.
Thứ hai là lời nói.
Thứ ba là cử động.
Thứ tư là việc làm.

Sách Vạn Cơ Chi nói rằng: Tuy có quân đội trăm vạn, cũng phải kiếm cho được bậc tướng sủy nuốt địch rồi đem tất cả lợi khí của quốc gia mà trao cho tướng ấy. Nếu không được người như thế, thì dùng tướng cũng vô ích.

114.- TÁM LOẠI TƯỚNG SÚY:

Tướng sủy có hai hạng lớn nhỏ, mỗi hạng có bốn thứ. Nếu không thuộc vào tám loại ấy, sao đáng gọi là tướng?

Bốn loại tướng bậc cao là:

- Thứ nhất: Thiên tướng (xem mục số 107).
- Thứ hai: Địa tướng.
- Thứ ba: Nhân tướng.
- Thứ tư: Thần tướng.

Bốn loại tướng bậc thấp là:

- Thứ nhất: Uy tướng.
- Thứ hai: Cường tướng.
- Thứ ba: Mãnh tướng.
- Thứ tư: Lương tướng.

115.- ĐỊA TƯỚNG:

Hạng địa tướng có các đặc điểm sau này: Đến nơi nào thì quan sát địa lý kỹ càng, núi đầm xa gần, rộng hẹp, khó dễ như thế nào, rừng rú thưa dày như thế nào, khe lạch sâu cạn như thế nào. Nếu xem tướng ấy chỉ huy, thì khi chiến thắng, trước và sau không trở ngại, trái và phải không ngưng trệ, lính bộ và lính kỵ đi lại tiện lợi, qua và kích dùng rất thích hợp, quân lính tới lui rất thuận tình, người và ngựa không bao giờ bị cùng khốn, công hay thủ đều được tiện lợi, hành quân thì kiếm được vùng nhiều cỏ nước, người và ngựa khỏi bị đói khát, dầu có rơi vào đất chết cũng sống sót, gặp đất nghịch thì dùng thuận, gặp đất thuận thì dùng nghịch, không cần chọn đất khó hay đất dễ đều có thể yên ổn để hành động về sau, hành động rồi thì quyết thắng đó là hạng địa tướng.

116.- NHÂN TƯỚNG:

Hạng nhân tướng có các đặc điểm sau này: Không tham tiền của, làm việc có tiết độ, chẳng mê từ sắc, giữ mình theo lễ, đem lòng trung thờ bề trên, cùng chia xẻ vui buồn với sĩ tốt, doạt của cải của địch mà không dành riêng, bắt được đàn bà con gái mà không giữ riêng, dùng mưu mà biết dung hòa, nghi ngờ mà quyết đoán, dùng cảm mà không xúc phạm ai, nhân ái mà không bỏ luật, trừng phạt tội nhỏ, tha thứ lỗi lớn, khi phạt tội không chừa kẻ thân thuộc, khi thưởng công không chừa kẻ thù địch, giúp đỡ người già nua, vỗ về trẻ thơ ấu, an ủi kẻ sợ sệt, làm vui lòng kẻ lo buồn, phán xét kẻ thừa kiện, tố cáo kẻ những lạm, trừ dẹp bọn giặc cướp, ức chế kẻ cường hào, che chở kẻ yếu đuối, sai khiến kẻ dùng cảm, trừ giết kẻ ngang dọc, có kẻ đến hàng phục thì cho làm lại chức cũ, ai mất thì trả lại cho họ, đuổi bỏ kẻ vong bản, ban tước cho kẻ theo mình, kiềm chế kẻ hung bạo, gán gửi kẻ mưu trí, lia xa kẻ dèm pha, được thành mà không cần đánh, được đất mà không cần giữ, gặp địch cạnh hẹp thì chờ xem cách chúng biến hóa, gặp địch đối trá thì theo mệnh mà hành động, gặp cảnh nghịch thì xem xét, gặp cảnh thuận thì tiến đánh, đó là hạng nhân tướng.

117.- THẦN TƯỚNG:

Hạng thần tướng có các đặc điểm sau này: Lấy trời để tỏ bày, lấy đất để biến hóa, lấy người để sử dụng, lấy ba tướng để kiểm các việc ấy, đó gọi là thần tướng.

118.- CƯỜNG TƯỚNG:

Hạng cường tướng có các đặc điểm sau này: Khi hành binh không cần xét thiên thời địa lợi, dùng người không cần biết là mạnh dạn hay nhát sợ, nghe có địch thì đi ngay ắt không ngờ lo, khi có ai trái lệnh, không cần biết là tội to hay tội nhỏ, đều dùng hình pháp để xét xử, ai nghe tướng ấy đều sợ hãi, ai chống lại thì quyết phá, đó là hạng cường tướng.

119.- MÃNH TƯỚNG:

Hạng mãnh tướng có các đặc điểm sau này: Không cần biết quân đội nhiều hay ít, không cần biết địch mạnh hay yếu, ba quân đều tuân lệnh răm rắp, quân có thể biến hóa hàng muôn ngàn cách khác nhau theo ngón tay chỉ huy, ra quân bất ngờ, cử động thần diệu, một ngựa một kiếm có thể xung phong đi trước, khiến quân địch không kịp xoay trở, phải sợ mà tránh xa, đó là hạng mãnh tướng.

120.- LƯƠNG TƯỚNG:

Hạng lương tướng có các đặc điểm sau này: Bên ngoài thì uy nghiêm, bên trong thì dữ tợn, ở giữa thì mạnh mẽ, gồm kiêm tất cả ba tướng mạo ấy, đó là hạng lương tướng.

121.- CÁCH DÙNG CÁC LOẠI TƯỚNG:

Tướng là người mà nước nhà sai dùng.

Nước được thiên tướng, thì có thể chống cự với quân địch làm trái đạo trời.
Nước được địa tướng, thì có thể chống cự với quân địch làm trái đạo đất.
Nước được nhân tướng, thì có thể chống cự với quân địch làm trái đạo người.
Nước được thần tướng, thì có thể chống cự với mọi địch thù trong thiên hạ, mỗi lần đầy binh không hề tính toán sai lầm.

Uy tướng có thể giúp thiên tướng, cường tướng có thể giúp địa tướng, mãnh tướng có thể giúp nhân tướng, lương tướng có thể che chở cho bốn phương.

Tuy nói là mãnh tướng, cường tướng nhưng có thể hành động mau lẹ, được việc. Nên các hạng tướng sùyn không thể dùng riêng một mặt. Như trên là thể của tướng.

122.- ĐỨC HẠNH CỦA TƯỚNG SÚY:

Hạnh của người tướng là không lưu luyến vợ con để tỏ rằng mình liều thân vì nước. Về mệnh của Vua, tướng không dám khinh lễ nghi để tỏ rằng mình tha thiết được trọng dụng. Khi tướng ở ngoài, có thể có lúc không tuân lệnh Vua, mà chỉ rằng làm lợi cho nước nhà, đối với mình thì trong sạch, đối với kẻ sĩ thì quý trọng.

Bởi thế cho nên nếu tướng sùyn không nghe lời khuyên can thì các anh hùng sẽ lần tránh, tướng không theo kế sách hay thì mưu sĩ sẽ bỏ đi, coi thiện ác như nhau thì kẻ hiền và người ngu ở lẫn lộn, thường phạt lộn xộn thì giềng mối sẽ tan rã, thường mừng thì thiếu uy nghiêm, thường giận thì lòng người xa lìa, nói nhiều thì việc cơ mật phải tiết lộ, ham thích nhiều việc thì tâm trí nghỉ ngơi, mê loạn; khoan dung thì làm cho quân sĩ cảm kích, hung bạo thì làm cho quân sĩ tức giận.

Tướng chuyên quyền thì kẻ dưới quy lỗi về tướng, tướng tự cho mình là tài giỏi thì kẻ dưới không có công trạng, tướng nghe lời dèm pha thì kẻ ngay thẳng sẽ xa lìa, tướng làm việc tư tã thì kẻ dưới trộm cắp, tướng lưu luyến chốn nội phòng thì sĩ tốt sinh ra dâm dăng.

123.- PHƯƠNG CHÂM CỦA TƯỚNG SÚY:

Khinh rẽ tiền của, sắc đẹp để giữ mình trong sạch;
Tránh xa các việc hiểm nghị để vượt lên;
Lặng lẽ lo xa để khỏi thất bại;
Tuỳ theo thời cơ mà biến hóa cho thuận tiện để lập công;
Rộng rãi với người, dốc lòng làm việc để qui tụ tình thương;
Nghe điều lành, đuổi bỏ kẻ dèm pha để tiến xa;
Trước đo lường, sau hành động để mà ứng biến;
Trước tin sau nói để hàng phục kẻ dưới;
Trừng phạt tội lỗi, tướng thưởng công lao để sửa người;
Xét xura rõ nay để soi sáng cho người;
Coi rẻ sắc đẹp, quý trọng người để được người;
Lìa bỏ việc tư, liều thân vì việc công để giữ nước;
Thần sắc phải ngay thẳng, hình dung phải đoan trang;
Cử động nhanh như gió, ngừng nghỉ lặng lẽ như gò núi;
Đánh trận như sấm sét, sắp đặt khéo léo như quý thần;
Suy tư như ánh chiếu, mệnh lệnh như sương tuyết;

Nếu được như thế, tướng sùyn có thể đảm đương việc lớn của quốc gia.

124.- LÒNG NHÂN ÁI CỦA TƯỚNG SÚY:

Trong quân có bệnh tật, tướng phải thân hành chữa trị. Trong quân có việc chết chóc, tướng phải khóc thương. Quân đông giữ ở nơi xa thì cho phép vợ đến thăm viếng. Khi làm lễ khao quân thì phải chia đều cho quân lính và lại sĩ. Khi muốn đầy binh hoặc sắp đặt việc gì thì phải nhóm họp tất cả tướng tá để bàn luận, mưu kế phải sắp đặt xong rồi sau mới đánh. Cho nên tướng sùyn đối với quân lính phải có ban huệ “đồ rượu” ban ân “hút máu”. Ngày xưa Huýnh Thạch Công kể rằng: Có một lương tướng khi ai biếu bầu rượu lao thì ném xuống sông rồi khiến tướng sĩ đón giòng nước mà uống. Một bầu rượu lao không thể làm cho nước sông có mùi vị rượu thế mà ba quân cảm kích bởi ân huệ bền đồng lòng quyết chết. Lại kể chuyện Ngô Khởi cầm binh, có một lính tốt bị mụn nhọt, Khởi thân hành điều trị và mút mụn nhọt, khiến cho ba quân cảm kích mà hết lòng đánh giặc.

Cho nên sĩ tốt được cái vui vật trâu nấu rượu, chiến đấu hăng say, thương yêu giúp đỡ chủ tướng như con em theo cha anh, như tay chân che chở cho đầu mắt, không ai có thể chống cự lại được.

Nếu bóc lột làm cho sĩ tốt phải đau khổ, bắt chúng làm việc nhọc nhằn, buông ra lời nói oán thù khó nghe, như thế là tướng sùyn xem sĩ tốt như cỏ rác, thì sĩ tốt sẽ xem tướng sùyn như cừu thù, đến tình trạng ấy chỉ mong cho hàng ngũ được đầy đủ cũng là việc rất khó, làm sao có thể trông mong quân sĩ sẽ liều chết xông đến đánh địch? Đó là nói sơ lược về phép tướng sùyn an ủi vỗ về quân sĩ.

125.- KIÊU CĂNG VÀ NHỤT KHÍ:

Kê làm tướng không bao giờ thấy quân mình nhiều mà kiêu căng, không bao giờ thấy quân mình ít mà nhụt chí. Không có con vật nào mạnh như con hổ nhưng khi bắt heo chuồng mà bị dân cư đuổi thì cũng phải cong đuôi mà chạy chẳng dám quay lui, như thế đủ hiểu rằng có thể lấy việc nghĩa để sai khiến người.

Tướng kiêu căng thì phải thất bại. Kê làm tướng không thể cậy rằng mình trí dũng mà khinh người. Tống Nghĩa sở dĩ đánh được Hạng Lương, Bạch Khởi sở dĩ giết được Triệu Quát cũng vì lẽ ấy.

126.- KHÍCH ĐỘNG SĨ TỐT:

Việc khích động sĩ tốt có nhiều cách:

- Hoặc lấy sự quả cảm để khích động: như Lưu Kỳ đòi Tống giữ Thuận Xương; gặp khi người Kim xâm lấn phía nam, Kỳ bèn đục và đốt cháy thuyền bè, tỏ ý không chịu đi, để răn người nhà không được khuất phục trước quân địch.

- Hoặc lấy lòng trung nghĩa để khích động: như Trương Tuân bày ra bức tượng của vua Đường, lay khóc để trách sáu tướng, nhận đại nghĩa mà chém họ, nhờ đó khuyến khích chí khí của quân sĩ.

- Hoặc lấy lòng chí thành để khích động: như Trương Tuân thề quyết chết làm cho tướng sĩ phải thương tâm mà giặc bị tan vỡ. Vua Đường Đức Tông nhận lỗi về mình mà trăm quan liêu minh quyết chết.

- Hoặc nêu điều lợi hại để khích động: như Dương Khánh giữ Thành Đô, tuyển mộ hiền sĩ, tích trữ lương thực, trợ cấp cho nhân dân, dân Thục luyện tập đao gậy để giúp quan quân làm cho rợ Man phải thua lớn. Lý Mục đòi Tống trấn giữ Dự Châu, được vật gì chia đều hết cho sĩ tốt.

- Hoặc lấy tiền của, vải lụa để khích động: Huỳnh Thạch Công nói rằng: Được tiền của mà đem phân phát cho mọi người thì quân sĩ sẽ liều mình quyết chết. Lý Mục đòi Tống cũng làm giống như thế.

127.- MƯỜI HAI CÁCH CHẮC THẮNG:

Bậc vua của loài người biết phép chắc thắng, cho nên có thể gồm kiêm việc rộng lớn để thống nhất chế độ, và thị uy giữa thiên hạ theo mười hai cách sau đây:

Thứ nhất là liên hình (hình pháp liên đới) nghĩa là những kẻ giữ gìn đội ngũ sẽ cùng chịu một tội như nhau.

Thứ hai là địa cấm (đất cấm đi lại) nghĩa là ngăn cấm việc đi đường để lòng bất kẻ gian từ bên ngoài đột nhập vào.

Thứ ba là toàn quân (bảo toàn quân đội) có nghĩa là các thủ lĩnh nương tựa vào nhau, ba và năm giống nhau để liên kết với nhau.

Thứ tư là khai tái (mở cửa) nghĩa là chia đất làm giới hạn, mọi người phải giữ vững, liều chết để làm tròn chức vụ.

Thứ năm là phân hạn (chia giới hạn) nghĩa là trái và phải ngăn nhau, trước và sau chờ nhau, quân đóng vòng quanh giữ chắc, để đón hoặc đề ngăn.

Thứ sáu là hiệu biệt (số hiệu phân biệt) nghĩa là quân đang trước sắp đặt để tiến tới, khác với quân đang sau, không được tranh nhau đi trước hoặc leo trèo mất thứ tự.

Thứ bảy là ngũ chương (năm chương) nghĩa là sáng tỏ hàng lối, đầu đuôi không loạn.

Thứ tám là toàn khúc (cong queo hết thấy) nghĩa là khúc chiết theo nhau, đều chia, thành nhiều bộ phận.

Thứ chín là kim cô (chiêng trống) nghĩa là cất nhắc kẻ có công, trọng dụng kẻ có đức.

Thứ mười là trận xa (xe trận) nghĩa là cầm mâu liên tiếp nhau, che mắt người lại.

Thứ mười một là tử sĩ (quân sĩ liều chết) là những kẻ tài trí trong ba quân, cỡi chiến xa, tung hoành trước sau, dùng mẹo lạ để chế ngự quân địch.

Thứ mười hai là lực tốt (lính mạnh) nghĩa là coi sóc mọi chỗ không lay chuyển.

Dạy quân sĩ cho thành thực mười hai phép trên, ai trái lệnh không được tha thứ. Được như thế thì: có thể làm binh yếu trở nên mạnh, làm chúa thấp hèn trở nên tôn quý, làm mệnh lệnh yếu ớt trở nên mạnh mẽ, làm dân chúng xa lìa trở nên thân yêu, làm cho khối đông nhân dân trở nên yên trị, có thể giữ gìn đất đai rộng lớn, chiến xa không bao giờ bị nguy khốn, chỉ cần dùng áo giáp bằng tơ mà không cần rèn giáp sắt, thế mà cũng làm cho thiên hạ phải phục uy

của mình vậy.

128.- CHUYỀN, PHÁP, THÀNH, ĐẠO:

Quân đội áp dụng pháp luật cho mình, gọi là chuyễn; buộc người dưới phải sợ pháp luật thì gọi là pháp. Dùng binh không vì việc nhỏ, chiến đấu không vì lợi nhỏ, gọi là thành; hành động kín đáo, lặng lẽ gọi là đạo.

129.- CHÍ KHÍ:

Tướng là chí, ba quân là khí. Khí thì dễ động mà khó chế ngự.

Nếu tướng trấn giữ chế ngự được khí thì những kẻ sợ hãi sẽ yên định, sự phản trắc sẽ được dẹp yên, quân địch dầu đông tới trăm vạn cũng sẽ bị đánh đuổi.

Chí ngay thẳng mà mưu thông nhút, khí phát ra mà lòng dũng cảm tăng gấp bội, thì chắc thắng.

130.- LỜI KHUYÊN:

Thấy hư thì tiến, thấy thực thì dừng. Chẳng thấy ba quân đông đảo mà khinh địch. Chẳng thấy việc nhân mệnh làm trọng mà quyết chết, chẳng thấy mình tôn quý mà khinh rẻ người, chẳng vì thiện kiến của riêng mình mà hành động trái ngược với quần chúng, chẳng nghe lời biện thuyết mà cho là đúng hẳn, quân sĩ chưa ngồi thì mình chớ nên ngồi, quân sĩ chưa ăn thì mình chớ nên ăn, khi nắng rét đều phải như nhau, được như thế thì quân sĩ sẽ liều mình quyết chết.

131.- GIỮ BÍ MẬT:

Việc của một người chớ để tiết lộ cho hai người biết. Ngày mai phải đi nơi nào, ngày nay chớ tiết lộ ra. Phải kéo quân một cách kín đáo, lặng lẽ, và cẩn thận đừng cho gián điệp hay biết gì. Điều bí mật trong công việc chớ để tiết lộ ra ở lời nói. Điều bí mật trong lời nói chớ để tiết lộ ra ở dáng mặt. Điều bí mật trong dáng mặt chớ để tiết lộ ra ở tinh thần. Điều bí mật trong tinh thần, chớ để tiết lộ ra ở miệng mị. Có hành động nhưng giấu kín mạnh mẽ, có sử dụng nhưng phải kín miệng. Nhưng điều nói được cũng không hại vì nói cho biết để tỏ ra thành tín. Có điều vốn chẳng bí mật, mà làm ra vẻ bí mật.

132.- VIỆC CỦA TƯỚNG SÚY:

Việc của tướng quân là yên tĩnh để được sâu kín, ngay thẳng để sửa trị, bịt tai bịt mắt của sĩ tốt để chúng không biết gì, thay đổi mưu để chúng không hiểu, thay chỗ ở đổi đường đi để không ai tính toán được điều gì.

Thời kỳ dấy binh cũng giống như trời cao mà vút thang đi. Đem quân đi sâu vào đất chư hầu cũng giống như bắn tên, giống như xua đàn dê, xua đi thì đi, xua lại thì lại mà chẳng biết phải đi đâu. Nhóm họp ba quân đông đảo, ném chúng vào nơi nguy hiểm, đó là việc của tướng quân.

Luận về việc làm thì việc xưa khác việc nay. Việc nhiều thì phép tắc cũng nhiều, thời thay đổi thì lý cũng thay đổi. Cho nên giỏi đọc binh pháp ngàn xưa, thấy có chỗ không thích hợp thì chớ chấp nhận, thấy lời nói bày thì biết sai lầm, như thế cũng chưa đủ để biết quyết đoán, để phân biệt điều nào đúng, điều nào sai.

Vật gì nổi phòng thì đi lên, nên đoạt lấy để mà thoát. Ngăn cấm mà lại thì hành, rắn đe mà lại làm ra, xét thừa mà đặt dấy, do một bên mà được toàn thể, khi làm ra thì thấy kỳ diệu, bộ máy biến hóa tuần hoàn. Người ta câu nệ vì phép tắc mà ta thì bày ra phép tắc. Ai đặt phép hay thì thần linh làm sáng phép ấy.

133.- HỌC HỎI:

Xét tính mệnh để rõ nguồn gốc việc binh. Tìm tòi sử xưa để thấy dấu vết của việc binh. Biết hết tượng số để thấu triệt tượng trưng của việc binh. Biết thời vụ để thông suốt qui tắc của việc binh. Khảo sát khi cụ để biết rõ các vật dụng trong nghề binh. Khi tinh có thể lập mưu mà không để tiết lộ ra ngoài. Khi ra ngoài ắt tìm tòi điều mong muốn của người để sửa trị thiên hạ.

134.- LỄ TƯỚNG:

Tướng mùa đông không mặc áo cầu, mùa hè không phẩy quạt, gặp mưa không che long, đó gọi là lễ tướng, chẳng tự mình theo lễ thì không thể biết sự nóng rét của sĩ tốt. Ra khỏi nơi quan ải, gặp đường bùn lầy, tướng phải xuống bước đi bộ, đó gọi là lực tướng, nếu chẳng ráng sức thì chẳng biết sự lao khổ của sĩ tốt.

Khi đóng quân, chờ quân đã sắp đặt xong, tướng mới vào quán nghỉ, chờ thức ăn quân sĩ nấu chín xong, tướng mới ăn, quân không đốt lửa thì tướng cũng không đốt lửa, đó gọi là ngăn điều muốn. Nếu tướng không ngăn điều thèm muốn thì không biết sự no đói của sĩ tốt.

135.- CHIA LOẠI ĐỂ LUYỆN TẬP:

Hỏi: Phép luyện tập sĩ tốt phải như thế nào?

Đáp: Trong quân nếu có những kẻ mạnh dạn, liều chết, không sợ bị thương tích thì gom họ lại thành một toán gọi là quân xông pha giương đao (quân cầm tử).

- Nếu có những kẻ trèo cao, vượt xa, nhanh chân, chạy giỏi, thì gom họ lại thành một toán gọi là quan binh.

- Nếu có hạng vương thân thất thế muốn được lập công trở lại thì gom họ thành một toán gọi là quân tử đầu (liều chết).

- Nếu hạng con em của tướng chết trận muốn báo thù cho tướng ấy thì gom lại thành một toán gọi là quân tử phần (phần uất mà liều chết).

- Nếu có những kẻ nghèo khó tức giận muốn được thỏa chí thì gom họ lại thành một toán gọi là quân tất tử (quyết chết).

136.- QUI CỬ:

Vua Đường Thái Tôn nói: Gia Cát Lượng nói là binh có quy củ mà tướng bất tài cũng sẽ không thể thất bại, binh không có quy củ mà tướng tài giỏi cũng không thể thắng được. Trẫm nghi ngờ rằng bàn luận ấy chưa được chỉ lý.

Lý Tịnh đáp rằng: Võ Hầu nói như thế hơi quá đáng. Thần xét Tôn Tử có nói rằng: Răn dạy và tập luyện không sáng suốt, lại và tốt thay đội không thường, bày trận ngang dọc, đó gọi là rối loạn. Từ xưa các trường hợp nhờ quân ta rối loạn mà địch được thắng lợi không thể đếm xuể. Răn dạy không sáng suốt có nghĩa là giáo huấn và kiểm soát không đúng theo phép xưa. Lại và tốt không thường có nghĩa là tướng tá và quan lại giữ chức được lâu. Quân ta loạn đem lại thắng lợi cho địch có nghĩa là quân ta tự tan vỡ, chứ không phải địch đánh thắng ta. Bởi thế cho nên Võ Hầu nói là sĩ tốt có qui củ thì dầu tướng sù là người tầm thường, binh ấy cũng không thất bại. Nếu sĩ tốt tự rối loạn, dầu là tướng tài cũng phải chịu nguy hại, như thế không còn nghi ngờ gì nữa.

Vua Thái Tôn nói: Về phép giáo duyệt thì phải tín thực, không thể sao nhãng.

Tịnh nói: Dạy mà đúng đạo thì quân sĩ vui lòng làm theo. Dạy mà không đúng phép thì tuy sáng thức dục, chiều quờ trách cũng không ích gì cho công việc. Hạ thần thường xuyên xét qui chế đời cổ, soạn được nhiều đồ hình nhờ đó tổ chức được đạo binh có qui chế.

Vua Thái Tôn nói: Khanh hãy vì ta mà kẻ lại các trận pháp, nhất là các đồ hình.

137.- TRẬN LỤC HOA:

Vua Thái Tôn nói: Trẫm cùng Lý Tích bàn luận về binh pháp phần nhiều cũng giống với ý kiến của Khanh, chỉ có khác là Lý Tích không cứu xét đến xuất xứ. Hỏi Khanh chế trận pháp lục Hoa từ thuật nào mà ra?

Tịnh nói: Tôi vốn học theo phép Bát Trận của Gia Cát Lượng, trận lớn bọc trận nhỏ, các góc các cạnh đều liên nhau, khúc chiết đối diện nhau. Đời xưa bày ra như thế, hạ thần theo đó mà vẽ đồ hình, cho nên bên ngoài vẽ hình vuông, bên trong vẽ vòng tròn, do đó mà có tên trận là Lục Hoa.

Vua Thái Tôn hỏi: Trong tròn, ngoài vuông, vì sao gọi như thế?

Tịnh đáp: Vuông sinh ở bộ, tròn sinh ở kỳ, dùng vuông làm qui củ cho bộ, dùng tròn để nối vòng quanh. Như thế bộ số định ở đất, hàng nối ứng với trời. Khi bộ được định, vòng nối được tề chỉnh thì sự biến báo không loạn. Bát trận mà làm sáu là phép củ của Võ Hầu.

Vua Thái Tôn nói: Vẽ hình vuông để thấy bộ, điểm vòng tròn để thấy binh. Về bộ thì dạy phép dùng chân, về binh thì dạy phép dùng tay. Khi tay chân đều được tiện lợi, như thế là quá nửa rồi chẳng?

Tịnh nói: Ngô Khởi nói rằng: Xa mà không lia, lui mà không tan, đó là bộ pháp. Dạy quân sĩ cũng giống như bày cờ trên bàn, nếu không vẽ đường cho cờ đi, thì làm sao đánh cờ được? Tôn Tử nói rằng: Đo đất đai để biết rộng hẹp, dài ngắn, đo rồi thì phải ước lượng để biết nhiều ít, ước lượng rồi thì phải tính số, tính số rồi thì phải cân nhắc để biết nặng nhẹ, cân nhắc rồi thì sự thắng bại có thể quyết đoán được. Binh thắng giống như lấy quả dật (20 lạng) so với quả thù (1/24 lạng). Binh bại giống như lấy quả thù so với quả dật, tất cả đều do sự đo lường vuông tròn cả.

Vua Thái Tôn nói: Sâu sắc thay lời nói của Tôn Tử. Không đo lường thế đất xa hay gần, hình dạng rộng hay hẹp thì làm sao đặt ra tiết độ được?

Tịnh nói: Tướng quân tầm thường có thể biết tiết độ được. Kẻ đánh giỏi có thể đánh rất nguy hiểm, thời nhịp hành động của họ thật chớp nhoáng, thế đánh giống như giương nỏ, thời nhịp giống như phóng tên.

Hạ thần theo thuật ấy, phạm khi lập đội đều để cách nhau mười bước, trú đội cách sư đội hai mươi bước, mỗi khoảng cách một đội, lập một chiến đội, phía trước tiến lên lấy năm bước làm tiết, nghe một tiếng giốc thì các đội đều tản ra, đứng không cách nhau quá mười bước. Đến

tiếng giốc thứ tư thì những quân cầm thương đều quì xuống. Bấy giờ đánh ba tiếng trống, hô lên ba tiếng, để chờ ngự sự biến hóa của quân địch từ ba mươi đến năm mươi bước. Đến khi gặp việc thì xếp hàng trước là chính, hàng sau là kỳ, để xem địch ra sao. Đến khi đánh trống lần nữa thì sắp kỳ ở đằng trước, sắp chính ở đằng sau, chờ địch đến để xem chỗ sơ hở, yếu ớt của địch. Trận Lục Hoa đại để là như thế.

138.- CỖ XÍ:

Vua Thái Tôn hỏi: Về phương sắc lấy năm cờ làm chính chẳng? Dùng cờ phan vậy xông vào đánh làm kỳ chẳng? Lấy phân hợp làm biến, lấy số đội cho thích nghi chẳng?

Tĩnh nói: Hạ thần dùng theo phép xưa, phạm ba đội hợp lại thì cờ dựa vào nhau mà không treo nhau, năm đội hợp thì hai cờ treo nhau, mười đội hợp thì năm cờ treo nhau. Thối tiếng giốc, mở năm lá cờ treo nhau thì một lại tán ra làm mười, mở hai lá cờ treo nhau thì một lại tán ra làm năm, mở thứ cờ dựa nhau mà không treo nhau thì một lại tán ra làm ba. Bình tán thì lấy hợp làm kỳ, bình hợp thì lấy tán làm kỳ. Dặn dò đôi ba phen rằng ba tán năm hợp rồi rõ về chính. Như thế bốn sư, tám đuôi có thể tập hợp được, phép sử dụng đội ngũ mới thích nghi được.

Vua Thái Tôn khen hay.

139.- PHÉP HOẠCH ĐỊA:

Vua Thái Tôn hỏi: Sách Thái Công nói rằng: Đất vuông hoặc 600 bước, hoặc 60 bước, đều tiêu biểu cho 12 giờ, thuật ấy như sao?

Tĩnh đáp: Vạch đất vuông 2200 bước, là hình khai phương. Mỗi bộ chiếm đất vuông vức 20 bước, bề ngang 5 bước đặt một người, bề dọc 4 bước đặt một người. Tất cả 2500 người chia ra 5 phương, là không địa và bốn xứ. Cái gọi là khoảng trận là chỗ chứa trận vậy. Võ Vương đánh Trụ, dùng quân hồ bốn là 3.000 người, mỗi trận 6.000 người, cộng lại là 3 vạn quân, đó là phép hoạch địa (chia đất) của Thái Công.

Vua Thái Tôn hỏi: Trận Lục Hoa của khanh chiếm bao nhiêu đất?

Tĩnh đáp: Đất Đại Duyệt vuông vức 1300 bước, nghĩa là Lục Trận chiếm 400 bước chia ra hai khu đông tây. Không địa 1200 bước là chỗ dạy đánh. Hạ thần thường dạy 3 vạn quân sĩ, mỗi trận 5.000 người, lấy một trận để dạy phép cất dinh trại, lấy năm trận để xếp đặt hình thể vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn. Mỗi trận có năm lần biến, tổng cộng là 25 lần biến trở lên.

Vua Thái Tôn hỏi: Trận Ngũ Hành như thế nào?

Tĩnh đáp: Vốn theo 5 phương, sắc mà đặt ra tên ấy, còn 5 trận vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn là do địa hình mà ra. Nếu không tập sẵn 5 thứ trận ấy, làm sao có thể gặp địch được? Thuật cầm binh là thuật dả dối, nên tạm gọi là ngũ hành. Bề ngoài thì lấy nghĩa ở thuật số là tương sinh, tương khắc, mà thực ra bề trong hình thể của binh là giống như nước, tùy theo hình dạng của đất đai mà tìm đường chảy, ý nghĩa là như thế.

140.- CÁCH TẬP LUYỆN:

Người ta thường chết ở chỗ mà mình bất lực, thường thất bại ở chỗ bất tiện cho mình. Cho nên trong phép dùng binh, sự tập luyện phải đứng đầu.

- Một người học đánh, dạy lại vạn người biết đánh.
- Vạn người học đánh, dạy lại thành ba quân biết đánh.

Lấy ta ở gần chờ đánh địch từ xa tới.

Lấy ta nhân chờ đánh địch mệt.

Lấy ta no chờ đánh địch đói.

Binh ta đang bày viên trận, ta buộc chúng đổi thành phương trận.

Binh ta đang ngồi, ta buộc chúng đứng dạy đi.

Binh ta đang đi, ta buộc chúng đứng lại.

Binh ta đang đi qua trái, ta buộc chúng đi qua phải.

Binh ta đang quay ra trước, ta buộc chúng quay ra sau.

Binh ta đang phân tán, ta buộc chúng tụ hợp lại.

Binh ta đang kết hợp, ta buộc chúng giải tán.

Mỗi việc biến dịch ấy đều phải tập luyện cho quen thuộc rồi mới sử dụng binh ấy được, đó là phận sự của tướng sủy.

141.- KIỂM SOÁT VIỆC TẬP LUYỆN:

Binh sĩ thường ngày chìm đắm trong cảnh tiện nghi, an lạc, không được tập quen sự cần lao. Nay muốn sửa lại sự dỗi trụy, luyện gân cốt, làm cho mạnh khỏe thì không gì bằng thì hành phép tắc then chốt sau này.

Từ nay trở về sau phải kiểm soát xem các quan đốc phủ, đề trấn có theo lệ cử hành việc tập luyện cho đều hay không? Mỗi năm vào khoảng thu đông, phải cử hành hai ba lần để tập cho lính quen việc lao khổ và khuyến khích sĩ khí, phép ấy rất hay.

142.- THƯỜNG PHẠT TRONG KHI TẬP LUYỆN:

Về giáo lệnh trong việc binh, việc chia dinh lập trận, nếu có ai không nhận được lệnh mà cứ tùy ý tới lui, thì buộc họ vào tội trái lệnh. Ai cần đi trước, hoặc đi sau, hoặc đi bên phải, hoặc đi bên trái, thì nên dạy họ phải đi như thế nào. Việc răn dạy được chu đáo, thì người thủ lĩnh được thưởng. Không răn dạy cũng đồng một tội như là trái lời dạy vậy.

Khi lâm trận, một ngũ (toán 5 người) phải hành động như một người. Nếu có một người không chịu liệu chết tiền đánh quân địch thì người răn dạy cũng có tội như kẻ phạm pháp. Mỗi thập (toán 10 người) phải tự giữ gìn, nếu mất một người mà chín người không liệu chết tiền đánh quân địch thì người răn dạy cũng có tội như kẻ phạm pháp. Từ thập trở lên cho tới tỷ tướng nếu có ai trái phép thì người răn dạy cũng có tội như kẻ phạm pháp.

Người ngũ trưởng (cầm đầu ngũ) dạy bốn người kia, lấy ván làm trống, lấy ngói làm chiêng, lấy trúc làm cờ. Nghe đánh trống thì tới, thấy hạ cờ thì chạy, nghe đánh chiêng thì lui. Thấy vẫy cờ thì quay qua trái, vẫy cờ thì quay qua phải. Nghe chiêng trống cùng đánh thì ngồi. Ngũ trưởng luyện tập xong thì hợp với tốt trưởng, tốt trưởng luyện tập xong thì hợp với bá trưởng, bá trưởng luyện tập xong thì hợp với binh úy, binh úy luyện tập xong thì hợp với đại tướng, đại tướng luyện tập xong thì bày trận ở đồng giữa, đặt bảng lớn, cứ 300 bước một bảng. Bày xong thì đi gấp rút cách bảng 100 bước, phóng gấp 100 bước. Tập đánh cho đúng tiết độ rồi bày ra thưởng phạt.

143.- CHIA THỨ HẠNG SANG HÈN:

Ngày xưa muốn răn dạy dân chúng, người ta phải chia thứ hạng sang hèn, để cho những kẻ học kinh sử chẳng tranh giành nhau, những kẻ đức nghĩa chẳng lấn lướt nhau, những kẻ tài nghệ chẳng che giấu nhau, những kẻ mạnh dạn chẳng xùx phạm nhau, nhờ đó mà ý chí đồng nhất, tâm ý hòa hợp.

144.- TRIỀU ĐÌNH VÀ QUÂN NGŨ:

Ngày xưa, khách của triều đình không được vào quân ngũ, khách trong quân ngũ không được vào triều đình cho nên tài đức chẳng lẫn nhau.

145.- KHUA ĐỘNG:

Về các cách khua động, thì có phát cờ xí, đập xe, đập ngựa, khua binh khí, vỗ đầu, dậm chân: bày cách khua động đều phải thực hành một lần.

146.- KHUYẾT ĐIỂM:

Nếu đông cũng như ít, hơn cũng như thua, binh khí chẳng sắc bén, giáp trụ chẳng bền bỉ, xe không vững chắc, ngựa không chạy hay, đông mà chẳng tự mình có nhiều, như thế là chưa được đạo.

147.- TÁM TRẬN, CHÍN QUÂN:

Khí thế mạnh mẽ đều do tám trận Thiên, Địa, Phong, Vân, Long, Hồ, Điều, Xà mà ra. Lại lập ra chín quân, để phân biệt rõ, và xây đắp khí thế của trận hình.

Một là thân quân gồm những gia đình mạnh mẽ để hộ vệ đại tướng.
Một là phần quân gồm những người muốn báo thù, nguyện đi trước.
Một là thủy quân có thể xông pha sóng nước, lật thuyền trộm chèo.
Một là hỏa quân có thể phi ngựa xông pha lửa đạn, từ xa đến hãm trận địch.
Một là cung nỗ quân có thể ẩn nấp chỗ hang hẻm, kéo dây cung cùng buông tên một lượt, chế ngự được quân địch ngoài trăm bước.
Một là xung quân có sức mạnh lay chuyển núi non, khí thế hiện ra ở cờ xí, dùng để hãm trận người, bắt bọn giặc mạnh.
Một là kỵ quân, kiêu dũng khác thường, phóng ngựa qua lại giữa hai trận, đuổi đánh quân địch ở chốn xa xôi.
Một là xa quân, tài sức khéo léo nhanh nhẹn, tới thì xông pha tên đá, lui lẩn át quân kỵ, khiến địch không thể đụng đến ta.
Một là du quân qua lại lạnh lẽo tuần phòng, cứu ứng ba quân, mọi cử động đều liên hệ đến ba quân, có những kẻ leo trèo nhanh nhẹn, đi như rắn, nấp như chuột, leo đèo, xuống vực, vượt thành, khoét vách...

Chín toán quân nói trên chạy đi chạy lại để che chở trung quân, còn dư thì chia ra tám góc. Ở các góc để chế ngự, hợp lại để cùng ra quân. Có thể co, có thể dãn, khiến cho trong một trận tất cả huyết mạch đều liên lạc với nhau, liên kết chẳng chặt mà thông suốt hết thảy.

148.- HÒA HIẾU VÀ THÀNH TÍN:

Kết hợp ba quân thì được đồng đảo vậy. Chỉ nhờ vào sự hòa hiếu để kết hợp mà thôi. Kẻ trí xét nó, kẻ dạn dùng nó, kẻ muốn thỏa mãn nó, kẻ bắt khuất nuôi sống nó. Làm bộc lộ sự căm tức, làm sống lại hận thù. Thấy mặt nhọt của người như của mình, bắt tội người mà trừ giết thì như tò lòng bắt nhần. Kẻ có công lao nhỏ nhất cũng phải ghi chép. Kẻ làm được việc thì ban cấp chẳng thường. Được tiền của thì chia đều. Đối với kẻ theo hầu giúp việc thì thương xót. Vỗ về dân chúng, tìm mời kẻ thành tín. Bắt địch chớ giết nhiều. Nếu thành tín như thế, há chỉ có ba quân tuân theo sự chỉ huy của ta thôi đâu? Tất cả thiên hạ sẽ trông ngóng ta như đón gió mát vậy.

149.- CẦM BÌNH:

Việc bình chẳng phải là việc hay. Cái tài làm lợi cho mình cũng là cái tài chuốc hại vào mình. Kẻ mạnh ắt phải giết, kẻ dạn ắt có lòng lang sói. Kẻ trí ắt phải giả trá, kẻ mưu đồ ắt phải nhẫn nhịn. Việc bình không thể bỏ sót những kẻ mạnh, dạn, trí, mưu mà không dùng, tức là không thể bỏ sót những kẻ lang sói, ham giết, giả trá, nhẫn nhịn. Cho nên kẻ cầm binh giỏi thì dùng được tài năng, bỏ điều bất lợi, thu thập điều bổ ích, trừ khử điều tổn hại, như thể thiên hạ không khi nào thiếu kẻ tài năng. Kẻ cự thù cũng có thể chiêu vờ, kẻ lâm giặc cũng có thể vỗ về, kẻ trộm cướp cũng có thể cắt nhắt. Kẻ quả cảm khinh thường pháp luật, kẻ theo hùa với quân địch, và kẻ xa lạ đều có thể dùng được cả.

150.- RÈN LUYỆN:

Ý khởi mà sức yếu, đó là khí suy. Sức dư mà lòng sợ trở ngại, đó là thiếu gan mật. Lúc khí đã suy, gan mật đã mất, thì trí dũng cũng hết mà không thể dùng. Cho nên cần phải lập thể để luyện khí, coi nhẹ thắng lợi để luyện mật, bày tỏ lòng mình để luyện tình, tập tành để luyện trận.

151.- KHÍCH LỆ:

Khi khích lệ quân sĩ, chẳng nên nhờ cậy vào pháp luật. Danh vọng được thêm thì kẻ cường dùng phần khởi. Đem lợi lộc mà dẫn dụ thì kẻ nhẫn nại, quả quyết sẽ phần khởi. Dùng thể lực mà bức bách, lấy nguy nạn mà vây hãm, dùng xảo thuật mà lừa dối thì kẻ nhu nhược cũng phần khởi. Nếu tướng biết thi ân, thị uy thì lòng quân hòa hiệp, việc mưu đồ sẽ thành tựu, ắt là sĩ tốt trong ba quân sẽ giống như rồng cọp rình mồi, khi gặp địch thì khắc chế ngay mà lại có thể lập thể giúp oai nêu cao tiết khí, nếu có thua chạy cũng không mất nhuệ khí, tuy gặp nguy nan vẫn không sờn lòng, như thể bất kỳ ai, ở lúc nào cũng được phần chấn.

152.- PHÁP LỆNH:

Ràng buộc ngựa thì lấy giảm mà đóng vào đầu, muốn ràng buộc binh sĩ thì dùng pháp lệnh. Cho nên muốn hơn thiên hạ thì không thể bỏ pháp luật. Nhưng phải thi ân trọng hậu rồi mới có thể thi hành pháp luật. Hình phạt phải thi hành rồi sau mới lập uy được. Như thể kẻ giỏi dùng binh lấy tiêu chuẩn được, thua để định công tội, biết rõ ai đánh, ai chạy để cứu giúp kẻ tổn thương. Giết một người mà mọi người khiếp uy, phạt kẻ hèn nhất, chém kẻ thất bại, mà quân sĩ càng thêm phần khởi. Đứng nghỉ lặng lẽ như núi non, chuyển động mau lẹ như băng đá, khiến cho quân sĩ không dám khinh lờn phép tắc, cho nên chỉ thắng lợi mà không thất bại.

153.- DỪNG TÀI:

Than tiếc rằng trời khó sinh nhân tài mà có kẻ sĩ trí mưu đến nhờ vả lại không được trọng dụng, có tướng chịu đi đánh địch mà ta lại ngăn cản.

154.- LO NGHĨ ĐẾN QUÂN SĨ:

Kẻ làm tướng phải hỏi thăm việc hư hại, chẳng bao giờ sai khiến mà không thông cảm, đó là cách lo nghĩ bậc nhất đến quân sĩ. Khi quân sĩ phải mang giáp trụ trái nặng dầm sương, đói khát thiếu thốn, thân thể bị thương tích mà chẳng dám than khổ, gặp cơn hiểm nạn mà chẳng dấn thân cứu nguy, cho nên kẻ giỏi dùng binh chẳng để quân sĩ của mình bị địch vây hãm, ai theo thì dùng, ai bỏ thì giết, đó là cách lo nghĩ đến quân sĩ vậy.

155.- NHUỆ KHÍ:

Nuôi uy thì quý ở sẵn có, ứng biến thì quý ở mưu cao. Hai quân đang đánh nhau, nghe hô một tiếng thì phần khởi, đó chỉ nhờ nhuệ khí mà thôi. Quân địch đông đảo đánh tới dữ dội, còn ta ít quân mà tới ngăn chặn chúng được, đó cũng là nhờ nhuệ khí. Giữa đám quân địch, quân ta ra vào, lui tới, xông xáo dọc ngang được, đó cũng là nhờ nhuệ khí. Tướng kiêu dũng, mạnh mẽ, dữ tợn, đó là tướng có nhuệ khí. Như gió, như mưa, làm rung chuyển núi rừng, đó là có nhuệ khí. Tướng đánh tới dữ dội, quân nhảy tới xông xáo, đó là tướng, quân đều có nhuệ khí. Dùng nhuệ khí không đúng chỗ thì vấp ngã, không có nhuệ khí thì suy. Có cơ trí mà có thể chu toàn, phát ra mà thu lại được thì nhuệ khí không bao giờ hết.

156.- PHEP CHIẾN ĐẤU:

Phép chiến đấu là so sánh đạo nghĩa, lập tốt ngũ, định hàng cột, chinh đồn đường ngang lối dọc, xét danh thực. Khi đứng mà đi tới thì cúi xuống, khi ngồi mà đi tới thì quý gối. Sợ thì sắp cho dày, thấy nguy hiểm thì ngồi xuống. Ở xa mà nhìn thì không sợ, ở gần đứng nhìn thì không tan rã. Dưới ngôi vua, quân hai bên trái phải bỏ giáp ngồi xuống, thông thả thể nguyên.

157.- HỒ BỒN:

Trong một toán quân, ắt có hạng hồ bồn (dũng sĩ) có sức gánh nổi vác, khỏe chân chạy hơn ngựa nhưng, đều đủ sức giết cờ giết tướng. Nếu được như thế, nên chọn riêng họ ra để mà thương yêu quý mến họ, đó gọi là quân lệnh. Chia họ ra năm thứ binh, có tài năng, có sức mạnh, có sức khỏe, nhanh nhẹn, nuôi chí nuốt địch. Ban thêm phẩm tước cho họ, để họ quyết thắng, chăm nom cha mẹ vợ con của họ, thường đề khuyến khích họ, phạt để họ sợ uy, đó là phép bày trận vững chắc, có thể giữ gìn lâu dài. Biết xét liệu việc ấy thì có thể đẩy binh gấp bội.

158.- CONG THẮNG:

Võ Hầu nói rằng: Biết trước được cái kẻ cong thẳng thì sẽ thắng, đó là phép tranh giành.

159.- HIỆU LỆNH:

Sách Quân Chính nói rằng: Nói mà không nghe nhau nên mới bày ra chiêng trống. Nhìn nhau mà không thấy nên mới bày ra cờ xí. Mọi người đã chuyên nhất nên kẻ mạnh dạn không được tiến tới một mình, kẻ khiếp sợ không dám đi lui một mình, đó là phép sử dụng số đông vậy.

160.- ĐIỀU TRÔNG MONG:

Năm điều trông mong:

- Mong sĩ tốt được tráng kiện
- Mong cung tên bắn trúng
- Mong tập luyện đao, dáo được tinh thực

- Mong bộ ngũ bày trận được hợp độ
- Mong dùng chiến trống cờ xí cho đúng tiết

Không được làm điều gì bậy bạ vô ích. Cho nên nếu không trông mong ở công việc thì có thể trông mong thắng trận được sao?

161.- PHÂN CÔNG:

Theo phép giao chiến thì kẻ ngắn cầm mâu kích, kẻ dài cầm cung nỏ, kẻ mạnh cầm cờ xí, kẻ dạn cầm chiến trống, người yếu làm việc vật vãnh và nuôi ăn, người trí làm chủ mưu, hàng xóm nương nhau, các đội thập đội ngũ che chở nhau.

162.- CHIỀNG TRỐNG:

Nghe một tiếng trống thì sắp binh chỉnh tề, nghe hai tiếng trống thì tập trận, nghe ba tiếng trống thì đi ăn, nghe bốn tiếng trống thì làm việc nghiêm chỉnh, nghe năm tiếng trống thì vào hàng, nghe trống và chiêng cùng đánh một lần rồi mới đưa cờ lên.

QUẢN LỄ VÀ THUỞNG PHẠT

163.- LỄ NGHI:

Muốn trị quân thì dùng lễ và giữ đầu cán trong tay mình. Theo phép trị quân thì nhỏ hay lớn đều phải giữ lễ nghi, lòng biết đủ phải thực hành ra. Trị quân mà không nhờ vào lễ nghi thì kẻ trợ tá sẽ xúc phạm tướng suý, tướng suý sẽ xúc phạm thiên tử, do đó sinh ra các việc họa hoạn. Quyền binh tối cao không thể không ở trong tay mình. Nếu quyền binh bị rơi vào tay kẻ dưới thì trên dưới có thể lục bằng nhau, trên chẳng sai khiến được dưới, dưới chẳng trình bẩm người trên, đó là bởi quyền binh tối cao không ở trong tay mình. Đời Hậu Đường quân sĩ giết Tiết Độ Sứ rồi giành luôn chức vụ của người bị giết.

(Gần đây nhà Trịnh suy yếu không kiềm chế được người dưới, quân sĩ sinh kiêu căng đem đến cảnh loạn vong, trường hợp này cũng giống như trường hợp trước)*.

* Đoạn này do người đời sau thêm vào, nhắc tới loạn "kiêu binh" thời Trịnh Khải.

164.- SĨ KHÍ:

Trao kiếm dấy binh, giết trâu bò để đãi quân sĩ, an ủi và khích lệ sĩ tốt thì sĩ khí sẽ tăng gấp bội. Nên trọng thưởng công lao giữ gìn biên giới.

165.- GHI CHÉP CÔNG LAO NHỎ NHẤT:

Nghe giặc xâm phạm biên giới, bọn gian bèn âm mưu làm loạn. Bậc nhân thần phụng mệnh ra quân để chinh dôn vương quốc, bảo tồn vương nghiệp, lập công trạng lớn lao. Binh pháp nói rằng: công lao nhỏ nhất mà không được ghi chép thì chẳng nên thưởng công lao ngoài biên giới.

166.- MIỄN LỄ NGHI CHO QUÂN SĨ:

Trong quân thì rảng sức mà tiến lên, trong hàng ngũ thì thi đua lấy thành quả. Mang giáp trụ thì không lạy, ngồi binh xa thì không làm lễ. Nên việc thì chẳng để sai chệch, gặp cảnh nguy nan chẳng sờn lòng. Cho nên lễ nghi và phép tắc là bề ngoài và bề trong, văn và võ là tay phải tay trái.

167.- TIẾP ĐÓN BỀ TRÊN:

Nếu bề trên đi kiệu mà đến, thì đạo tôi con là phải giết trâu bò, rót rượu mà đãi đẳng trăm quan, há dám vịn cớ có giặc mà thiếu lễ với bậc vua, cha hay sao?

168.- TRỄ NẢI, ĐÀO NGŨ:

Lính đến trại của đại tướng trễ sau tướng và lại sĩ một ngày thì cha mẹ vợ con cũng mang tội như nhau. Lính trốn về nhà một ngày mà cha mẹ vợ con chẳng bắt nộp hay không báo cáo thì mang tội như nhau.

169.- BỎ RƠI ĐỒNG NGŨ:

Hạm đánh mà quên cả tướng súy và lại sĩ hay là tướng súy và lại sĩ bỏ rơi quân lính mà chạy trốn một mình thì phải đem chém hết.

Lại sĩ trước bỏ lính mình mà chạy, lại sĩ sau chém được lại sĩ trước và giữ lính lại thì được trọng thưởng.

170.- LIÊN ĐỐI TRÁCH NHIỆM:

Ba quân đang đánh lớn, nếu đại tướng chết mà có trên 500 quân theo lại sĩ không chịu liều chết đánh lại quân địch thì phải chém hết, các quân lính theo hầu gần đại tướng ở giữa trận cũng phải chết chém. Ngoài ra các sĩ tốt có công trạng phải bị giáng xuống một cấp, sĩ tốt không có công trạng thì phải đi lính thú ba năm.

Trong một ngũ có người thất lạc hay chết mà không lấy được thầy, thì mọi người trong ngũ đều mất hết công trạng, nếu tìm được thầy thì xá tội hết thảy.

171.- BA THẮNG LỢI:

Nay dùng pháp luật để trừng trị sự bỏ trốn, ngăn ngừa sự giảm quân số, đó là thắng lợi thứ nhất về việc binh.

Thập và ngũ nổi lên nhau. Khi chiến đấu, lính và lại sĩ cứu nhau, đó là thắng lợi thứ hai của việc binh.

Tướng giữ uy vũ, lính giữ tiết độ, hiệu lệnh tính thực, đánh hoặc giữ đều thành công, đó là thắng lợi thứ ba của việc binh.

172.- LỆNH NGĂN CẤM QUÂN SĨ:

Nghe rằng người xưa trị quân, khi trời mưa, trong quân có người lấy của dân một cái nón để che đầu thì người ấy phải bị chém đầu để rao cho mọi người biết. Huống là chặt phá cây cối, đâm nát ruộng nương của dân, phá hủy nhà cửa của dân, gian dâm, trộm cắp, chặt đầu của binh sĩ chết (?), giết con trai của giặc, làm nhục vợ của giặc, thậm chí giết thường dân bừa bãi rồi chặt đầu báo là đầu giặc, như thế lý trời chẳng dung, phép vua chẳng tha. Ai mang tội ấy thì sẽ bị xét xử theo quân pháp.

173.- THƯỜNG NGƯỜI NHỎ, PHẠT NGƯỜI LỚN:

Tướng lấy việc giết người lớn làm uy, thường người nhỏ làm sáng suốt. Bởi vì giết người đang ở địa vị quý trọng, đó là hình pháp cực nghiêm vậy. Thường cho kẻ chân trâu, giữ ngựa, đó là sự thưởng thông suốt tới người dưới. Do đó mà tướng suýt xây dựng được uy tín cho mình.

174.- DỪNG NGƯỜI:

Lính chưa thân thiết với mình mà đã phạt chúng thì chúng không phục, nếu chúng không phục thì khó dùng. Khi lính đã thân thiết với mình mà sự trừng phạt không thi hành thì cũng không dùng được. Cho nên lấy văn mà sai khiến chúng, lấy võ mà sửa trị chúng, đó là phép dùng người. Mệnh lệnh mà mình đã tự thi hành rồi đem ra dạy dân thì dân sẽ phục, mệnh lệnh mà mình tự thi hành rồi đem ban bố cho dân thì sẽ được hợp ý.

MẠC HẠ

175.- CHỌN LỰA NHÂN VIÊN CHO MẠC PHÚ (BỘ TƯ LỆNH):

Chọn hai người cho việc thiên văn: Xem sao, xem lịch, xét phong thổ, khí hậu, chọn ngày giờ, quan sát các việc thiên tai quái dị.

Chọn hai người coi việc địa lợi: xét hình thế đất đai lợi hại, xa gần, khó dễ.

Chọn hai người coi việc binh pháp: giảng luận binh pháp, luyện tập việc binh.

Chọn hai người coi việc thư toán (kế toán): ghi chép lương hướng, quân số, khí giới.

Chọn hai y sĩ: để điều trị quan nhân.

Chọn ba du sĩ (điệp viên hay thám tử): để làm việc gián điệp, tuần thám.

Chọn bốn người coi việc thư từ (công văn): để soạn thảo các từ, trát, chương, sớ, viết các bài tấu, biểu.

176.- DỪNG PHÉP KỶ (TRÁI VỚI PHÉP CHÍNH):

Cầm quân mười vạn, biết bao nhiêu là sĩ tốt phải chết vì xông pha nguy hiểm, cho nên không thể dùng phép kỷ.

Đem quân đi đường ngàn dặm, gặp biết bao nhiêu là gián điệp tài nghệ thần diệu nên cũng không thể dùng phép kỷ.

Ta xem các nhà chuyên dùng phép kỷ, hễ mưu kế lập sẵn rồi thì thành công, còn nếu gặp đánh bất ngờ thì phải thất bại, thực có trường hợp như thế.

Há chẳng phải quân cầm tử chẳng giúp tướng sủng, gián điệp chẳng được tướng thưởng công khai! Ân huệ đã cảm động được lòng người, nghĩa khí đã kết thành, thế mà thường phải lo sợ không rằng được, huống hồ là tướng sủng chẳng từng trải gian lao, huống hồ là lương hướng không sẵn sàng, bấy giờ gặp lúc cần kíp, nhảy mắt còn chưa kịp, đâu có dùng phép kỷ, đâu có thể minh tự dùng được hay sao?

177.- DỪNG NHÂN TÀI:

Bậc vương giả có nhiều người làm tay chân, tai mắt, bậc đại tướng có lắm kẻ làm vây cánh

giúp rập. Cho nên quân đội dùng nhân tài giống như triều đình.

Có hạng trí sĩ (kẻ sĩ có mưu trí) coi việc tham mưu, việc tán hoạch, việc mưu lược, dùng ngay dưới trướng để quyết định việc quân cơ.

Có hạng dũng sĩ (kẻ sĩ mạnh dạn) như là kiêu tướng, kiện tướng, mãnh tướng ... chuyên lo việc quyết chiến, xung đột, dẫn quân đâm đương các việc nguy hiểm trước mọi người.

Có hạng thân sĩ (kẻ sĩ thân cận) như là tư tướng, ốc tướng, nha tướng, cốt để hầu gần ở hai bên mình, tuyên bố mệnh lệnh, nắm giữ cơ quyền.

Có hạng thức sĩ (kẻ sĩ biết rộng) hiểu trận nghi, biết biến hóa xem cánh trí, thăm dò mây, nước, gió, mưa, xét đất đai, thấy rõ địch tình, biết được điều sâu kín, nhỏ nhặt, quyết định việc quân tới, lui, ngừng nghỉ.

Có hạng văn sĩ (kẻ sĩ văn học) thông suốt việc xưa nay, hiểu rõ dịch lý, giữ gìn nghi tiết, soạn thảo các tờ hịch sớ, từ, chương ...

Có hạng thuật sĩ (kẻ sĩ biết pháp thuật) thông thạo các việc thần linh, âm dương, ngày giờ tốt xấu, bói toán, pháp thuật, để làm lợi cho mình, tổn hại cho địch.

Có hạng số sĩ (kẻ sĩ coi về toán số), coi sổ sách kế toán, quân số, việc bổ dụng, thăng thưởng, quân nhu ...

Có hạng kỹ sĩ (kẻ sĩ khéo léo) như kiểm khách, cầm tù, giỏi việc trộm cướp, giỏi việc du thuyết, gián điệp, ra vào thành lũy của địch một cách dễ dàng...

Có hạng nghệ sĩ (kẻ sĩ có nghề riêng) lo về tiền của, khí cụ, đào hào rãnh, tu bổ vật hư hỏng, sáng chế các máy móc lạ lùng...

Ngoài ra, mỗi người đều có biệt tài, thí dụ như cười đùa, nhảy múa, chèo mảng, ca hát, nấu nướng, giả dạng, chạy nhanh ...

178.- TRÍ VÀ LỰC:

Trời sinh ra người, nếu khí tụ tại trung hư thì sinh ra trí tuệ, nếu khí tan ra bốn tay chân thì mọc mọc. Mọc mọc thì có nhiều sức. Kẻ trí thì yếu ớt. Những kẻ trí dũng kiêm toàn ở trên đời không có nhiều. Cho nên ai hơn được một trăm người thì đứng đầu một trăm người, ai hơn được một ngàn người thì đứng đầu một ngàn người. Hơn một ngàn người thì thành một quân. Ai có tài ứng biến với thời cơ, có thể đương đầu với một cuộc tấn công thì đủ sức làm trưởng quân (cầm đầu một quân). Quân có lúc bị cô đơn, sai khiến tướng quân ắt mong dùng lấy một mình, cho nên nếu giỏi dùng nhân tài thì kẻ trợ tá cũng có thể làm đại tướng.

BINH CỤ

179.- CÔNG DỤNG CỦA MỖI ĐỒ VẬT:

Móc, dùi dùng để làm đất
Búa, rìu, dao, cưa dùng để làm cây gỗ
Thợ rèn dùng để làm đồ kim chất
Trâu ngựa dùng để chuyên vận
Gà chó dùng để dò xét
Thợ may dùng để may áo trận
Thuốc men dùng để chữa bệnh
Chông gai để phòng lót đường bẫy giặc
Giày da để phòng chạy gấp
Lương khô để phòng thiếu thức ăn

180.- PHÉP DỤ BẮT NGỰA GIẶC:

Ngày xưa đời Hậu Đường, Sử Tư Minh làm phán. Hắn có ngàn ngựa hay, mỗi ngày đem ra sông Hà Chử mà tắm rửa, làm tuần hoàn như thế để tỏ rằng mình có nhiều ngựa.

Lý Quang Bất khiến tìm trong năm quân trăm ngựa đực, đánh vào đầu chúng ở trong thành, chờ khi ngựa giặc đến sông Hà Chử, thì cho ngựa của mình đi ra hết. Đàn ngựa hí mãi không thôi. Ngựa giặc nghe tiếng hí bèn bơi qua sông đi hết vào trong thành.

182.- HỎA TIỄN:

Hỏa tiễn có thể rất mạnh, quân địch sợ nó hơn là cung nỏ. Nếu chế hay, mỗi chiếc có thể bắn xa sáu bảy trăm bước. Phải nên thuốc súng chừng ba vạ cái mới dùng được, đầu trên dùng chất mồi lửa chừng hai phần mười.

Gặp trường hợp hỏa tiễn quá mạnh mà buồm chiếu quá mỏng, hỏa tiễn bắn vào thì xuyên lút qua mà đi luôn thành thử không cháy được. Nếu sợ đi xuyên qua luôn, thì cách miêng chừng hai ba tấc, ta gắn một chữ thập bằng tre để chặn nó lại. Chỗ tre và sắt tiếp nhau, người ta dùng giầy vắn và sơn một lớp sơn cho kín. Dưới lớp sơn có thể dùng linh hoa để ngăn âm thấp. Ở phương nam người ta dùng tới ba trăm chiếc cho vào một ống, gọi là oa phong hay hỏa lung. Dùng chín chiếc thì gọi là cửu lung đồng. Thứ nhỏ gọi là dũng tiễn.

Có thể ngồi trên ngựa mà phóng hỏa tiễn.

183.- HẦM CHÔNG GAI DỪNG ĐỀ BẦY NGỰA GIẶC:

Đào hố vuông sâu chừng bốn thước, rồi đặt chông gai ở dưới, mặt trên gác cây, phủ cỏ và đất cho bằng phẳng như là đất hoang. Nếu giặc xông tới đánh đình trại thì sẽ sụp vào hố chông ấy. Người và ngựa của giặc bị thương sẽ bị phục binh của ta bắt giữ.

HIỆU LỆNH

184.- QUÂN LỆNH:

Một khi hiệu lệnh được phát ra, ba quân đều chấn động sợ sệt.
Nghe trống thì tiến, nghe chiêng thì dừng.
Nghe súng bắn thì đứng dậy, nghe chuông đánh thì ăn.
Nghe đánh phểu thì ráng sức, thấy vẫy cờ thì chạy mau.
Gặp mưa không núp, gặp nóng không cởi giáp.
Mặt không buồn vui khi.
Thấy nguy nan không trở lui.
Gặp tiền của không lấy.
Hãm thành không giết bừa bãi.
Có công trạng không khoe khoang.
Dong ruổi thì lặng lẽ.
Bị đánh cũng không rung động. Bị chấn áp cũng không sợ hãi.
Bị đánh úp không bỏ chạy, bị đánh cắt ngang mà không phân tán.

Đó gọi là binh nghiêm chỉnh.

185.- VIỆC QUẤY:

Thánh hiền không thấy sai quấy thì miễn lỗi, binh pháp không thấy sai quấy thì ghi công. Cho nên kẻ giỏi dùng binh thì thi hành đối trái trái ngược, đây nghịch lấy bậy.

Trời luân hành theo thời, quỷ thần mượn thời mà hành động, mộng寐 cũng theo thời mà hiện ra, các vật lạ cũng theo thời mà sinh ra, câu ca dao, lời sấm cũng theo thời mà nói, mọi việc sắp đặt cũng theo thời mà chia riêng, tiếng lời cũng theo thời mà phát biểu.

Khuyến khích lòng quân, ngăn trở khí thế của địch, khiến người không thể liệu lường. Luân chuyển trừ bỏ điều quấy rồi lại dùng điều quấy. Và lại điều hư quấy, ngay thẳng nhờ cậy vào nó thì không đủ, đã dối mượn dùng nó thì thường có dư.

186.- DỪNG PHỤ NỮ:

Thường nghe bậc đại tướng ngày xưa cũng từng nhờ cậy vào sự mềm yếu của phụ nữ. Khi dùng văn thì khiến cho giặc vui chơi sướng khoái, khi dùng võ thì cỡi xe chiến đấu, cứu nạn giải nguy, tùy cơ ứng biến, đều có lợi cả.

187.- DỪNG VĂN ĐỂ DẠY ĐỀU ƯỚC CẤM LỆNH:

Nghề võ chuyên luận về tách dũng, nhưng cáo, hịch ... thì cần văn. Có khi một lời nói mà có thể cứu nước, làm cho quân giặc phải đầu hàng. Sĩ tốt thì ít biết văn chương, chữ nghĩa. Bởi thế cho nên, khi nhân hạ nên buộc sĩ tốt tập hò, tập hát, truyền tai nhau các điều ước, cấm lệnh, các bài chiếu giảng giải các điều nghĩa dũng và cái đạo của quân tử, của nho sĩ, tức là chẳng làm tổn hại người bề trên. Đó là binh pháp vậy.

188.- BAN BỐ ĐIỀU LỆNH:

Con người lấy tâm mà định lời, định lời để ra lệnh. Bởi thế nên phần khích tách hào hùng, mưu lược, nói lời cứng cỏi, mạnh mẽ, giữ lòng sắt đá, chịu trái phong sương, sau đó mới ban bố hiệu lệnh, lập quân pháp nghiêm minh.

Trước ba ngày, treo lệnh tại quân môn, khiến viên quan quân chính cầm bản tuyên bố giữa sáu quân. Nếu có ai trái lệnh thì khiến quan quân chính tập họp quân nhân, rồi theo lệnh mà hành hình để cho sáu quân đều biết rõ.

189.- TRỪNG PHẠT KÊ PHẠM QUÂN LỆNH (QUÂN PHÁP):

Khi bậc đại tướng quân đã nhận mệnh, cầm hết quyền chinh chiến trong tay, làm lễ khao quân xong rồi mới ban bố mệnh lệnh. Ai trái lệnh sẽ bị giết.

Nghe trống mà không tiến, nghe chiêng mà không dừng, thấy đưa cờ lên mà không đứng dậy, thấy hạ cờ mà không nằm rạp, đó là quân bội nghịch, phải chém chúng.

Nghe gọi tên mà không đáp, được vờ mà không tới, hoặc tới mà trễ nải, cử động sai quy luật, đó là quân ngạo mạn, phải chém chúng.

Ban đêm thì khảo chuyện gian dối, thường biếng nhác không hăng hái, trù tính sai lầm, hiệu lệnh không rõ ràng, đó là quân lười biếng, phải chém chúng.

Thường nói lời oán vọng, không được thưởng thì giận hờn, được chủ tướng dùng thì tỏ ra cứng đầu khó trị, đó là quân ngang dọc, phải chém chúng.

Tự xưng tên họ phẩm chức mà cười nói, như là trên mình chẳng có ai, bị ngăn cấm vẫn không chừa, đó là quân kiêu căng, phải chém chúng.

Giữ khí giới mà để cung nỏ đứt dây, tên thì thiếu mũi hay thiếu lông đuôi, kiếm kích thì đuôi lứt, cờ xí rách nát, đó là quân lừa dối, phải chém chúng.

Nói lời dối trá bày đặt việc quỷ thần, mượn chuyện mộng mị, phỉnh gạt lại sĩ, đó là quân yêu nghiệt, phải chém chúng.

Đến nơi nào thì phá phách nhân dân, hãm hiếp phụ nữ, đó là quân gian tà, phải chém chúng.

Miệng lưỡi sắc bén, hay bàn phải trái, gieo oán giữa các lại sĩ, khiến họ chẳng hòa hiệp, đó là quân dèm pha, phải chém chúng.

Trộm tiền của người để làm của mình, đoạt thủ cấp của người khác để dành công lao về phần mình, đó là quân trộm cắp, phải chém chúng.

Khi tướng quân tụ họp để bàn mưu, mà đến gần trưởng để nhìn trộm, nghe trộm sự tình, đó là quân dò thám, phải chém chúng.

Khi nghe được mưu kế và hiệu lệnh của quân mình, mà bắn tiếng ra ngoài để địch quân nghe được, đó là quân bội phản, phải chém chúng.

Khi được sử dụng, mà cầm miệng chẳng đáp, gục đầu ủ rũ làm ra vẻ khó nhọc, đó là quân hèn yếu, phải chém chúng.

Chẳng giữ hàng ngũ, tranh giành trước sau, nói năng ồn ào, chẳng theo cấm lệnh, đó là quân lộn xộn, phải chém chúng.

Giả vờ bị thương hoặc mang bệnh để tránh việc khó nhọc, giả vờ cứu giúp kẻ thương vong để lẫn xa, đó là quân dối trá, phải chém chúng.

Khi giữ tiền của, đến lúc ban thưởng lại tây vị những người thân thuộc khiến cho lại và tốt hờn oán nhau, đó là quân thói nát, phải chém chúng.

Thấy giặc mà không xét, xét giặc mà không biết rõ, giặc động mà nói không, giặc không động mà nói có, giặc nhiều mà nói ít, giặc ít mà nói nhiều, đó là quân lảm lác, phải chém chúng.

Tại chốn đồn trại, chẳng phải lúc khao quân mà bày ra uống rượu, đó là quân phóng dăng, phải chém chúng.

Khi pháp lệnh trên đã lập xong, trong lại sĩ có ai phạm phép thì cứ theo phép mà xử chém.

190.- DÙNG BINH TRÊN TÁN ĐỊA (ĐỊA PHẬN CỦA MÌNH):

Quân địch vào sâu trong nước ta, mà thành quách chưa hoàn bị, cỏ lương thiếu thốn, cố thủ thì không lợi. Bên ta nên hẹn nhau quyết chiến, còn nếu sợ sệt mà thôi lui thì ắt chết. Ai bắt được gì, lấy được gì thì ban thưởng. Ai làm tướng quay lui cũng đem chém, gặp địch mà thân không định, số mục thay đổi cũng chém; có sắc mặt lo buồn, nghiêng ngả nhìn nhau mà nháy mắt bỏ bê chiêng trống chẳng ứng đối, đều phải chém hết. Được một thủ cấp cũng trọng thưởng, như thế mới có thể dùng binh trên tán địa được.

191.- THƯỜNG PHẠT THEO LỄ NGHI:

Nếu bậc đại tướng cũng dùng lễ nghi để thi hành việc thường phạt thì sĩ tốt không hờn oán mà mọi người sẽ lo sợ.

Một là các điều quân lệnh phải thật nghiêm khắc khi ra quân lần đầu để cho tai mắt quân sĩ phải thấm nhuần, khiến chúng phải tránh né không dám phạm vào.

192.- XỬ CHÉM:

Một là giả vờ có bệnh, có ý muốn trốn. Đi nửa đường rồi bỏ trốn, thì phải chém.

Một là cướp tiền của của nhân dân và hiếp dâm phụ nữ, thì phải chém.

Một là đào bới mồ mả để lấy tiền của thì phải chém.

Một là tự ý vào các đền, miếu để lấy các đồ vật thì phải chém.

Một là ngầm giao thiệp riêng với quân địch, làm tiết lộ quân cơ thì phải chém.

Một là bỏ đội ngũ, tự ý vào nhà dân mà ngủ nghỉ thì phải chém.

Một là trong đêm vô cớ la ó khiến quân sĩ lo sợ, thì phải chém.

Một là trong đêm đốt lửa không cẩn thận làm cháy dinh trại, thì phải chém.

Một là canh giữ, tuần phòng sơ xuất để quân địch thừa cơ lên vào thì phải chém.

Một là tự ý giết tướng và lính đến đầu hàng, thì phải chém.

Một là làm cho cha con, chồng vợ của tướng lính đến đầu hàng phải xa nhau thì phải chém.

Một là hiếp bức nhau, đánh nhau đến nỗi chết người, thì phải chém, quân viên cũng bị phạt.

193.- ĐÁNH ĐÒN:

Một là cướp tiền của, chộc phá phụ nữ, thì phải đánh nhiều bằng gậy.

Một là chửi bới nhau, trái với quân lễ thì phạt đánh bằng gậy.

Một là trên dưới tranh giành nhau làm mất thứ tự, thì phải đánh nhiều bằng gậy.

Một là nhận riêng rượu và thức nhắm đến nỗi ăn nhấm thuốc độc của quân địch thì quân viên chịu trọng tội.

Một là giao thiệp riêng với thầy phù thủy, thầy bói, đồng cốt, bày đặt ra việc họa phúc, gieo nghi ngờ trong quân ngũ, thì phải đánh bằng gậy.

Một là say rượu, nói bậy, chẳng giữ vị thứ, chửi tỉnh rượu xong sẽ đánh bằng gậy và giảng luận cho nghe.

Một là phá phách nhà cửa của nhân dân, bẻ hái hoa quả thì phải đánh bằng gậy.

194.- KHẨU HIỆU:

Một là phát hiệu lệnh: Buổi chiều trong quân ngũ hãy xét chung các nhân viên. Tề hầu, Tham tán tới biên lãnh khẩu hiệu. Mỗi canh đổi một khẩu hiệu. Một khẩu hiệu có hai chữ. Hỏi chữ này phải đáp chữ kia. Thí dụ: Hỏi võ thì đáp cường, hỏi dũng thì đáp an.

195.- ÁM HIỆU:

Quân đi mà không thông đồng với nhau, ắt những nhóm bị phân chia không thể kết hợp với nhau, những nhóm ở xa không thể cứu ứng, đây đó đâu có thể hiểu nhau được, đó là đường lối thất bại. Nhưng thông đồng với nhau mà không kín đáo thì ngược lại bị địch mưu toan phá hoại. Cho nên nếu không dùng chiêng, còi, không dùng ngựa chạy mang lệnh tiền, không đốt lửa, phun khói, thì lấy gì mà thông báo những việc kinh động cấp bách?

Hai quân gặp nhau thì nên dùng ám hiệu để liên lạc với nhau, đi xa ngàn dặm thì liên lạc bằng thư trắng (không đọc được) viết bằng chữ không ra chữ, dùng lời văn không hiểu được, không viết trên giấy. Kẻ mang thư cũng không hiểu gì, dầu có tìm tòi cũng không ra gốc tích. Thần diệu thay! Thần diệu thay! Hoặc bị địch ngăn cách, hoặc bị mất liên lạc, hoặc ở quá xa không kịp gặp nhau, ắt phải dùng cơ mưu để thông tin theo cách trên.

196.- HIỆU LỆNH LÀ GỐC:

(Ngày xưa) Võ Vương hỏi rằng: Nếu binh của ta bị phân ra ở nhiều nơi, muốn chúng tụ hội đúng kỳ hạn, phải làm thế nào?

Thái Công đáp: Theo phép dùng binh thì ba quân đông đảo phải biết cách biến hóa phân hợp. Bậc đại tướng trước hết phải định chỗ đánh và ngày đánh rồi mới truyền hịch cho tướng sĩ biết ngày hẹn đánh thành vây ấp, phải tụ hội nơi nào, ngày đánh phải nói rõ, giờ khắc phải đúng đắn. Đại tướng lập dinh, bày trận, xây dựng viên môn, dọn đường để chờ tướng sĩ tới, xem thử ai tới trước, ai tới sau. Ai tới trước hẹn thì thưởng, ai tới sau hẹn thì chém, như thế xa gần đều chạy lại, ba quân đều tới đủ để góp sức cùng đánh.

Vua hỏi: Thái Công giảng bày sách Cẩm Thư, phép thắng bại ngũ âm như thế nào?

Thái Công đáp: Theo phép dùng binh, hiệu lệnh là tai mắt. Kẻ dùng binh mà không rõ hiệu lệnh cũng như người mù đi đêm. Hạ thần xem phép dùng binh trong kinh đều lấy hiệu lệnh làm gốc vậy.